KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập

TOÁN 5

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập TOÁN 5

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Vở bài tập Toán 5 được biên soạn dành riêng cho các em, giúp các em củng cố, hoàn thiện nội dung đã học trong sách giáo khoa Toán 5.

Vở bài tập Toán 5 chủ yếu gồm các bài luyện tập, thực hành có cùng nội dung, mức độ như các bài tập trong sách giáo khoa Toán 5, chỉ khác về hình thức thể hiện và số liệu. Cách làm các bài tập trong vở này cũng tương tự như cách làm các bài tập trong sách giáo khoa. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực học tập toán và giúp các em cảm nhận được niềm vui học toán, **Vở bài tập Toán 5** còn giới thiệu một số dạng bài tập kiểu mới.

Vì vậy, các em có thể làm bài ở vở này trong thực hành, luyện tập, ôn tập hoặc khi tự học.

Hi vọng cuốn vở này sẽ là người bạn đồng hành gắn bó với các em trong suốt năm học.

Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công nhé!

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 2

Bài 1. Ôn tập số tự nhiên 5

Bài 2. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên 8

Bài 3. Ôn tập phân số 11

Bài 4. Phân số thập phân 14

Bài 5. Ôn tập các phép tính với phân số 15

Bài 6. Cộng, trừ hai phân số khác mẫu số 20

Bài 7. Hỗn số 24

Bài 8. Ôn tập hình học và đo lường 27

Bài 9. Luyện tập chung 30

Bài 10. Khái niệm số thập phân 36

Bài 11. So sánh các số thập phân 40

Bài 12. Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân 43

Bài 13. Làm tròn số thập phân 47

Bài 14. Luyện tập chung 49

Bài 15. Ki-lô-mét vuông. Héc-ta 51

Bài 16. Các đơn vị đo diện tích 54

Bài 17. Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng 57

Bài 18. Luyện tập chung 61

Bài 19. Phép cộng số thập phân 64

Bài 20. Phép trừ số thập phân 67

Bài 21. Phép nhân số thập phân 69

Bài 22. Phép chia số thập phân 73

Bài 23. Nhân, chia số thập phân với 10; 100; 1 000;...
hoặc với 0,1; 0,01; 0,001; 77
Bài 24. Luyện tập chung 79
Bài 25. Hình tam giác. Diện tích hình tam giác 83
Bài 26. Hình thang. Diện tích hình thang 90
Bài 27. Đường tròn. Chu vi và diện tích hình tròn 97
Bài 28. Thực hành và trải nghiệm đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình 103
Bài 29. Luyện tập chung 107
Bài 30. Ôn tập số thập phân 111
Bài 31. Ôn tập các phép tính với số thập phân 114
Bài 32. Ôn tập một số hình phẳng 119
Bài 33. Ôn tập diện tích, chu vi một số hình phẳng 122
Bài 34. Ôn tập đo lường 127
Bài 35. Ôn tập chung 130

BÀI 1 ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Số gồm	Viết số	Đọc số
4 chục nghìn, 2 nghìn, 9 trăm, 5 chục và 1 đơn vị	42 951	bốn mươi hai nghìn chín trăm năm mươi mốt
2 chục triệu, 6 nghìn, 5 chục và 1 đơn vị		
7 trăm nghìn, 9 chục nghìn, 2 chục và 6 đơn vị		
5 triệu, 3 trăm nghìn, 2 trăm, 9 chục và 1 đơn vị		

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 603 172 = 600 000 + 3 000 + ... + 70 + 2

b) 8 250 117 = 8 000 000 + ... + 50 000 + 100 + 10 + 7

c) 56 200 900 = 50 000 000 + 6 000 000 + 200 000 + ...

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt có thói quen viết các số biểu diễn ngày, tháng, năm liên tiếp nhau để được một số tự nhiên có nhiều chữ số. Ví dụ, ngày 30 tháng 4 năm 1975, Rô-bốt sẽ viết được số 3 041 975.

a) Với ngày Thương binh – Liệt sĩ năm nay, Rô-bốt sẽ viết được số:

.....

b) Giá trị của từng chữ số 7 trong số mà Rô-bốt đã viết ở câu a là:

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Viết ba số lẻ liên tiếp vào 3 chiếc mũ, mỗi chiếc mũ được viết một số. Việt, Nam và Rô-bốt, mỗi bạn đội một chiếc mũ trên. Rô-bốt nhìn thấy số được viết trên mũ của Việt và Nam là 2 023 và 2 019.

Chiếc mũ mà Rô-bốt đang đội được viết số nào?

A. 2 015 B. 2 021 C. 2 027

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Sông A-ma-dôn có độ dài 6 992 000 m, sông Trường Giang có độ dài 6 300 000 m và sông Mê Kông có độ dài 4 350 000 m. Hỏi trong các con sông trên, con sông nào ngắn nhất?

A. Sông A-ma-dôn B. Sông Trường Giang C. Sông Mê Kông

b) Cửa hàng bán một chiếc xe đạp với giá 3 250 000 đồng, một chiếc máy tính với giá 12 000 000 đồng và một chiếc bút với giá 8 000 đồng. Hỏi đồ vật nào có giá tiền cao nhất?

A. Xe đạp B. Máy tính C. Chiếc bút

2 Trong bốn năm, số học sinh của trường A được thống kê như bảng số liệu dưới đây.

Năm	2020	2021	2022	2023
Số học sinh	1 785	1 983	2 311	2 299

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Năm 2020, trường A có ..... học sinh.

Năm 2021, trường A có ..... học sinh.

Năm 2022, trường A có ..... học sinh.

Năm 2023, trường A có ..... học sinh.

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

• Năm nào trường A có nhiều học sinh nhất?

A. Năm 2020 B. Năm 2021

C. Năm 2022 D. Năm 2023

• Năm nào trường A có ít học sinh nhất?

A. Năm 2020 B. Năm 2021

C. Năm 2022 D. Năm 2023

3 Rô-bốt quan sát số lượt xem một chương trình ti vi và đưa ra nhận xét: "Chương trình ti vi này có khoảng 1 700 000 lượt xem.". Thực tế, số lượt xem của chương trình ti vi đó là 1 658 402.

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Rô-bốt đã làm tròn số lượt xem đến hàng .....

b) Làm tròn số lượt xem của chương trình ti vi đó đến hàng nghìn thì được số: .....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt lập số 836 027 bằng các tấm thẻ như hình dưới đây.



Khi đổi chỗ 2 tấm thẻ, số chẵn lớn nhất có thể nhận được là: .....

BÀI 2 ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 1 623 + 4 829 | 172 872 – 82 391 | 674 + 12 819

.....

.....

.....

b) 263 × 3 | 208 × 12 | 5 423 : 17

.....

.....

.....

2 Không thực hiện phép tính, hãy nối các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau.

462 + 7 819	1 999 + (4 025 + 975)
1 999 + 4 025 + 975	3 × (85 + 15)
672 × 39	7 819 + 462
3 × 85 + 3 × 15	39 × 672

3 Mẹ mua hai gói trái cây sấy hết tất cả 54 000 đồng. Trong đó, gói mít sấy có giá hơn gói chuối sấy là 10 000 đồng. Tính giá tiền mỗi gói trái cây sấy mà mẹ đã mua.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Rô-bốt đi siêu thị mua một số món đồ với giá như sau:

Món đồ A: 25 000 đồng. Món đồ B: 40 000 đồng.

Món đồ C: 50 000 đồng. Món đồ D: 50 000 đồng.

Món đồ E: 60 000 đồng. Món đồ G: 75 000 đồng.

Món đồ H: 90 000 đồng. Món đồ M: 10 000 đồng.

Tính tổng số tiền Rô-bốt cần phải trả bằng cách thuận tiện.

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) 1 873 + 250 × 4

= .....

= .....

b) 8 300 – (400 + 600) : 2

= .....

= .....

= .....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $125 \times 82 \times 8$

= .....

= .....

= .....

b) $1\,975 \times 75 + 75 \times 25$

= .....

= .....

= .....

3 Bình đang tập chạy để tham gia một cuộc thi chạy ma-ra-tông. Ngày thứ nhất, Bình chạy được 1 200 m. Ngày thứ hai, Bình chạy được 1 500 m. Ngày thứ ba, Bình chạy được 1 400 m. Ngày thứ tư, Bình chạy được 2 000 m. Hỏi trung bình mỗi ngày Bình chạy được bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt thu hoạch được 504 quả trứng gà trong nông trại. Bạn ấy cho những quả trứng đó vào khay, mỗi khay gồm 12 quả trứng.

a) Rô-bốt được ..... khay trứng.

b) Mỗi khay trứng có giá 50 000 đồng. Khi bán hết tất cả các khay trứng, Rô-bốt thu được số tiền là ..... đồng.

5 Viết dấu +, –, × hoặc : vào ô trống để được các phép tính đúng.

a) 1 975 ☐ 50 ☐ 75 = 2 000

b) 1 000 ☐ 2 ☐ 187 = 2 187

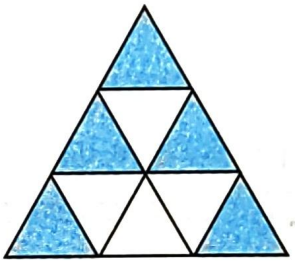
c) 25 ☐ 4 ☐ 8 = 800

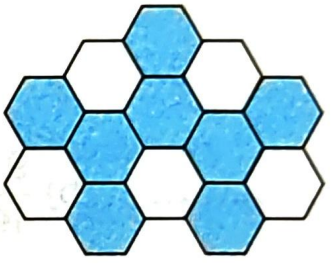
d) 1 500 ☐ 2 ☐ 100 = 1 300

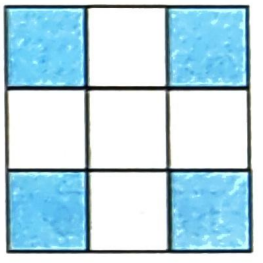
BÀI 3 ÔN TẬP PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Viết phân số và cách đọc phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình (theo mẫu).







$\frac{5}{9}$: Năm phần chín ....

2 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$\frac{30}{48} = \frac{.....}{24} = \frac{5}{.....}$ $\frac{42}{56} = \frac{6}{.....} = \frac{.....}{4} = \frac{9}{.....}$

b) Rút gọn các phân số.

$\frac{24}{36} =$ ..... $\frac{56}{70} =$ .....

$\frac{64}{96} =$ .....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phân số nào dưới đây là phân số tối giản?

A. $\frac{12}{16}$ B. $\frac{18}{15}$ C. $\frac{27}{39}$ D. $\frac{5}{8}$

b) $\frac{2}{5}$ bằng phân số chỉ phần đã tô màu của hình nào dưới đây?

A.  B.  C.  D. 

4 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{7}{6}$ và $\frac{25}{36}$ b) $\frac{13}{20}$ và $\frac{49}{80}$ c) $\frac{3}{4}$; $\frac{11}{12}$ và $\frac{31}{36}$

....

5 Tính.

a) $\frac{8\times6\times13}{13\times16\times6}$ = ... b) $\frac{9\times19\times15}{19\times12\times5}$ = ...

Tiết 2

1 >; <; = ?

a) $\frac{2}{3}$ ☐ $\frac{8}{15}$ b) $\frac{9}{8}$ ☐ $\frac{9}{7}$ c) $\frac{7}{6}$ ☐ $\frac{14}{12}$

2 ☐ $\frac{7}{3}$ $\frac{6}{5}$ ☐ $\frac{27}{25}$ $\frac{19}{7}$ ☐ 3

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phân số nào dưới đây bé hơn 1?

A. $\frac{17}{15}$ B. $\frac{29}{30}$ C. $\frac{121}{119}$ D. $\frac{80}{77}$

b) Phân số nào dưới đây lớn hơn phân số $\frac{5}{7}$?

A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{25}{35}$ C. $\frac{15}{24}$ D. $\frac{24}{28}$

c) Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{3}{5}$?

A. $\frac{9}{15}$ B. $\frac{17}{25}$ C. $\frac{11}{20}$ D. $\frac{4}{5}$

3 Cho các phân số $\frac{2}{3}; \frac{5}{12}; \frac{39}{36}; \frac{23}{24}$.

a) Viết các phân số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn.

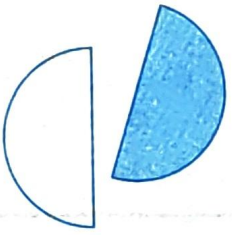
.....

b) Viết các phân số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé.

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

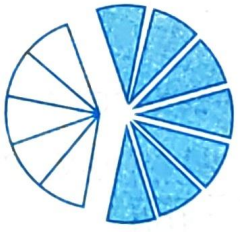
Cho biết các bạn Mai, Nam, Việt và Mi đã ăn số phần bánh như sau:



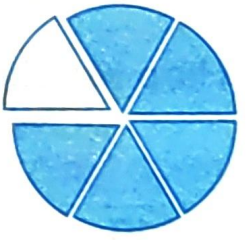
Mai ăn $\frac{1}{2}$ cái bánh pi-da.



Mi ăn $\frac{1}{3}$ cái bánh pi-da.



Việt ăn $\frac{7}{12}$ cái bánh pi-da.



Nam ăn $\frac{5}{6}$ cái bánh pi-da.

Như vậy, bạn ..... ăn nhiều bánh pi-da nhất, bạn ..... ăn ít bánh pi-da nhất.

5 Đố em!

Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\frac{4}{9} < \frac{.....}{9} < \frac{5}{8}$$

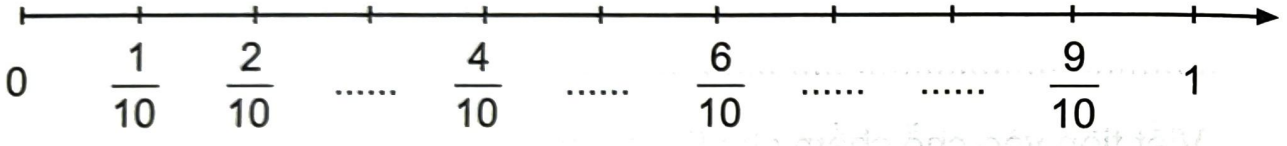
BÀI 4 PHÂN SỐ THẬP PHÂN

1 Khoanh vào các phân số thập phân trong những phân số dưới đây.

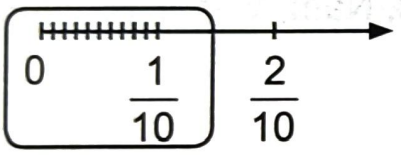
$\frac{3}{10}$ $\frac{10}{9}$ $\frac{49}{100}$ $\frac{53}{200}$ $\frac{136}{100}$ $\frac{264}{1000}$ $\frac{99}{1000}$

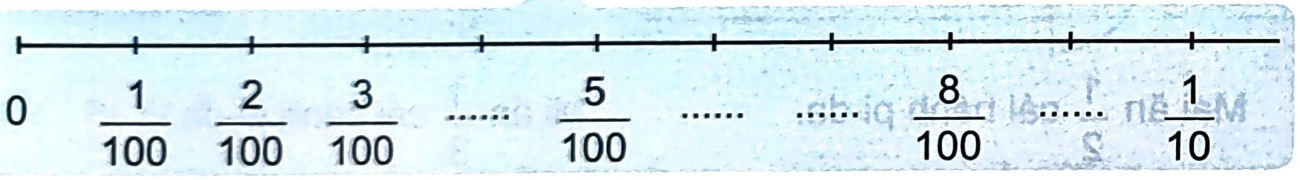
2 Viết phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a)



b)





3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{1}{2} = \frac{1 \times .....}{2 \times .....} = \frac{.....}{10}$

b) $\frac{63}{300} = \frac{63 : .....}{300 : .....} = \frac{.....}{100}$

c) $\frac{12}{25} = \frac{12 \times .....}{25 \times .....} = \frac{.....}{100}$

d) $\frac{145}{5\,000} = \frac{145 : .....}{5\,000 : .....} = \frac{.....}{1\,000}$

4 Viết các phân số sau thành phân số thập phân.

$\frac{72}{80}$ = ... $\frac{27}{25}$ = ... $\frac{1}{4}$ = ...

$\frac{444}{400}$ = ... $\frac{100}{125}$ = ... $\frac{5}{8}$ = ...

BÀI 5 ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Tính.

a) $\frac{5}{6}+\frac{11}{18}$ = ...

b) $\frac{21}{20}-\frac{4}{5}$ = ...

c) $\frac{4}{7}+3$ = ...

d) $4-\frac{13}{6}$ = ...

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $\frac{3}{5}+\frac{13}{15}-\frac{4}{5}$ = ...

= .....

b) $\frac{43}{18}-\left(1+\frac{5}{6}\right)$ = ...

= .....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hai bạn Việt và Nam cùng chạy thi trên một đoạn đường. Sau một phút, Việt chạy được $\frac{3}{4}$ đoạn đường, Nam chạy được $\frac{7}{12}$ đoạn đường.

Vậy sau một phút:

A. Nam chạy nhiều hơn Việt $\frac{4}{12}$ đoạn đường.

B. Việt chạy nhiều hơn Nam $\frac{1}{6}$ đoạn đường.

C. Nam chạy nhiều hơn Việt $\frac{1}{6}$ đoạn đường.

4 Ngày thứ Bảy, Mai đọc được $\frac{3}{5}$ số trang của quyển truyện. Ngày Chủ nhật, Mai đọc tiếp được $\frac{3}{10}$ số trang của quyển truyện đó. Hỏi Mai còn phải đọc bao nhiêu phần số trang của quyển truyện nữa thì mới xong quyển truyện đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Đố em!

Viết phân số $\frac{3}{4}$ thành tổng hai phân số tối giản.

.....

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{4}{7} \times \frac{7}{16} =$ .....

b) $\frac{14}{9} : \frac{8}{9} =$ .....

c) $5 \times \frac{3}{10} =$ .....

d) $\frac{18}{7} : 6 =$ .....

2 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Người ta làm một hàng rào xung quanh bồn hoa hình vuông. Biết tổng độ dài hàng rào đó là 14 m.

a) Độ dài cạnh của bồn hoa đó là ..... m.

b) Diện tích của bồn hoa đó là ..... m^2.

3 Tính giá trị của biểu thức.

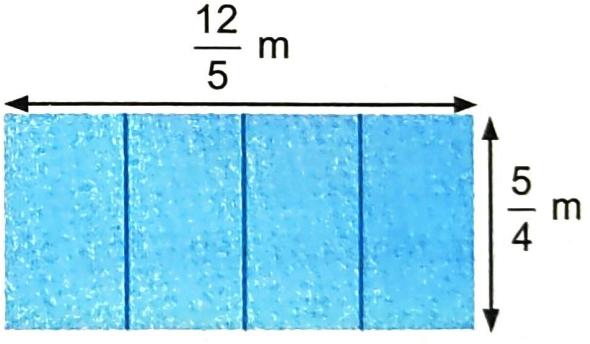
a) $\frac{8}{15} \times \frac{5}{4} : 2$ = ...

= .....

b) $\frac{13}{9} : \left(\frac{13}{16} \times 4\right)$ = ...

= .....

4 Một tấm tôn dạng hình chữ nhật có chiều dài $\frac{12}{5}$ m, chiều rộng $\frac{5}{4}$ m. Bác Sơn chia tấm tôn đó thành 4 phần bằng nhau (như hình vẽ) để làm thùng. Tính diện tích mỗi phần tấm tôn làm thùng.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{7}{9} \times \frac{13}{17} \times \frac{17}{13}$ = ...

b) $\frac{15}{14} \times \frac{8}{11} \times \frac{7}{15} \times \frac{11}{8}$ = ...

Tiết 3

1 Đ, S ?

a) $\frac{11}{15} - \frac{2}{3} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$ ☐

b) $\frac{13}{18} + \frac{5}{6} = \frac{28}{18} = \frac{14}{9}$ ☐

c) $\frac{5}{14} \times \frac{7}{3} = \frac{35}{42} = \frac{5}{6}$ ☐

d) $\frac{20}{27} : \frac{4}{3} = \frac{60}{108} = \frac{5}{9}$ ☐

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $\frac{8}{9} \times \left(\frac{1}{8} + \frac{3}{4}\right)$ = ...

= .....

b) $\frac{28}{24} - \frac{4}{6} : 2$ = ...

= .....

3 Hưởng ứng phong trào trồng cây xanh, lớp 5A trồng được 72 cây, lớp 5B trồng được số cây bằng $\frac{8}{9}$ số cây của lớp 5A. Hỏi cả lớp 5A và lớp 5B trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{5}{13} \times \frac{3}{8} + \frac{8}{13} \times \frac{3}{8}$ = ...

= .....

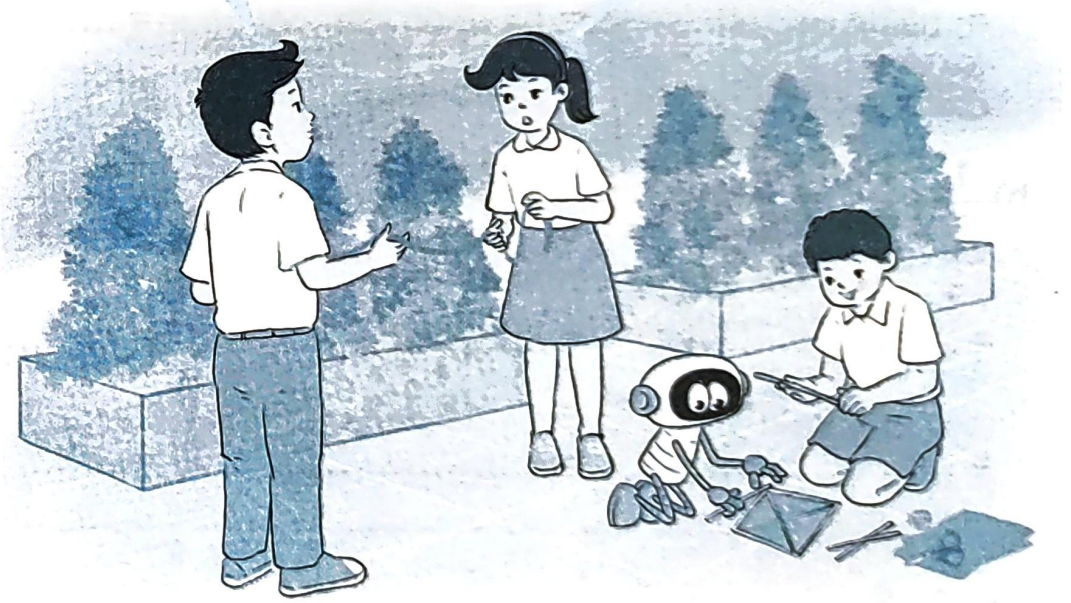
b) $\frac{7}{8} \times \frac{11}{6} + \frac{1}{6} \times \frac{7}{8}$ = ...

= .....

5 Đố em!

Mai ơi! Từ đoạn dây dài $\frac{4}{3}$ m, làm thế nào lấy được đoạn dây dài 1 m mà không dùng thước đo nhỉ?

Làm thế nào nhỉ?



Em hãy cùng Mai tìm cách giúp Nam.

Cách làm

.....

.....

.....

BÀI 6 CỘNG, TRỪ HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ

Tiết 1

1 Tính.

a) $\frac{1}{8}+\frac{1}{3}$ $\frac{2}{5}+\frac{3}{11}$ $\frac{6}{7}+\frac{11}{9}$

= ..... = ... = ...

= ..... = ... = ...

b) $\frac{1}{2}-\frac{1}{7}$ $\frac{7}{9}-\frac{2}{5}$ $\frac{14}{9}-\frac{3}{11}$

= ..... = ... = ...

= ..... = ... = ...

2 Đ, S ?

a) $\frac{3}{2}-\frac{1}{5}=\frac{13}{10}$ ☐

b) $\frac{4}{9}+\frac{1}{4}=\frac{7}{36}$ ☐

c) $\frac{1}{7}+\frac{1}{4}=\frac{2}{11}$ ☐

d) $\frac{13}{5}-\frac{2}{7}=\frac{81}{35}$ ☐

3 Bác nông dân dùng máy gặt để thu hoạch lúa trên một cánh đồng. Giờ thứ nhất, bác thu hoạch được $\frac{1}{5}$ cánh đồng. Giờ thứ hai, bác thu hoạch được thêm $\frac{2}{3}$ cánh đồng. Hỏi bác nông dân đã thu hoạch được bao nhiêu phần của cánh đồng?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Mai có một đoạn dây dài $\frac{1}{2}$ m. Từ đoạn dây đó, Mai đã cắt ra một đoạn dài $\frac{1}{5}$ m làm dây buộc tóc. Hỏi đoạn dây còn lại dài bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{7}{3} + \frac{9}{5}$

= .....

= .....

b) $\frac{9}{4} + \frac{5}{13}$

= .....

= .....

c) $\frac{19}{8} - \frac{2}{7}$

= .....

= .....

d) $\frac{31}{11} - \frac{4}{5}$

= .....

= .....

2 Tính.

a) $3 + \frac{3}{10}$

= .....

= .....

b) $5 - \frac{9}{7}$

= .....

= .....

c) $\frac{19}{6} - 2$

= .....

= .....

d) $\frac{64}{7} - 5$

= .....

= .....

3 Viết dấu + hoặc dấu – vào ô trống để được các phép tính đúng.

a) $\frac{6}{7} \square \frac{1}{2} = \frac{5}{14}$

b) $\frac{19}{11} \square \frac{2}{3} = \frac{79}{33}$

c) $2 \square \frac{5}{7} = \frac{19}{7}$

d) $\frac{23}{5} \square 2 = \frac{13}{10}$

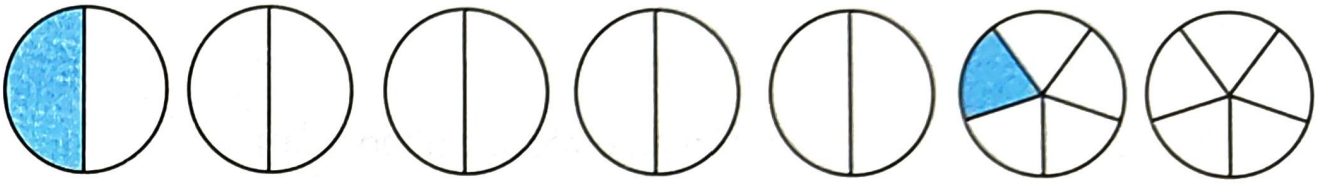
4 Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt có 7 cái bánh pi-da. Rô-bốt muốn chia đều 7 cái bánh đó cho 10 bạn. Dưới đây là hai cách chia bánh (phần bánh của mỗi bạn thể hiện bằng các phần tô màu).

Cách 1:



Cách 2:



a) Mô tả mỗi cách chia bánh trên.

.....

.....

.....

.....

b) Hãy giải thích tại sao với cách 2, mỗi bạn được $\frac{7}{10}$ cái bánh.

.....

.....

.....

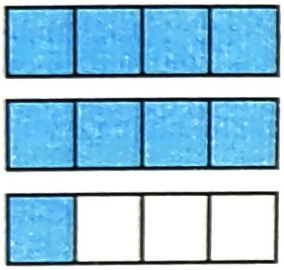
.....

BÀI 7 HỖN SỐ

Tiết 1

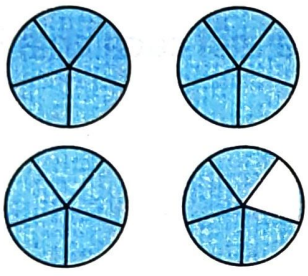
1 Viết hỗn số thích hợp với mỗi hình dưới đây (theo mẫu).

Mẫu:



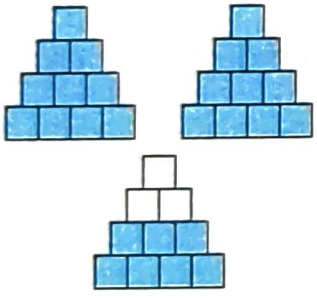
$2\frac{1}{4}$

a)



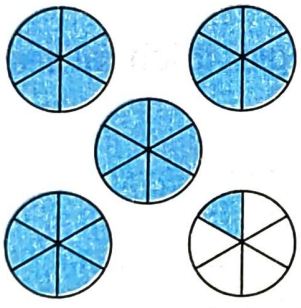
.....

b)



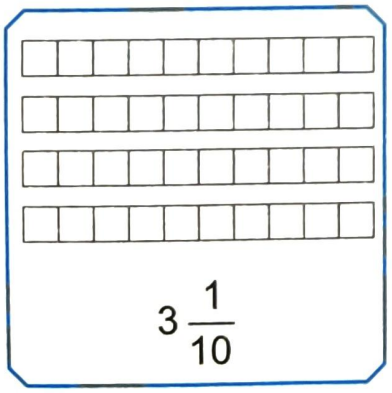
.....

c)

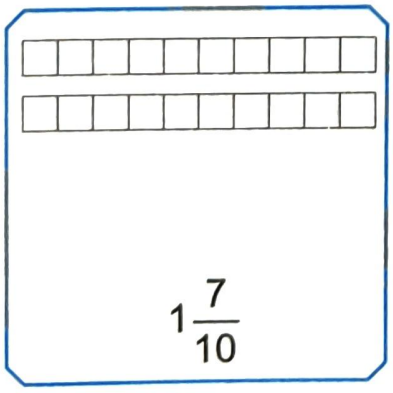


.....

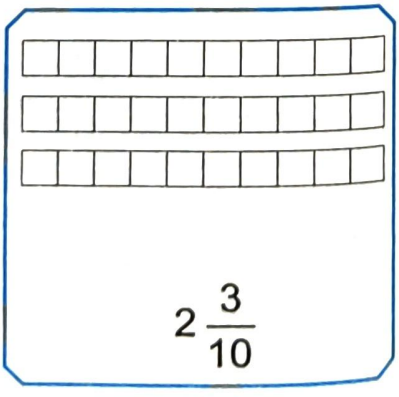
2 Tô màu theo hỗn số cho trước.



$3\frac{1}{10}$



$1\frac{7}{10}$



$2\frac{3}{10}$

3 Hoàn thành bảng sau.

Phần nguyên	3		1	7	
Phần phân số	$\frac{1}{4}$		$\frac{5}{9}$	$\frac{1}{10}$	
Hỗn số	$3\frac{1}{4}$	$5\frac{7}{15}$			$4\frac{9}{10}$

4 Viết (theo mẫu).

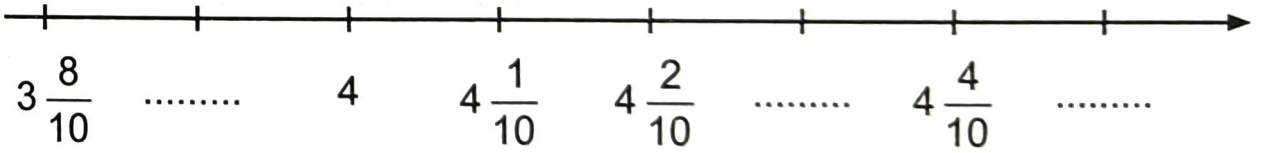
Mẫu: $5\frac{7}{15} = 5 + \frac{7}{15}$.

a) $2\frac{3}{4}$ = ... b) $6\frac{1}{10}$ = ...

c) $9\frac{3}{11}$ = ... d) $1\frac{7}{100}$ = ...

Tiết 2

1 Viết hỗn số thích hợp vào chỗ chấm dưới vạch của tia số.



2 Chuyển hỗn số thành phân số thập phân (theo mẫu).

Mẫu: $2\frac{3}{10} = 2 + \frac{3}{10} = \frac{23}{10}$.

a) $3\frac{1}{10}$ = ... b) $6\frac{8}{10}$ = ...

c) $2\frac{9}{100}$ = ... d) $7\frac{37}{100}$ = ...

3 Nối phân số thập phân với hỗn số thích hợp.

$\frac{43}{10}$	$4\frac{3}{100}$
$\frac{81}{10}$	$4\frac{3}{10}$
$\frac{403}{100}$	$9\frac{15}{100}$
$\frac{915}{100}$	$8\frac{1}{10}$

4 Viết các phân số thập phân thành hỗn số (theo mẫu).

Mẫu: $\frac{47}{10} = \frac{40+7}{10} = \frac{40}{10} + \frac{7}{10} = 4 + \frac{7}{10} = 4\frac{7}{10}$.

a) $\frac{61}{10}$ = ...

b) $\frac{271}{100}$ = ...

c) $\frac{79}{10}$ = ...

d) $\frac{2\,083}{1000}$ = ...

BÀI 8 ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

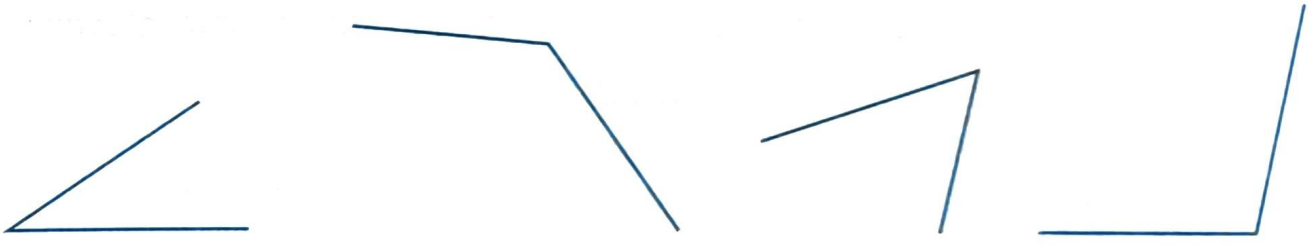
Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

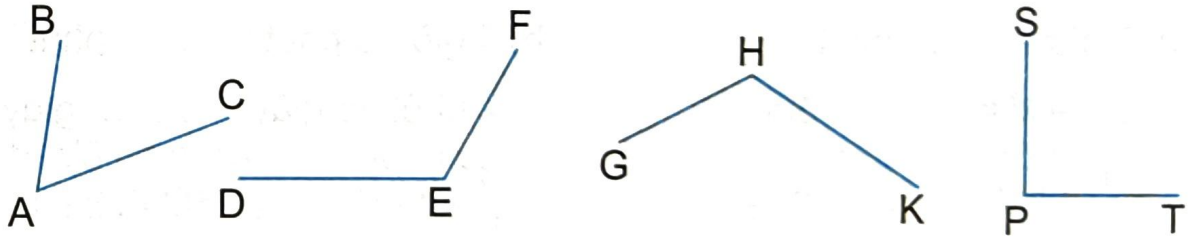
a) 3 yến = ... kg 6 tạ = ... kg 5 tấn = ... kg

b) 8 tấn = ... tạ 2 tấn = ... yến 7 tạ = ... yến

2 Khoanh vào các góc nhọn trong hình dưới đây.



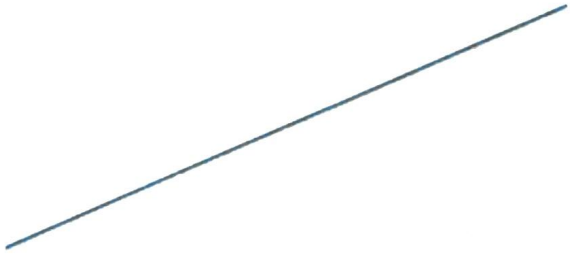
3 Cho các góc như hình dưới đây, viết tên các góc tù có số đo bằng 120° vào chỗ chấm.



.....

.....

4 Cho đường thẳng như hình dưới đây.



a) Vẽ một đường thẳng song song với đường thẳng đã cho.

b) Vẽ một đường thẳng vuông góc với đường thẳng đã cho.

5 Mai đang gấp con hạc giấy để làm một "lọ ước". Mục tiêu của Mai là phải gấp được 250 con hạc giấy. Biết rằng, bạn ấy đã gấp được số hạc giấy bằng $\frac{2}{5}$ mục tiêu đã đề ra. Tính số hạc giấy mà Mai cần gấp thêm để đạt được mục tiêu.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 7 giờ = ... phút

2 thế kỉ = ... năm

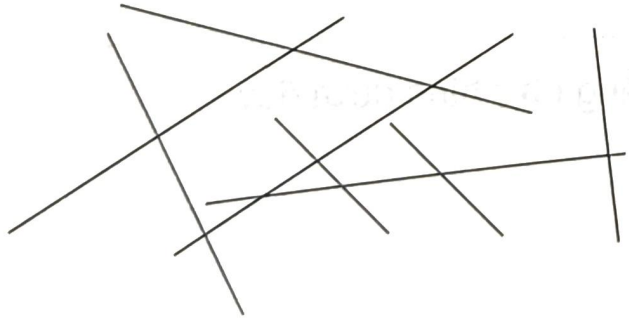
$\frac{1}{10}$ phút = ... giây

b) 4 giờ 15 phút = ... phút

2 phút 45 giây = ... giây

$\frac{3}{10}$ giờ = ... phút

2 Cho các đường thẳng như hình dưới đây.

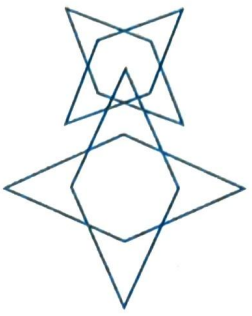


a) Tô màu xanh một cặp đường thẳng song song.

b) Tô màu đỏ một cặp đường thẳng vuông góc.

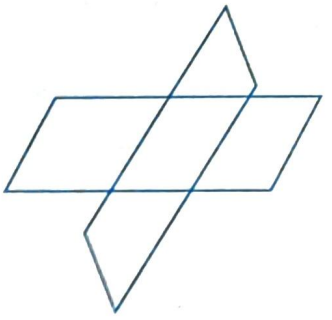
3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a)



Có ..... hình thoi.

b)



Có ..... hình bình hành.

4 Rô-bốt có một tấm kính dạng hình chữ nhật với chiều dài 18 dm và chiều rộng 15 dm. Rô-bốt muốn cắt tấm kính thành 5 tấm kính nhỏ có diện tích bằng nhau.

a) Hỏi mỗi tấm kính nhỏ có diện tích là bao nhiêu đề-xi-mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

b) Vẽ cách chia tấm kính của Rô-bốt thành 5 tấm kính hình chữ nhật, mỗi tấm kính có chiều dài 9 dm và chiều rộng 6 dm.

18 dm



15 dm

BÀI 9 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Giá trị của chữ số 8 trong số 478 062 là:

A. 8 B. 80

C. 800 D. 8 000

b) Số bé nhất trong các số 431 200, 398 801, 389 999, 399 000 là:

A. 431 200 B. 398 801

C. 389 999 D. 399 000

c) Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{3}{4};\frac{7}{8};\frac{13}{16};\frac{27}{32}$ là:

A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{7}{8}$ C. $\frac{13}{16}$ D. $\frac{27}{32}$

d) Phân số $\frac{217}{100}$ viết ở dạng hỗn số là:

A. $2\frac{17}{100}$ B. $20\frac{17}{100}$ C. $7\frac{21}{100}$ D. $21\frac{7}{100}$

2 Đặt tính rồi tính.

a) 268 408 + 27 369

.....

.....

.....

b) 72 638 – 9 450

.....

.....

.....

c) 318 × 54

.....

.....

.....

.....

.....

d) 54 404 : 67

.....

.....

.....

.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một bút mực có giá 12 500 đồng, một quyển vở có giá 8 000 đồng. Mai mua 2 bút mực và 6 quyển vở. Mai đưa cho cô bán hàng 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Mai bao nhiêu tiền?

Bài giải

Số tiền Mai mua 2 bút mực là:

12 500 × ..... = ... (đồng)

Số tiền Mai mua 6 quyển vở là:

8 000 × ..... = ... (đồng)

Số tiền Mai mua bút mực và vở là:

..... + ... = ... (đồng)

Số tiền cô bán hàng trả lại Mai là:

..... – ..... = ... (đồng)

Đáp số: ..... đồng.

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Tìm số bé nhất có năm chữ số khác nhau mà tổng năm chữ số của số đó bằng 10.

Số phải tìm là .....

5 Vườn trường của Trường Tiểu học Nguyễn Siêu dạng hình chữ nhật có chu vi 96 m, chiều dài hơn chiều rộng 10 m. Tính diện tích vườn trường đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{4}{7} + \frac{2}{3}$ = ...

= .....

b) $\frac{11}{8} - \frac{2}{5}$ = ...

= .....

c) $\frac{8}{9} \times \frac{3}{7}$ = ...

= .....

d) $15 : \frac{5}{4}$ = ...

= .....

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $42\,300 : 60 + 84 \times 37$ = ...

= .....

b) $\frac{15}{8} \times \left(9 : \frac{45}{8}\right) - \frac{8}{3}$ = ...

= .....

= .....

3 Viết phân số thập phân hoặc hỗn số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 4 mm = ... cm

7 cm = ... m

b) 7 g = ... kg

40 g = ... kg

c) 3 dm 9 cm = ... dm

5 m 42 cm = ... m

63 cm = ... m

840 m = ... km

365 g = ... kg

851 kg = ... tấn

6 kg 450 g = ... kg

2 tấn 84 kg = ... tấn

4 Một bộ truyện thiếu nhi gồm 6 tập, mỗi tập có 80 trang và 9 tập còn lại, mỗi tập có 60 trang. Hỏi trung bình mỗi tập truyện có bao nhiêu trang?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Đố em!

Viết phân số $\frac{1}{2}$ thành tổng hai phân số có tử số là 1 và mẫu số khác nhau.

.....

Tiết 3

1 Ước lượng kết quả phép tính rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Kết quả phép tính 13 010 – 8 965 khoảng …… nghìn.

b) Kết quả phép tính 45 030 + 24 970 khoảng …… chục nghìn.

c) Kết quả phép tính 799 800 – 201 400 khoảng …… trăm nghìn.

d) Kết quả phép tính 6 009 100 + 2 995 500 khoảng …… triệu.

2 Vua Quang Trung sinh năm 1753. Hỏi kể từ năm nay, còn bao nhiêu năm nữa sẽ kỉ niệm 300 năm năm sinh vua Quang Trung?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

3 Cô Bình mang 140 quả cam ra chợ bán. Lần thứ nhất, cô Bình bán được $\frac{1}{4}$ số cam đó. Lần thứ hai, cô Bình bán được $\frac{3}{7}$ số cam còn lại sau lần bán thứ nhất. Hỏi cô Bình đã bán được tất cả bao nhiêu quả cam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $645 \times 54 + 645 \times 46 - 3\,500$ = ...

= .....

= .....

= .....

b) $\frac{5}{11} \times \frac{7}{6} + \frac{7}{6} \times \frac{6}{11} + \frac{5}{6}$ = ...

= .....

= .....

= .....

5 Biết tuổi trung bình của 5 cầu thủ bóng rổ trên sân thi đấu là 23 tuổi. Trong đó, tuổi trung bình của 4 cầu thủ là 22 tuổi. Hỏi cầu thủ còn lại bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

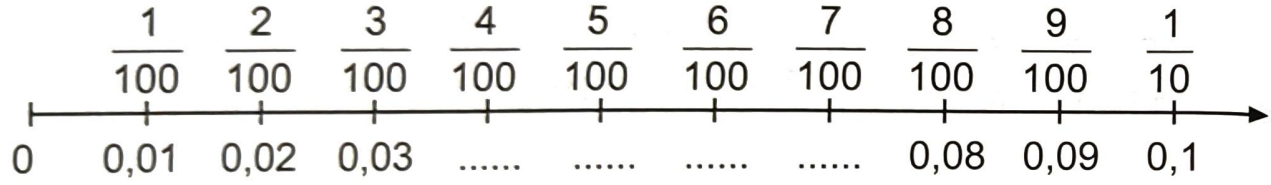
.....

.....

BÀI 10 KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.



b) Viết cách đọc các số thập phân (theo mẫu).

Mẫu: 0,04 đọc là không phẩy không bốn.

0,05 đọc là .....

0,07 đọc là .....

0,09 đọc là .....

2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 g = ... kg

42 g = ... kg

316 g = ... kg

125 ml = ... *l*

48 ml = ... *l*

10 ml = ... *l*

b) 1,5 km = ... m

0,8 m = ... cm

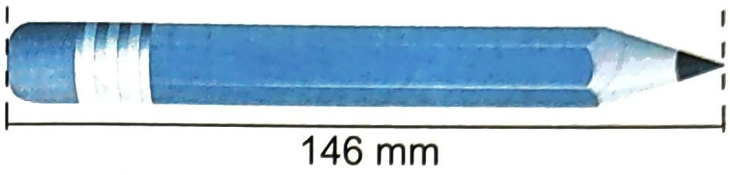
0,05 m = ... mm

0,6 tấn = ... kg

1,2 tạ = ... kg

6,05 tấn = ... kg

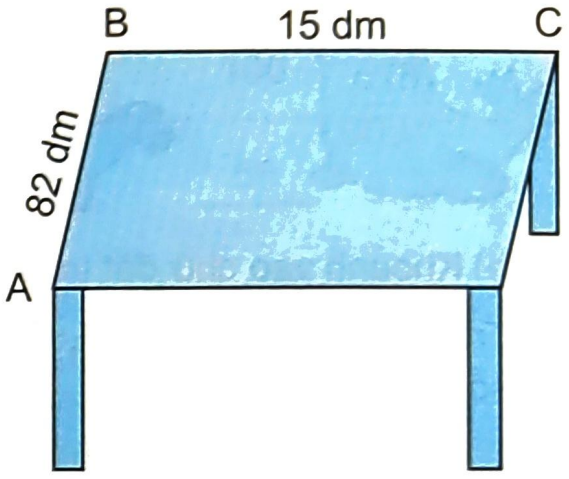
3 Viết số thập phân thích hợp rồi khoanh màu đỏ vào phần nguyên, màu xanh vào phần thập phân của số thập phân đó.

a) 

Độ dài cái bút chì là ..... dm.

b) Cạnh bàn AB dài là ..... m.

Cạnh bàn BC dài là ..... m.



Tiết 2

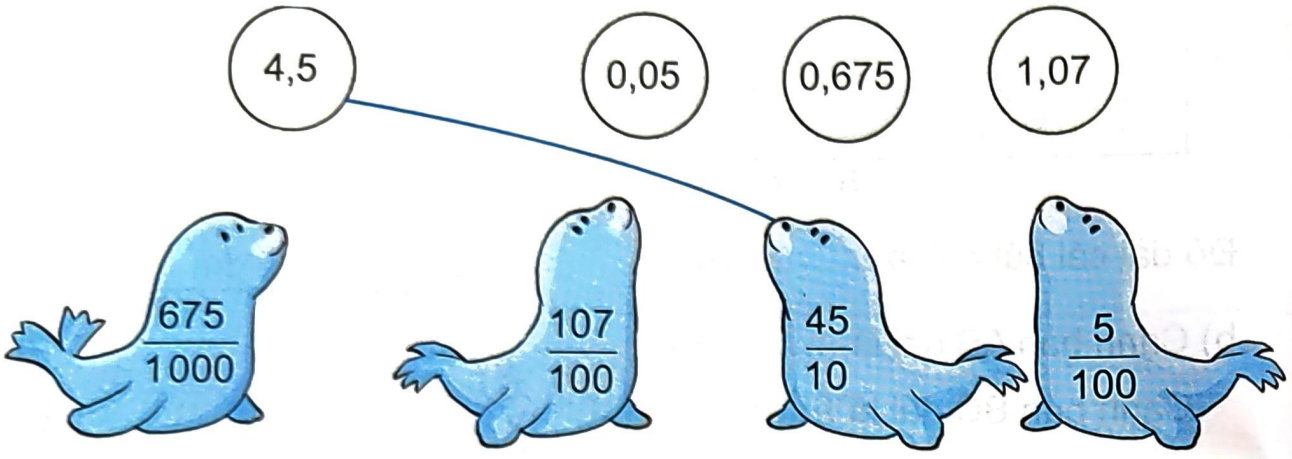
1 Hoàn thành bảng sau.

Số thập phân gồm	Viết số
4 chục, 7 đơn vị, 2 phần mười, 0 phần trăm và 5 phần nghìn	
107 đơn vị, 8 phần mười, 6 phần trăm và 4 phần nghìn	
0 đơn vị, 8 phần mười, 6 phần trăm và 4 phần nghìn	
126 đơn vị và 205 phần nghìn	

2 Hoàn thành bảng sau.

Số	Đọc là
125,34	
0,361	
0,005	
1,9426	

3 a) Nối số thập phân thích hợp với mỗi phân số thập phân (theo mẫu).



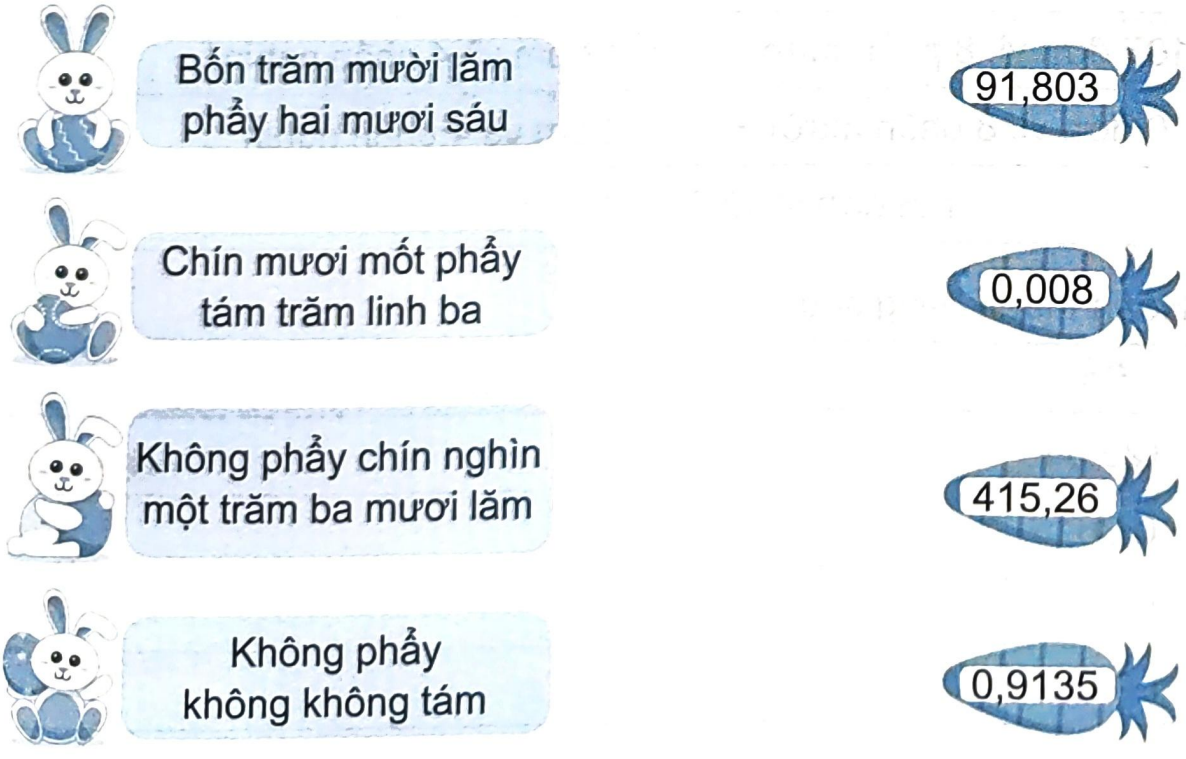
b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các số 4,5; 0,05; 0,675; 5,07 thì 5 là chữ số ở hàng phần trăm của số nào?

A. 4,5 B. 0,05 C. 0,675 D. 5,07

Tiết 3

1 Nối số thập phân thích hợp với cách đọc số thập phân đó.



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Phân số	Chuyển thành phân số thập phân
$\frac{9}{20}$	$\frac{.....}{100}$
$\frac{12}{300}$	$\frac{.....}{100}$
$\frac{7}{125}$	$\frac{56}{.....}$

3 Viết phân số thành số thập phân và cách đọc số thập phân đó.

Phân số	Số thập phân	Đọc số thập phân
$\frac{27}{100}$		
$\frac{415}{1000}$		
$\frac{7}{100}$		

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ năm tấm thẻ 7, 0, 2, 5, , lập được các số thập phân có phần nguyên gồm hai chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số là:

.....

.....

BÀI 11

SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN

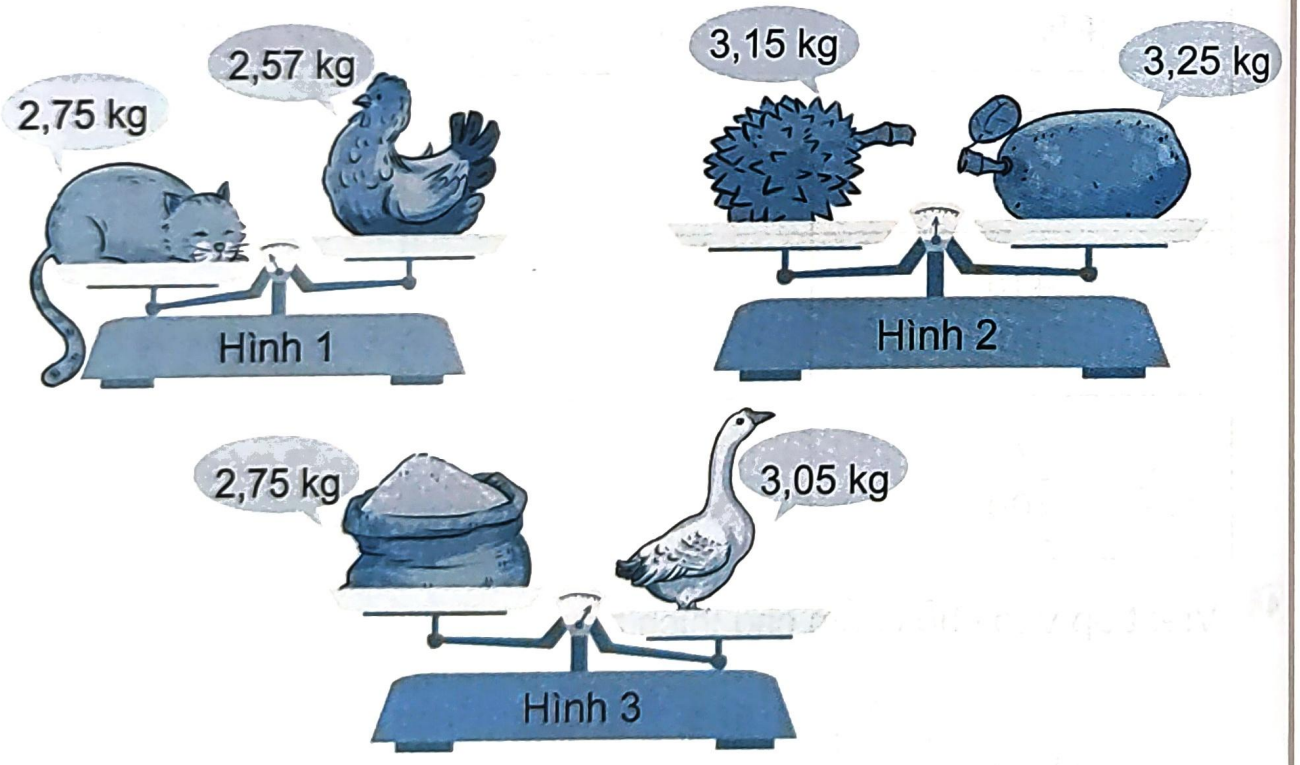
Tiết 1

1 **>; <; = ?**

a) 51,8 ☐ 52,85 b) 205,61 ☐ 205,59 c) 67,518 ☐ 67,495

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho ba hình dưới đây.



a) Trong ba hình trên có một hình chứa chiếc cân bị sai. Hỏi chiếc cân đó ở hình nào?

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3

b) Con vật nào cân nặng nhất?

A. Con mèo B. Con gà C. Con ngỗng

3 Viết các số 3,064; 2,857; 2,587; 3,106 theo thứ tự từ lớn đến bé là:

.....

Tiết 2

1 a) **>; <; =** ?

3,5 ☐ 3,50 16,050 ☐ 16,05 62,505 ☐ 62,50500

b) Viết một chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

25,340 = 25,3...

45,75 = 45,75...

9,030300 = 9,030...

2 a) Hoàn thành bảng sau bằng cách thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của mỗi số đã cho để phần thập phân của các số đó đều có bốn chữ số.

Số đã cho	Số thập phân mới
8,90	
5,827	
0,179	
31,6	

b) Hoàn thành bảng sau bằng cách bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của mỗi số đã cho để phần thập phân của các số đó viết dưới dạng gọn hơn (nếu có thể).

Số đã cho	Số thập phân mới
87,700	
43,05000	
35,3060	
50,5050	

3 Số ?

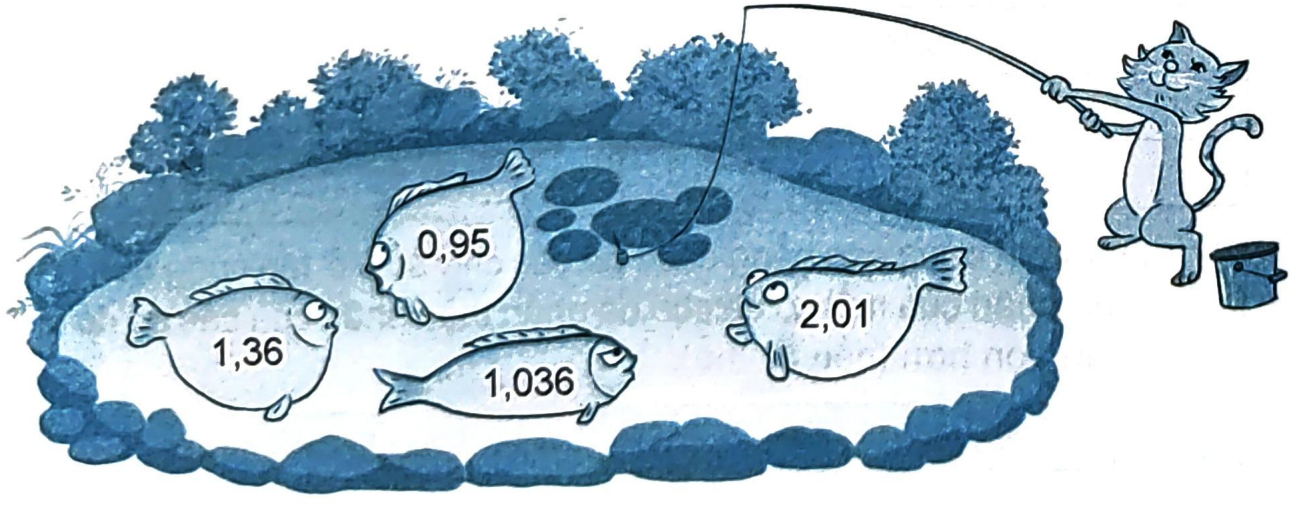
Ba bạn Mị, Núi, Páo đi kiểm tra sức khoẻ. Mỗi bạn có cân nặng là một trong các số: 31,9 kg; 32,5 kg; 34,7 kg. Biết bạn Núi nặng hơn bạn Páo nhưng nhẹ hơn bạn Mị. Hỏi mỗi bạn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



Tên	Mị	Núi	Páo
Cân nặng (kg)			

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1 và bé hơn 1,36.



Con cá mà chú mèo câu được ghi số nào?

A. 1,36

B. 0,95

C. 1,036

D. 2,01

BÀI 12 VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 4 m 6 dm = ... m

7 m 18 cm = ... m

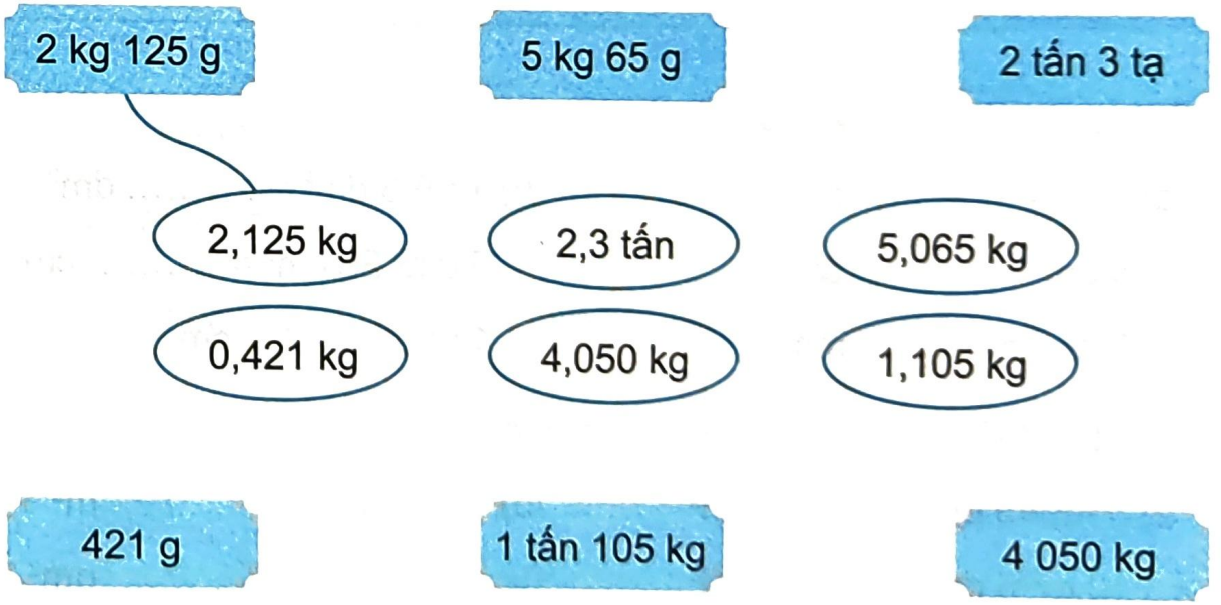
20 m 5 cm = ... m

b) 3 km 407 m = ... km

12 km 50 m = ... km

275 m = ... km

2 Nối (theo mẫu).



3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 *l* 725 ml = ... *l*

2 *l* 45 ml = ... *l*

b) 5 420 ml = ... *l*

718 ml = ... *l*

4 a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

2 km 80 m = ... km

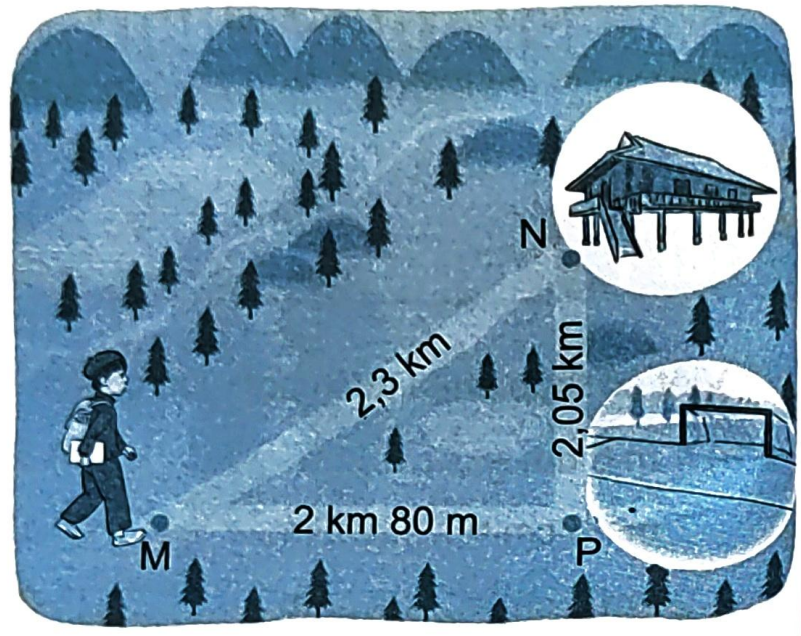
b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Đoạn đường nào dài nhất?

A. Đoạn đường MN

B. Đoạn đường MP

C. Đoạn đường NP



Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2 m^2 = ... dm^2

4 dm^2 = ... cm^2

3 cm^2 = ... mm^2

b) 1 m^2 5 dm^2 = ... dm^2

5 dm^2 25 cm^2 = ... cm^2

1 m^2 = ... cm^2

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 6 m^2 45 dm^2 = ... m^2

10 m^2 6 dm^2 = ... m^2

215 dm^2 = ... m^2

b) 1 m^2 65 cm^2 = ... m^2

4 dm^2 8 cm^2 = ... dm^2

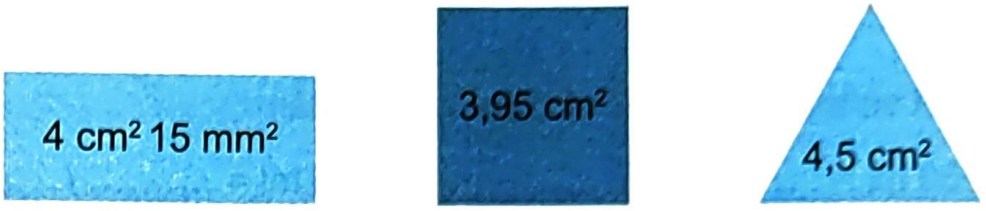
85 mm^2 = ... cm^2

3 Viết *lớn hơn* hoặc *bé hơn* hoặc *bằng* vào chỗ chấm thích hợp.

Tờ bìa màu đỏ có diện tích 4 dm^2 5 cm^2, tờ bìa màu xanh có diện tích 4,5 dm^2.

Diện tích tờ bìa màu đỏ ..... diện tích tờ bìa màu xanh.

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



a) Hình có diện tích lớn nhất là:

A. Hình tam giác B. Hình chữ nhật C. Hình vuông

b) Hình có diện tích bé nhất là:

A. Hình tam giác B. Hình chữ nhật C. Hình vuông

Tiết 3

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 10 m 5 dm = ... m

8 m 4 cm = ... m

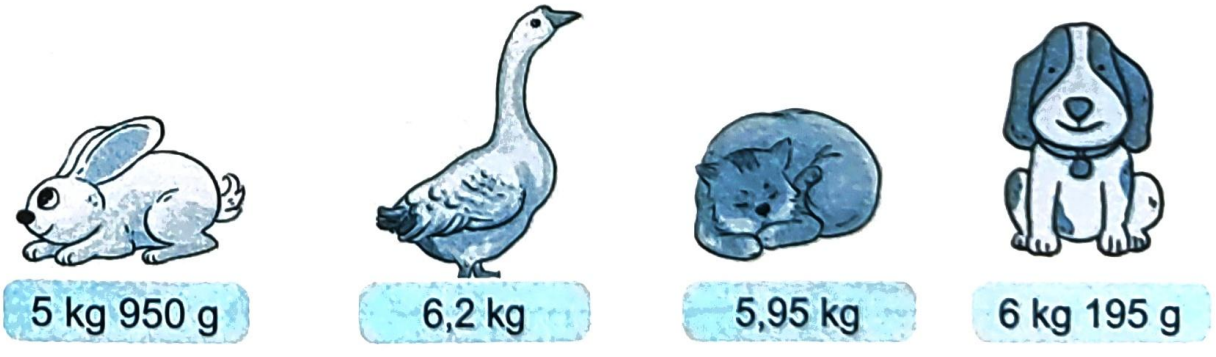
15 cm 9 mm = ... cm

b) 508 cm = ... m

150 mm = ... cm

7 mm = ... cm

2 Cho bốn con vật có cân nặng như hình vẽ dưới đây.



a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong bốn con vật trên, con vật nào nặng nhất?

A. Thỏ B. Ngỗng

C. Mèo D. Chó

b) Viết tên con vật thích hợp vào chỗ chấm.

Con ..... và con ..... có cân nặng bằng nhau.

3 a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

1 *l* 250 ml = ... *l*　　1 305 ml = ... *l*

1 *l* 85 ml = ... *l*　　950 ml = ... *l*

b) Viết các số thập phân tìm được ở câu a theo thứ tự từ lớn đến bé là:

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có ba bức tranh tường:

+ Bức tranh về bảo vệ môi trường có diện tích là 4 m^2 18 dm^2;

+ Bức tranh về an toàn giao thông có diện tích là 4,2 m^2;

+ Bức tranh về phòng chống dịch Covid có diện tích là 4,09 m^2.



Hỏi bức tranh nào có diện tích bé nhất?

A. Bức tranh về bảo vệ môi trường

B. Bức tranh về an toàn giao thông

C. Bức tranh về phòng chống dịch Covid

BÀI 13 LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau bằng cách làm tròn các số thập phân đã cho đến số tự nhiên gần nhất.

Số đã cho	Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất
25,108	
406,39	
0,915	
1,098	

2 Chiều cao, cân nặng của một số bạn học sinh được cho như bảng sau.

Tên	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Hoà	146,7	35,4
Nùng	145,85	36,8
Páo	150,2	40,3

Em hãy làm tròn các số đo trong bảng trên đến số tự nhiên gần nhất để hoàn thành bảng sau.

Tên	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Hoà		
Nùng		
Páo		

3 Đ, S ?

Khi ước lượng chiều dài bảng lớp:

+ Việt nói: Chiều dài bảng khoảng 2 m. ☐

+ Nam nói: Chiều dài bảng khoảng 3 m. ☐

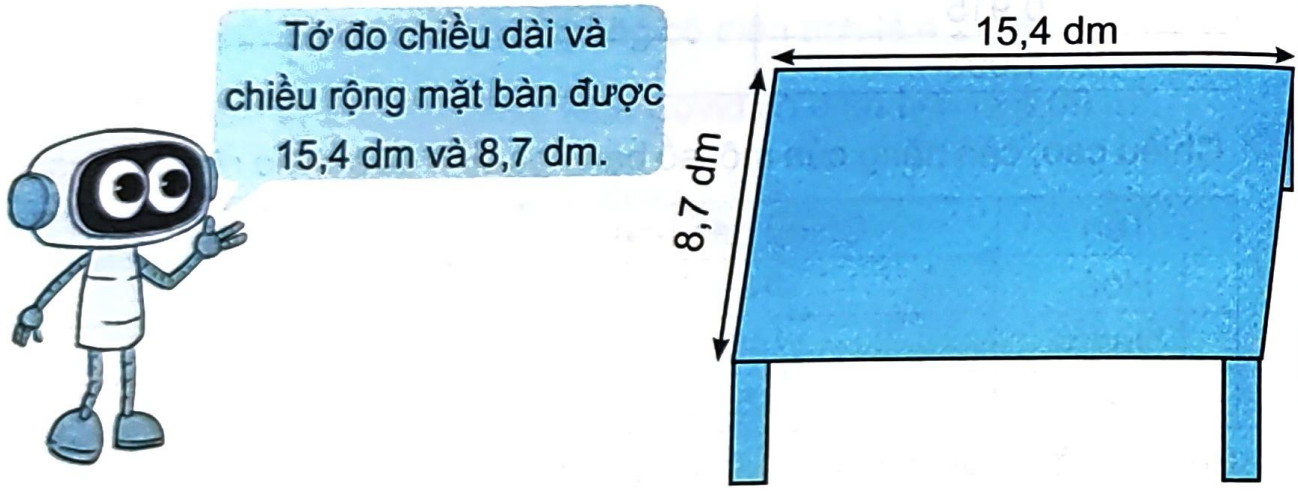


Tiết 2

1 Hoàn thành bảng sau bằng cách làm tròn các số thập phân đã cho đến hàng phần mười và hàng phần trăm.

Số đã cho	Làm tròn đến hàng phần mười	Làm tròn đến hàng phần trăm
5,275		
10,771		
0,648		
3,1416		

2 Đ, S ?



Làm tròn kích thước mặt bàn đến số tự nhiên gần nhất:

+ Việt nói: Chiều dài mặt bàn khoảng 16 dm. ☐

+ Nam nói: Chiều rộng mặt bàn khoảng 9 dm. ☐

3 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 085 mm = ... m 752 kg = ... tấn

b) Làm tròn các số thập phân ở câu a:

+ Đến số tự nhiên gần nhất, ta được các số: .....

+ Đến hàng phần mười, ta được các số: .....

+ Đến hàng phần trăm, ta được các số: .....

BÀI 14 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Viết số thập phân thích hợp.

Số thập phân gồm	Số thập phân
Năm chục, sáu đơn vị, bốn phần mười, ba phần nghìn	
Một trăm linh năm đơn vị, mười bảy phần trăm	
Không đơn vị, bảy mươi lăm phần nghìn	

2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Chiều dài một số cây cầu bắc qua sông Hồng ở Hà Nội được cho như bảng sau.

Tên cầu	Chiều dài (phần cầu chính) (đơn vị: km)
Cầu Thăng Long	3,25
Cầu Thanh Trì	3,084
Cầu Vĩnh Tuy	3,778

Số đo chiều dài được làm tròn của:

a) Cầu Thanh Trì đến số tự nhiên gần nhất là: ..... km.

b) Cầu Thăng Long đến hàng phần mười là: ..... km.

c) Cầu Vĩnh Tuy đến hàng phần trăm là: ..... km.

3 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2 m 74 cm = ... m

20 cm 5 mm = ... cm

10 *l* 107 ml = ... *l*

815 g = ... kg

b) 12,53 m = ... m ..... cm = ... cm

7,42 kg = ... kg ..... g = ... g

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ năm tấm thẻ 3, 9, 9, 4, , lập được các số thập phân lớn hơn 4 mà có 3 chữ số ở phần thập phân là:

.....

Tiết 2

1 >; <; = ?

a) 6,03 ☐ 6,3

16,207 ☐ 16,072

108,81 ☐ 109,18

b) 599,9 ☐ 600,1

156,05 ☐ 165,5

13,31 ☐ 11,33

2 Viết các số thập phân 4,315; 4,153; 3,541; 5,134 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn là:.....

b) Từ lớn đến bé là:.....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mỗi ô tô chở lượng hàng hoá như hình dưới đây.

Hỏi ô tô nào chở nặng nhất?

A.



B.



C.



4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ năm tấm thẻ 2, 0, 4, 0, , lập được các số thập phân bé hơn 1 là:

.....

BÀI 15 KI-LÔ-MÉT VUÔNG. HÉC-TA

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau.

Đọc	Viết
Ba nghìn không trăm năm mươi lăm ki-lô-mét vuông	
	27 005 km^2
Sáu mươi mốt phẩy một ki-lô-mét vuông	
	0,74 km^2

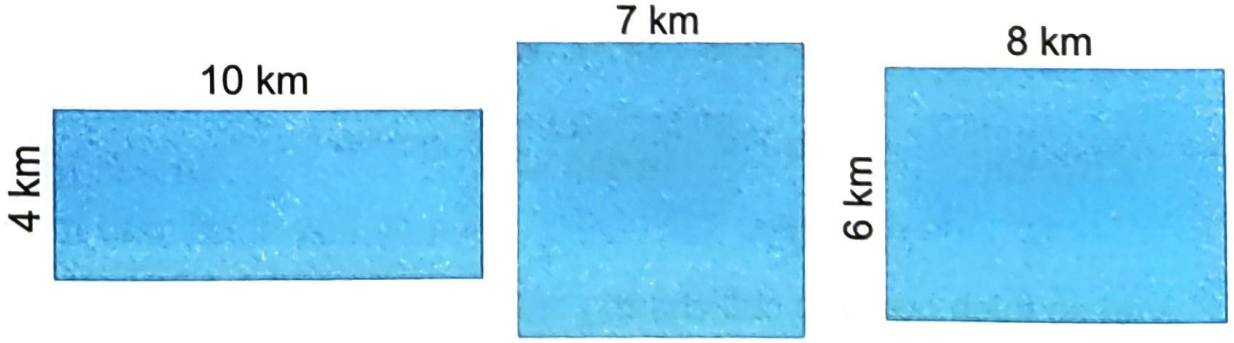
2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 km^2 = ... m^2 7 km^2 60 m^2 = ... m^2

b) 8 220 000 m^2 = ... km^2 300 000 m^2 = ... km^2

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ở thành phố Hình học có 3 khu bảo tồn được xây dựng trên các mảnh đất dưới đây.



Khu bảo tồn thiên nhiên

Khu bảo tồn loài và sinh cảnh

Khu bảo tồn đất ngập nước

Biết Nam đang ghé thăm khu bảo tồn có diện tích lớn nhất và Việt đang ghé thăm khu bảo tồn có diện tích bé nhất.

Vậy Nam đang ở khu bảo tồn .....

và Việt đang ở khu bảo tồn .....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia là ba trong số những quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương. Diện tích của ba quốc gia đó là: 236 800 km^2, 181 035 km^2, 331 210 km^2. Biết Lào có diện tích lớn hơn Cam-pu-chia nhưng bé hơn Việt Nam.

Vậy diện tích của Việt Nam là ....., diện tích của Lào là ..... và diện tích của Cam-pu-chia là .....

Tiết 2

1 Nối số đo thích hợp với diện tích của mỗi địa danh dưới đây.

Vườn quốc gia Ba Vì (Hà Nội)	Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)	Thành phố Hà Nội
3 360 km^2	10 815 ha	54 331 m^2

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 km^2 = ... ha

b) 30 000 ha = ... km^2

4 km^2 5 ha = ... ha

127 500 ha = ... km^2

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích của thành phố Hải Phòng là 1 562 km^2. Số đo diện tích của thành phố Hải Phòng theo đơn vị héc-ta là:

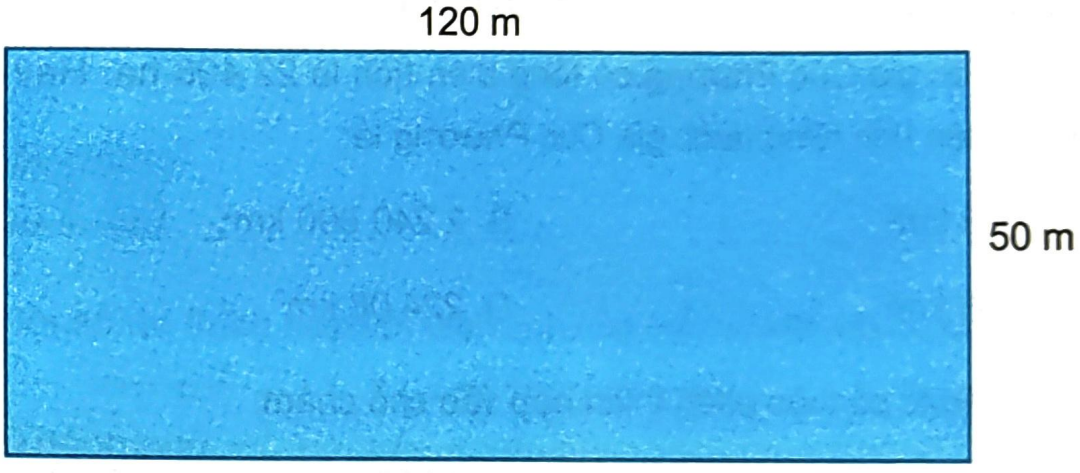
A. 150 620 ha

B. 156 200 ha

C. 15 620 ha

D. 1 562 000 ha

4 Công viên nước lớn nhất ở thành phố Hình học được xây dựng trên mảnh đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 120 m, chiều rộng 50 m. Hỏi công viên đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một thành phố có diện tích là 728 km^2. Biết diện tích đất để trồng cây xanh của thành phố đó bằng $\frac{1}{4}$ diện tích của thành phố. Vậy diện tích đất để trồng cây xanh của thành phố đó là:

A. 546 ha

B. 182 ha

C. 1 820 ha

D. 18 200 ha

BÀI 16 CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rừng quốc gia Cúc Phương có tổng diện tích là 22 408 ha. Hay ta có thể nói diện tích rừng quốc gia Cúc Phương là:

A. 22,408 km^2

B. 2 240 800 km^2

C. 2,2408 km^2

D. 224,08 km^2

2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2 km^2 = ... ha

5 ha = ... m^2

8 m^2 = ... dm^2

b) 8 000 ha = ... km^2

12 400 m^2 = ... ha

70 dm^2 = ... m^2

c) 5 km^2 14 ha = ... ha

10 ha 2 m^2 = ... m^2

830 mm^2 = ... cm^2 ..... mm^2

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phòng học của em có diện tích khoảng:

A. 25 km^2

B. 25 ha

C. 25 m^2

D. 25 dm^2

4 Bác Hai có một mảnh đất với diện tích là 1 ha. Bác chia mảnh đất thành hai khu: khu nuôi dê và khu nuôi cừu. Biết diện tích khu nuôi dê lớn hơn diện tích khu nuôi cừu là 2 000 m^2. Tính diện tích khu nuôi cừu.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Nối số đo thích hợp với diện tích của mỗi đồ vật, địa danh dưới đây.

Thành phố Hồ Chí Minh	Sân trường	Bìa sách
2 095 km^2	513 cm^2	400 m^2

2 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8 000 cm^2 = ... m^2

12 000 m^2 = ... ha

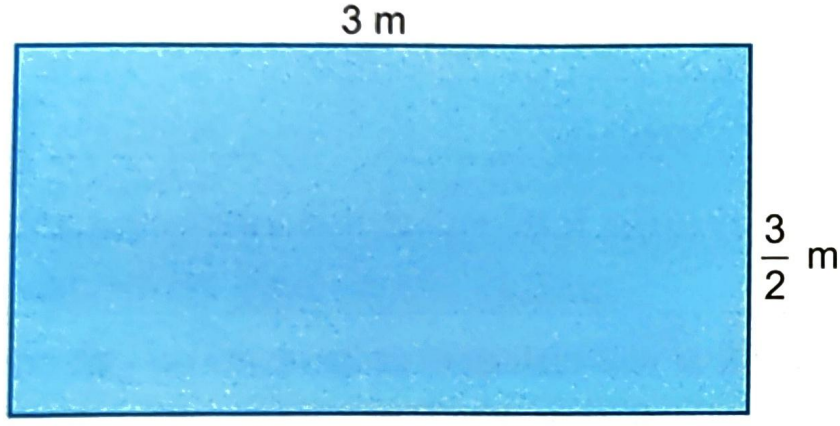
1 360 ha = ... km^2

b) 5 m^2 5 dm^2 = ... m^2

7 km^2 25 ha = ... km^2

20 dm^2 20 cm^2 = ... cm^2

3 Họa sĩ Màu Nước vừa hoàn thành một bức tranh tường có dạng hình chữ nhật với chiều dài 3 m và chiều rộng $\frac{3}{2}$ m. Tính diện tích của bức tranh tường đó.



Bài giải

.....

.....

.....

4 Bác H'Mây có một mảnh đất với diện tích là 3 ha. Bác đã dùng $\frac{1}{6}$ mảnh đất để xây dựng khu chăn nuôi. Hỏi bác H'Mây đã dùng bao nhiêu mét vuông đất để xây dựng khu chăn nuôi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

BÀI 17 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

Tiết 1

1 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Mặt sàn phòng học của Rô-bốt có dạng hình chữ nhật.

Rô-bốt cùng các bạn đã đo và ghi lại số đo mặt sàn phòng học như sau:

Chiều dài	650 cm
Chiều rộng	400 cm

Diện tích phòng học của Rô-bốt là ..... cm^2.

b) Tính số tiền mua gạch để lát mặt sàn phòng học của Rô-bốt. Biết mẫu gạch được chọn có dạng hình vuông cạnh 50 cm và được đóng theo hộp 4 viên, mỗi hộp có giá 120 000 đồng.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 Giả sử 24 phòng học khác trong trường của Rô-bốt cũng có diện tích mặt sàn bằng diện tích mặt sàn phòng học của Rô-bốt. Tính số tiền để mua gạch lát lại mặt sàn của tất cả các phòng học trong trường của Rô-bốt.

Bài giải

.....

.....

.....

3 Thực hành đo và tính diện tích cửa ra vào của phòng học lớp em rồi hoàn thành bảng dưới đây.

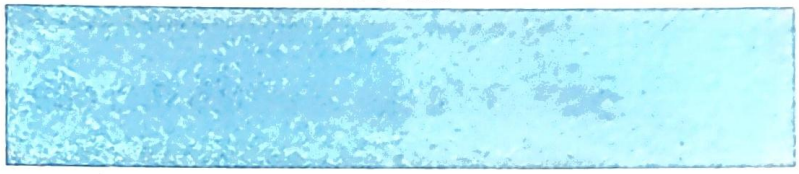
Kích thước	Số đo
Chiều dài	
Chiều rộng	
Diện tích	

Tiết 2

1 Rô-bốt muốn làm giá sách treo tường.

Rô-bốt dự định đặt mua các tấm gỗ với kích thước và số lượng như trong bảng dưới đây.

Tấm gỗ	Số lượng
20 cm 25 cm 	3

80 cm 25 cm 	1
130 cm 25 cm 	2

Loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m^2. Tính số tiền Rô-bốt cần trả để mua số gỗ như dự định.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

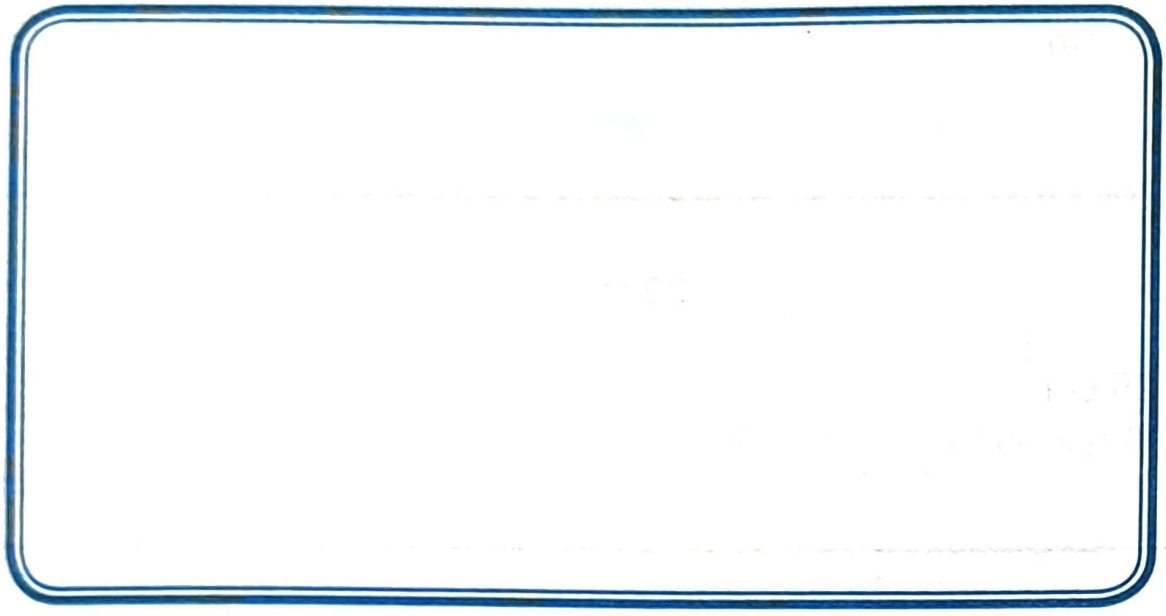
.....

.....

.....

.....

2 a) Hãy thiết kế giá sách treo tường theo ý em. Em hãy vẽ hình các tấm gỗ và chú thích số lượng với mỗi tấm gỗ trong ô trống dưới đây.



b) Tính số tiền mua gỗ để làm giá sách đó, nếu loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 200 000 đồng cho 1 m^2.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 18 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

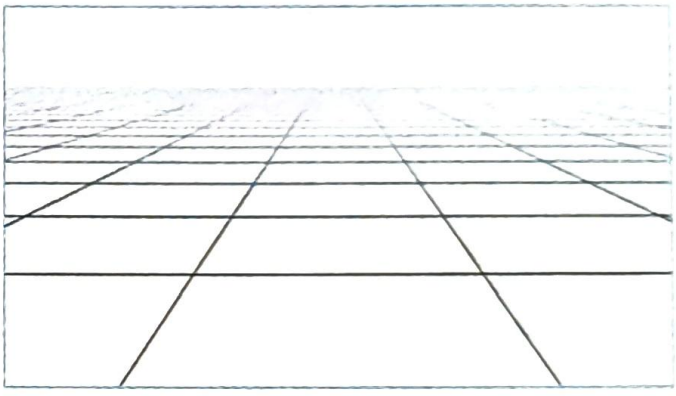
Diện tích mặt sàn căn hộ nhà Mai khoảng:

A. 100 mm^2

B. 100 m^2

C. 100 ha

D. 100 km^2



2 Viết số hoặc phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 30 000 m^2 = ... ha 7 500 m^2 = ... ha

b) 2 km^2 = ... ha 300 km^2 = ... ha

3 Trường Tiểu học Đoàn Kết có diện tích là 2,5 ha. Trong đó có $\frac{2}{5}$ diện tích đất được dùng để xây phòng học. Tính diện tích đất được dùng để xây phòng học theo đơn vị mét vuông.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

4 Công ty điện mặt trời có một mảnh đất dạng hình chữ nhật với chiều dài 300 m, chiều rộng 100 m. Công ty đã dùng $\frac{3}{4}$ mảnh đất đó để lắp đặt hệ thống pin mặt trời. Hỏi công ty đó dùng bao nhiêu héc-ta đất để lắp đặt hệ thống pin mặt trời?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Vườn quốc gia Tràm Chim nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích của tỉnh Đồng Tháp là 3 384 km^2. Tổng diện tích của vườn quốc gia Tràm Chim có thể là số đo nào trong các số đo dưới đây?

A. 7 313 km^2 B. 7 313 ha C. 7 313 dm^2 D. 7 313 cm^2

2 Viết số hoặc phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 375 km^2 = ... ha

b) 21 ha = ... m^2

c) 1 315 dm^2 = ... m^2

3 **>; <; =** ?

a) 57 000 ha ☐ 5 km^2 7 000 ha b) 4 805 ha ☐ 48,5 km^2

4 Chú Nam muốn lát gạch cho căn phòng có mặt sàn hình chữ nhật với chiều dài 6 m, chiều rộng 4 m. Biết chú chọn loại gạch hình vuông cạnh 5 dm, loại gạch này được bán theo hộp, mỗi hộp có 4 viên. Hỏi chú Nam cần mua bao nhiêu hộp gạch như vậy để đủ lát mặt sàn căn phòng đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

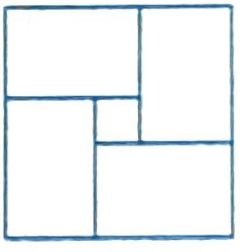
.....

.....

.....

.....

5 Cô Tư chia một mảnh đất hình vuông thành 5 phần. Trong đó có 4 phần đất hình chữ nhật giống nhau để trồng các loại thảo mộc, phần đất hình vuông còn lại để xây dựng nhà kho chứa dụng cụ làm vườn và hạt giống. Biết mỗi phần đất hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và phần đất hình vuông có cạnh 3 m. Tính diện tích mảnh đất của cô Tư.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 19 PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7,6 + 8,9 b) 6,45 + 9,27 c) 5,68 + 8,4 d) 25,6 + 9,43

....

....

....

2 Đ, S ?

a) $\begin{array}{r} 6,5 \\ +\ 2,7 \\ \hline 8,2 \end{array}$ ☐

b) $\begin{array}{r} 6,56 \\ +\ 5,8 \\ \hline 12,36 \end{array}$ ☐

c) $\begin{array}{r} 7,28 \\ +\ 13,5 \\ \hline 86,3 \end{array}$ ☐

3 Mai cân nặng 29,35 kg và mẹ của Mai cân nặng 53,9 kg. Hỏi cả hai mẹ con Mai cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Mẹ của Nam mua một con gà và một con ngan. Biết con gà cân nặng 2,5 kg và con gà nhẹ hơn con ngan 1,7 kg. Hỏi cả con gà và con ngan cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 8,572 + 7,345 b) 18,69 + 9,703 c) 7,58 + 6 d) 63 + 4,2

....

....

....

2 a) **>; <; =** ?

2,9 + 5,36 ☐ 5,36 + 2,9

(7 + 3,8) + 6,2 ☐ 7 + (3,8 + 6,2)

4,3 + 6,9 + 5,7 ☐ 4,3 + 5,7 + 6,9

b) Tính bằng cách thuận tiện.

8 + 4,56 + 5,44 = ... 6,9 + 0,85 + 3,1 = ...

= ..... = ...

= ..... = ...

3 Ngày thứ Bảy, một con bò sữa cho 14,7 *l* sữa và ngày Chủ nhật cho nhiều hơn ngày thứ Bảy 1,35 *l* sữa. Hỏi cả hai ngày, con bò sữa đó cho bao nhiêu lít sữa?

Bài giải

.....

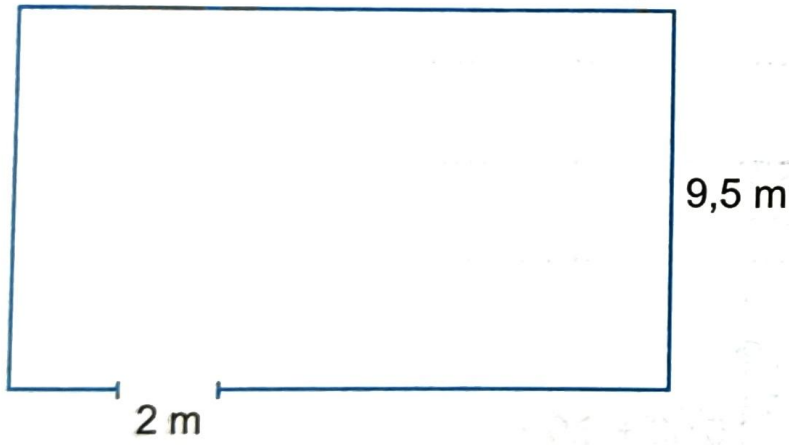
.....

.....

.....

.....

4 Một mảnh vườn dạng hình chữ nhật có chiều rộng 9,5 m và chiều dài hơn chiều rộng 7 m. Người ta làm hàng rào xung quanh mảnh vườn và để lại cửa ra vào vườn rộng 2 m. Hỏi hàng rào đó dài bao nhiêu mét?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 20 PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Tính.

17,7	5,39	25,58	6,2
− 5,3	− 2,81	− 9,4	− 3,05
.....	.....	.....	.....

2 Đ, S ?

a) 10,4 5 − 8,8 = 7,3 7 ☐

b) 6,29 − 4,76 = 1,53 ☐

c) 9 1,5 − 6,8 3 = 2 3,2 ☐

3 Vào mùa khô, hồ T'Nưng có diện tích là 2,28 km². Vào mùa mưa, hồ T'Nưng có diện tích là 4 km². Hỏi diện tích hồ T'Nưng vào mùa khô ít hơn diện tích hồ T'Nưng vào mùa mưa bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

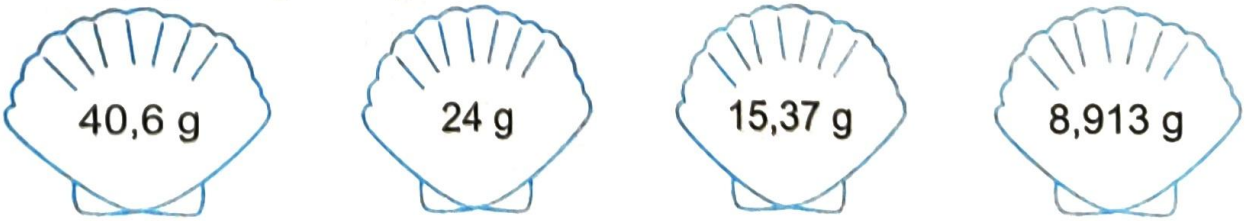
Bài giải

.....

.....

.....

4 Trên mỗi vỏ sò ghi số cân nặng của vỏ sò đó. Tô màu hai vỏ sò có hiệu cân nặng bằng 8,63 g.



Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 34,19 – 8,73 b) 4,1 – 0,25 c) 30,6 – 15 d) 2 – 1,34

....

....

....

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5,3 + ... = 19,014

b) ..... + 2,93 = 11,6

c) ..... – 3,67 = 81,2

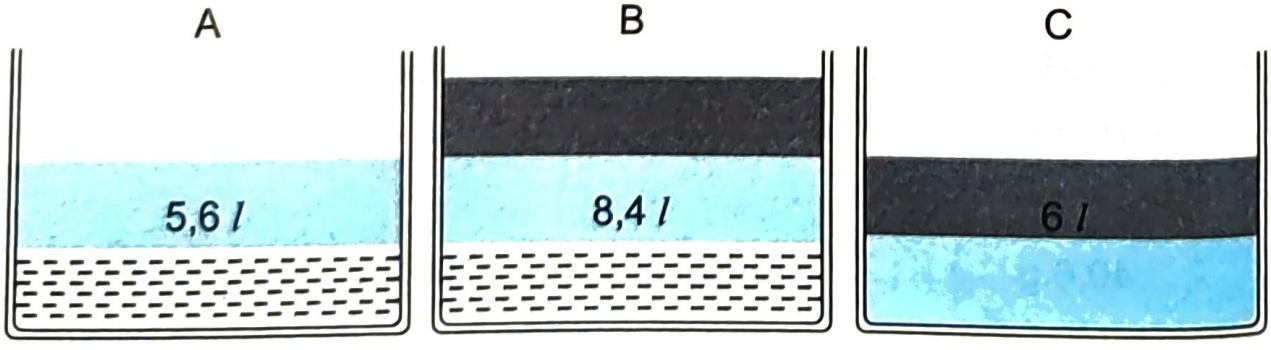
3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 31,559 + 18,801 – 4,559 = ...

b) 19,27 – 6,73 – 3,27 = ...

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Ban đầu trong bể có hai lớp chất lỏng màu xanh và màu trắng với tổng thể tích như hình A. Bạn Hiền đổ thêm lớp chất lỏng màu xám được ba lớp chất lỏng với tổng thể tích như hình B. Cuối cùng bạn ấy tháo nút để xả vừa hết lớp chất lỏng màu trắng đi còn lại hai lớp chất lỏng với tổng thể tích như hình C. Thể tích của lớp chất lỏng màu xám là ..... *l*, lớp chất lỏng màu xanh là ..... *l* và lớp chất lỏng màu trắng là ..... *l*.



BÀI 21 PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 8,4 × 5 b) 0,67 × 60 c) 7,5 × 48 d) 5,26 × 73

.....

.....

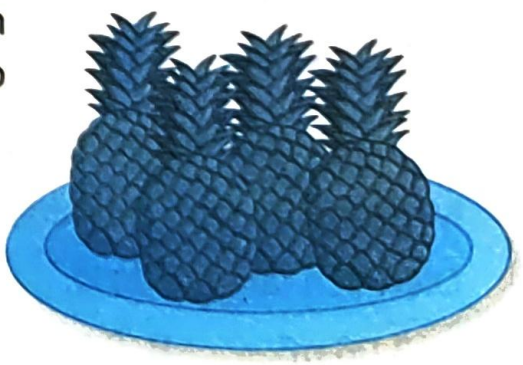
.....

2 Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng.

a)
$$\begin{array}{r} 9,3 \\ \times\ 2\ 7 \\ \hline 65\ 1 \\ 18\ 6 \\ \hline 83\ 7 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 0,72 \\ \times\ 56 \\ \hline 4\ 32 \\ 36\ 0 \\ \hline 40\ 32 \end{array}$$

3 Cô Hoa mua 4 quả dứa, mỗi quả cân nặng 0,75 kg. Hỏi cô Hoa mua tất cả bao nhiêu ki-lô-gam dứa?



Bài giải

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một mảnh đất hình vuông có cạnh 12,5 m. Chu vi mảnh đất đó là:

A. 480 m B. 48 m C. 500 m D. 50 m

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) $7,4 \times 6,5$ b) $23,7 \times 4,1$ c) $5,25 \times 8,2$ d) $4,06 \times 0,92$

.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Cho biết $75 \times 43 = 3\,225$. Không thực hiện tính, hãy viết ngay kết quả của các phép tính sau.

a) $7,5 \times 0,43 =$ .....

b) $7,5 \times 4,3 =$ .....

c) $0,75 \times 0,43 =$ .....

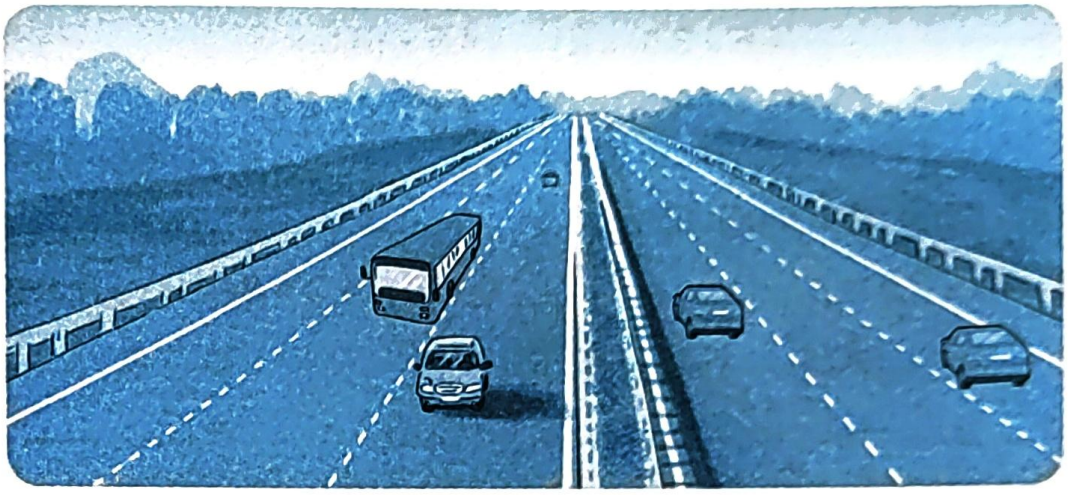
3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài 0,68 m và chiều rộng 0,45 m.

Diện tích tấm bìa đó là:

A. 3,06 m^2 B. 0,306 m^2 C. 0,36 m^2 D. 30,6 m^2

4 Một xe ô tô đi trên đường cao tốc, mỗi giờ đi được 82,4 km. Hỏi trong 1,5 giờ xe ô tô đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?



Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7,8 × 0,6

.....

.....

.....

b) 3,15 × 14

.....

.....

.....

.....

.....

c) 6,3 × 0,57

.....

.....

.....

.....

.....

2 a) **>; <; =** ?

$6,3 \times 3,7 \square 3,7 \times 6,3$

$(4,6 \times 3,5) \times 2 \square 4,6 \times (3,5 \times 2)$

$1,5 \times 5,6 \times 4 \square 1,5 \times 4 \times 5,6$

b) Tính bằng cách thuận tiện.

$(6,7 \times 4) \times 2,5 =$ .....

= .....

= .....

$0,125 \times 4,3 \times 8 =$ .....

= .....

= .....

3 Biết rằng phơi 1 kg quả hồng tươi thì được 0,165 kg quả hồng khô. Hỏi chú Dũng phơi 60 kg quả hồng tươi thì được bao nhiêu ki-lô-gam quả hồng khô?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Cô Hoà mua 4 kg cải bắp hết 36 000 đồng. Cô Bình có 150 000 đồng, cô mua 2,5 kg cải bắp cùng loại đó. Hỏi cô Bình có còn đủ tiền để mua 1 kg thịt lợn giá 130 000 đồng hay không?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 22 PHÉP CHIA SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 4,2 : 6

.....

.....

.....

b) 15,25 : 5

.....

.....

.....

.....

c) 46,8 : 39

.....

.....

.....

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Cho biết 33 332 : 52 = 641. Không thực hiện tính, hãy viết ngay kết quả của các phép tính sau.

a) 333,32 : 52 = ...

b) 3333,2 : 52 = ...

c) 33,332 : 641 = ...

3 Diện tích của một cánh đồng trồng tảo biển là 10,84 ha. Bác Thảo muốn chia cánh đồng đó thành 4 phần đều nhau. Hỏi diện tích mỗi phần là bao nhiêu héc-ta?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Trên một đoạn đường dài 401,5 m, người ta đặt 12 bức tượng cách đều nhau. Biết ở hai đầu đoạn đường đều đặt một bức tượng. Vậy khoảng cách giữa hai bức tượng cạnh nhau là ..... m.

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 23 : 5

.....

.....

.....

b) 7 : 4

.....

.....

.....

.....

c) 720 : 64

.....

.....

.....

.....

.....

2 Nối mỗi phép tính với kết quả của phép tính đó.

15 : 4	361 : 5	29 : 8	132 : 32
3,625	3,75	4,125	72,2

3 Bác Toàn trộn 4 yến đậu nành cần 150 g men. Hỏi mỗi yến đậu nành cần trộn với bao nhiêu gam men?

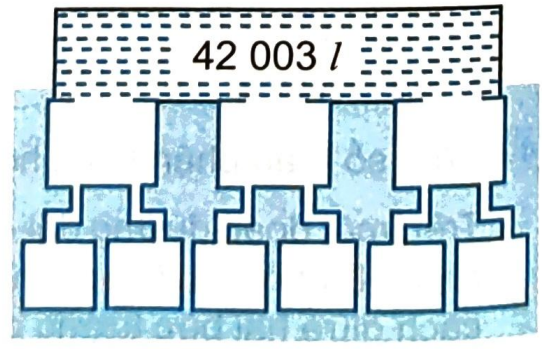
Bài giải

.....

.....

.....

4 Bể trên ban đầu đựng 42 003 *l* dầu. Sau đó, người ta mở 3 cửa cùng lúc cho dầu chảy xuống hết 3 bể ở giữa. Rồi dầu lại chảy hết từ mỗi bể ở giữa xuống 2 bể ở dưới. Hỏi cuối cùng, ở mỗi bể dưới cùng có bao nhiêu lít dầu? Biết 3 cửa nối bể trên cùng với 3 bể ở giữa rộng bằng nhau, các ống thông nối bể ở giữa với bể dưới cùng rộng bằng nhau.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

a) 9 : 4,5

.....

.....

.....

b) 122 : 6,1

.....

.....

.....

c) 12 : 0,75

.....

.....

.....

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một bác thợ cắt một tảng đá ong nặng 12 kg thành các viên gạch đều nhau, mỗi viên nặng 1,5 kg. Vậy bác ấy đã cắt tảng đá ong thành ..... viên gạch.

3 Trong 2,5 giờ, một chú rô-bốt đã gieo hạt đay cho 5 ha đất. Hỏi trung bình mỗi giờ chú rô-bốt đó gieo hạt đay cho mấy héc-ta đất?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Ban đầu, nhà thiên văn học ước tính tuổi thọ của một ngôi sao là 15 tỉ năm. Sau đó, nhờ có kính thiên văn hiện đại hơn và máy tính nhanh hơn, tuổi thọ của ngôi sao được tính lại và giảm đi 1,2 lần. Vậy sau khi tính lại, tuổi thọ của ngôi sao ước tính được là ..... tỉ năm.

Tiết 4

1 Đặt tính rồi tính.

a) 21 : 0,7

.....

.....

.....

b) 444,54 : 93

.....

.....

.....

.....

c) 10,37 : 6,1

.....

.....

.....

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Để làm ba chiếc khuôn đúc tượng giống nhau cần 7,2 tạ sáp. Vậy để làm một chiếc khuôn đúc tượng cần ..... tạ sáp.

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

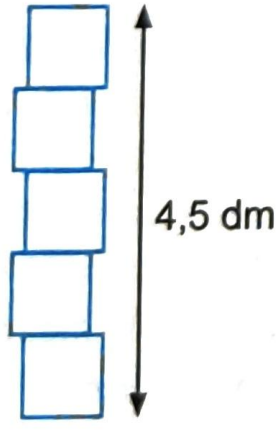
Một vùng đặt các máy phát điện dùng năng lượng sóng biển có dạng một hình chữ nhật với chiều dài 22 km và chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

Chu vi của vùng đó là .....

Diện tích của vùng đó là .....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Chú Cuốn chiếu phải sơn mặt trước của các khối lập phương như hình dưới đây.





Vậy diện tích mà chú ấy phải sơn là ..... dm^2.

BÀI 23 NHÂN, CHIA SỐ THẬP PHÂN VỚI 10; 100; 1 000;... HOẶC VỚI 0,1; 0,01; 0,001;...

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

a) 5,73 × 10 = ... b) 8 × 0,1 = ...

4,321 × 100 = ... 210,9 × 0,001 = ...

1,06 × 1 000 = ... 4,3 × 0,01 = ...

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 7,61 tạ = ... kg b) 2,031 *l* = ... ml c) 3,2 m^2 = ... cm^2

3 Một chiếc máy bơm trung bình mỗi giây bơm được 300,25 *l* nước. Hỏi sau 10 giây, máy bơm bơm được bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Hoàn thành bảng.

Số lượng máy bay mỗi loại mà Mỹ viện trợ cho Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai được thể hiện như trong bảng sau.

Loại	Bell P-39	Douglas A-20 Havocs	Bell P-63 Kingcobras
Số lượng (nghìn chiếc)	4,72	3,41	2,40
Số lượng (chiếc)			

Tiết 2

1 Tính nhẩm.

a) 2,3 : 10 = ... 4 320 : 100 = ... 100 : 1 000 = ...

b) 0,8 : 0,1 = ... 29 : 0,01 = ... 103 : 0,001 = ...

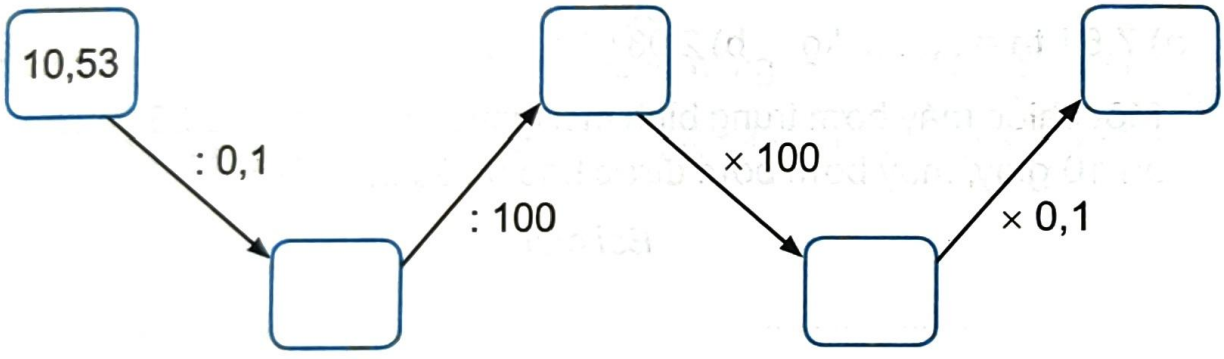
2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 23 kg = ... tạ

b) 145 g = ... kg

c) 1 293 kg = ... yến

3 Viết số thích hợp vào ô trống.



4 Biết 100 ha ruộng muối cho sản lượng 1 720 tấn muối. Hỏi trung bình mỗi héc-ta ruộng muối cho sản lượng bao nhiêu tấn muối?

Bài giải

.....

.....

.....

BÀI 24 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 15,09 + 8,7

.....

.....

.....

b) 26 – 3,14

.....

.....

.....

c) 0,35 × 7,6

.....

.....

.....

.....

.....

d) 204 : 8,5

.....

.....

.....

.....

.....

2 Tính nhẩm.

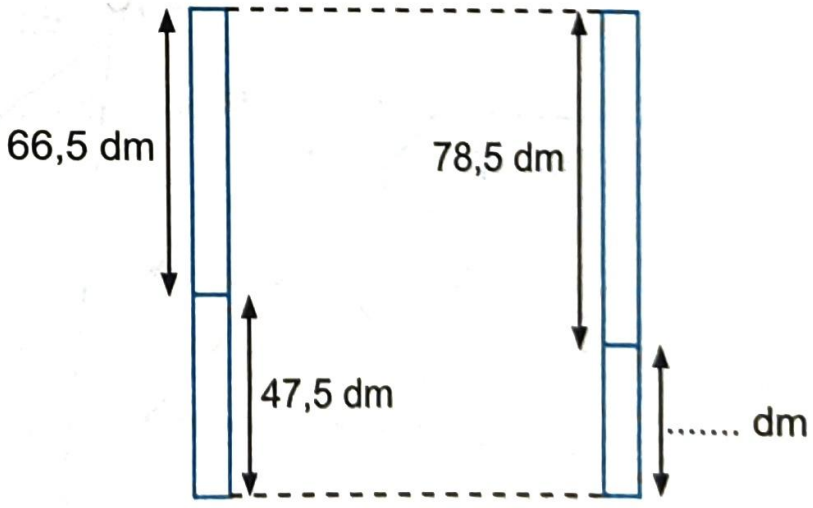
a) 25,38 × 0,01 = ...

b) 27,14 : 10 = ...

5,892 × 1 000 = ...

5,26 : 0,01 = ...

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.



4 >; <; = ?

a) $2,3 \times 7,1$ ☐ $7,1 \times 2,3$ b) $(25 \times 4) \times 0,5$ ☐ $25 \times (4 \times 0,5)$

c) $(6,8 + 9,2) \times 0,1$ ☐ $6,8 \times 0,1 + 9,2 \times 0,1$

Tiết 2

1 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $0,5 \times 2,9 \times 8 =$ .....

b) $3,17 \times 21 + 79 \times 3,17 =$ .....

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $(13,8 - 8,68) : 3,2 + 45,25 \times 2 =$ .....

= .....

= .....

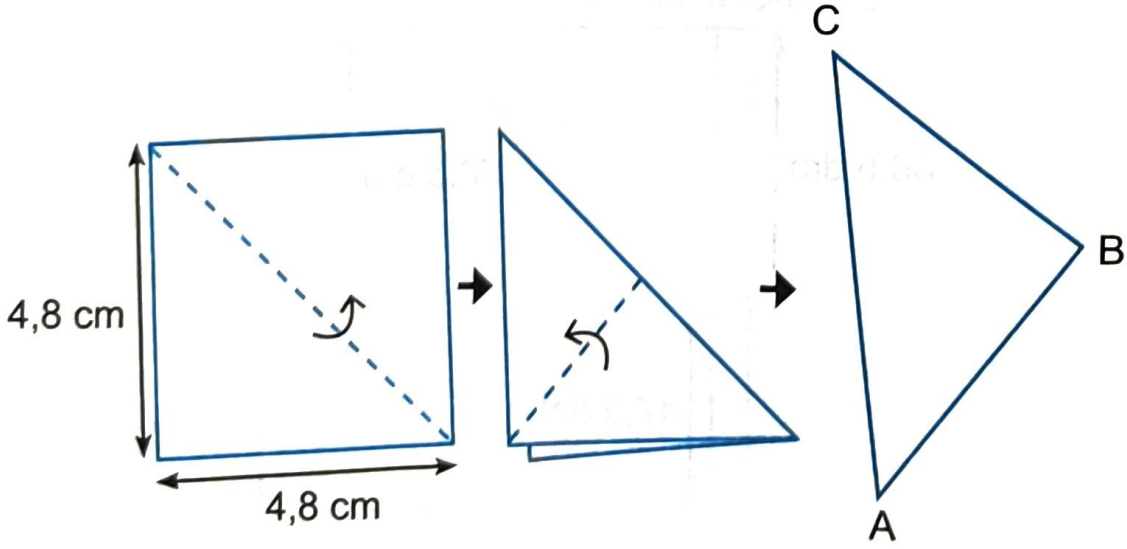
b) $74 : (0,69 + 3,01) - 6,5 : 2 =$ .....

= .....

= .....

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Từ một tờ giấy hình vuông (có kích thước như hình vẽ) gấp được hình tam giác ABC. Diện tích hình tam giác ABC là ..... cm^2.



4 Bác gấu có 6 đồng. Bác chia thành hai phần: một phần gửi ngân hàng và một phần để mua mật ong. Biết phần tiền gửi ngân hàng ít hơn phần tiền mua mật ong là 1,2 đồng.

a) Hỏi bác gấu gửi ngân hàng là bao nhiêu đồng?

b) Biết 1 đồng = 100 xu, hỏi bác gấu mua mật ong hết bao nhiêu xu?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 27,54 + ... = 81

b) ..... : 2,5 = 11,5

2 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

	Túi 1	Túi 2	Túi 3	Cân nặng trung bình của mỗi túi
Thùng 1	122,5 g	121 g	120,7 g	121,4 g
Thùng 2	120,9 g	127 g	131 g	
Thùng 3	119,9 g	120 g	121 g	

3 Một khu phố dạng hình chữ nhật có diện tích 0,72 km^2, chiều dài là 1,2 km. Hỏi chu vi của khu phố đó là bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

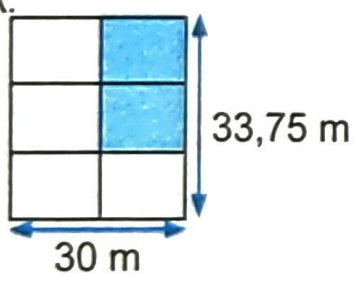
.....

4 Trang trại trên biển Nemo (Nê-mô) có dạng hình chữ nhật được chia thành các ô hình chữ nhật nhỏ như hình vẽ. Biết rằng $\frac{1}{3}$ diện tích được sử dụng để trồng ngô, còn lại để nuôi tảo biển. Phần diện tích trồng ngô được tô màu xanh.

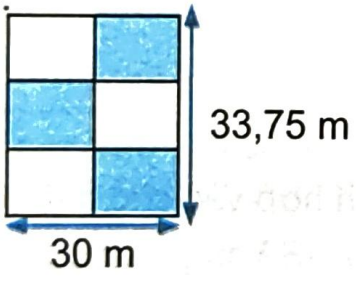
a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hình nào sau đây là sơ đồ trang trại Nemo?

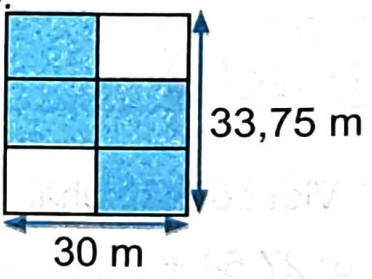
A.



B.



C.



b) Đ, S ?

Diện tích của trang trại nhỏ hơn $\frac{1}{100}$ ha. ☐

5 Cân nặng của cả xe tải và máy xúc là 63 tấn. Biết xe tải nặng hơn máy xúc 28,2 tấn. Tính cân nặng của xe tải.

Bài giải

.....

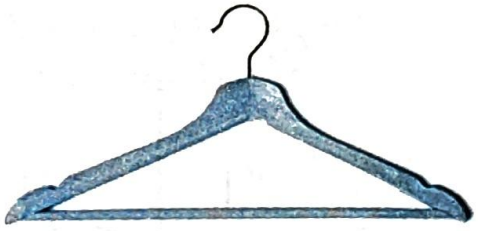
.....

.....

BÀI 25 HÌNH TAM GIÁC. DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC

Tiết 1

1 Viết *hình tam giác nhọn*, *hình tam giác vuông*, *hình tam giác tù*, *hình tam giác đều* thích hợp vào chỗ chấm.



.....



.....

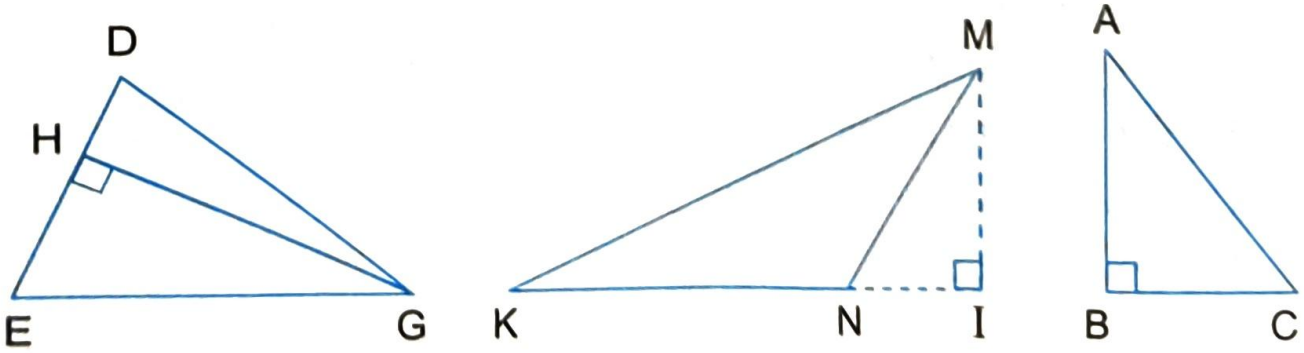


.....



.....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



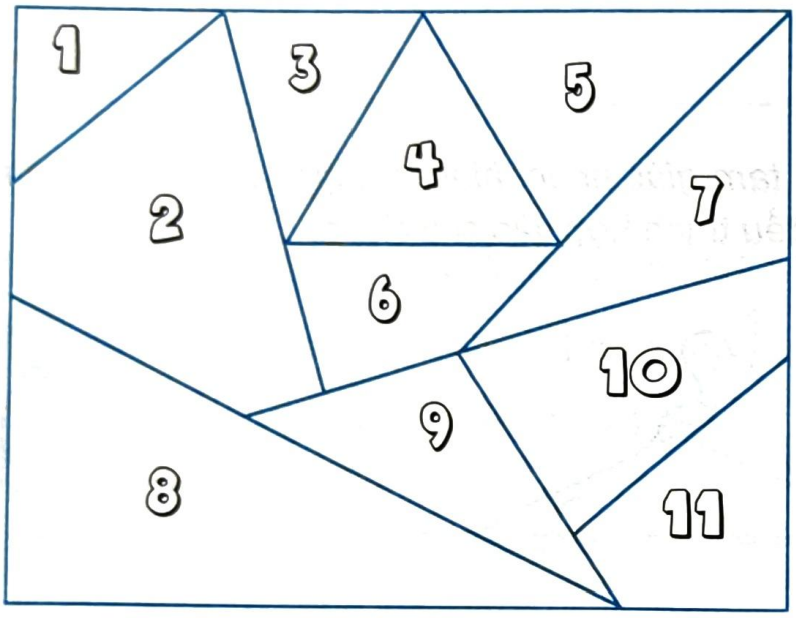
Trong hình tam giác DEG, ... là đường cao ứng với đáy .....

Trong hình tam giác MNK, ... là đường cao ứng với đáy .....

Trong hình tam giác ABC, AB là đường cao ứng với đáy .....

Trong hình tam giác ABC, CB là đường cao ứng với đáy .....

3 Quan sát tranh sau.



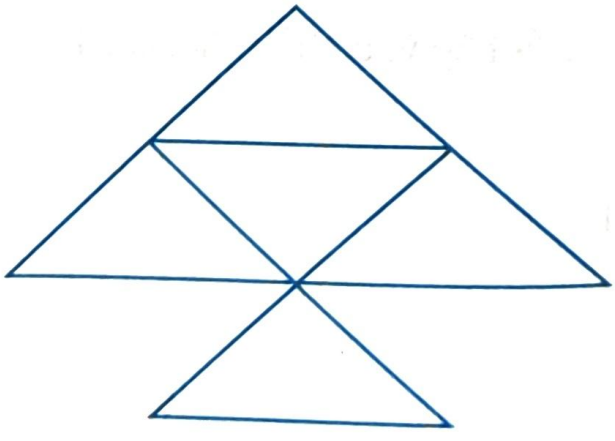
a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các hình tam giác là các hình ghi số .....

b) Tô màu vàng vào các hình tam giác nhọn, màu đỏ vào các hình tam giác vuông, màu xanh vào các hình tam giác tù và màu tím vào hình tam giác đều.

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Dùng 5 miếng bìa hình tam giác giống nhau, xếp thành hình con cá như hình vẽ.



Mỗi miếng bìa có dạng:

A. Hình tam giác nhọn

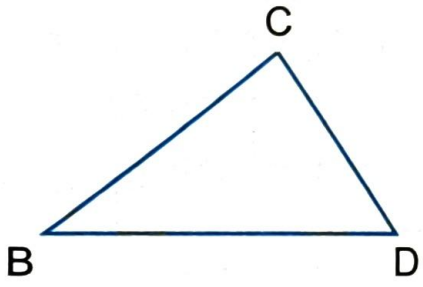
B. Hình tam giác vuông

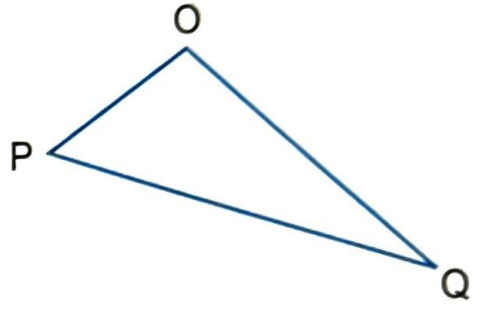
C. Hình tam giác tù

D. Hình tam giác đều

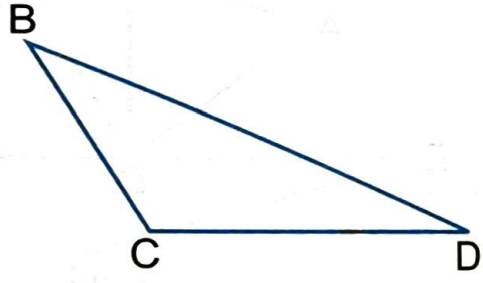
Tiết 2

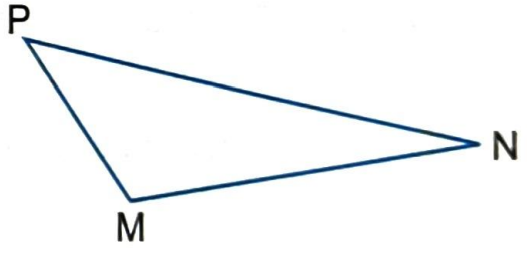
1 a) Vẽ đường cao ứng với đáy BD của hình tam giác BCD và vẽ đường cao ứng với đáy PQ của hình tam giác OPQ.





b) Vẽ đường cao ứng với đáy CD của hình tam giác BCD và vẽ đường cao ứng với đáy MN của hình tam giác MNP.



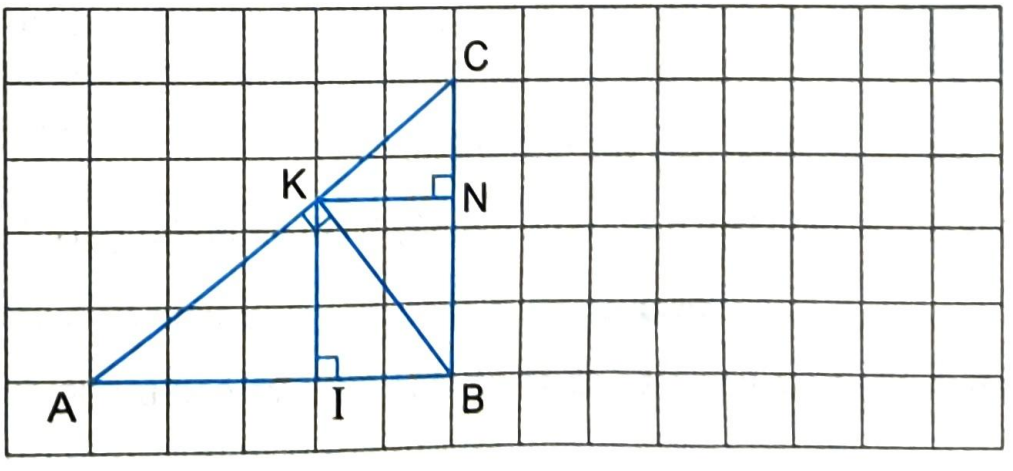


2 Vẽ hình (theo mẫu), biết rằng:

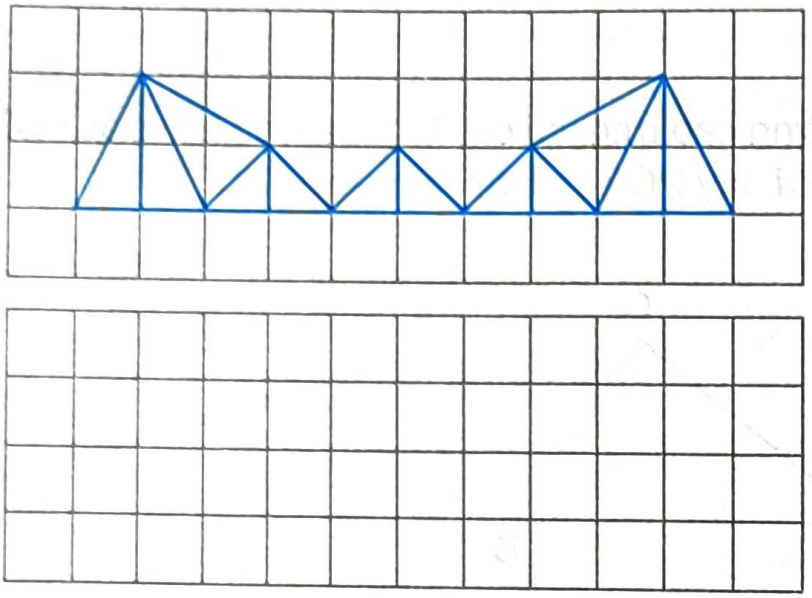
BK là đường cao ứng với đáy AC của hình tam giác ABC.

KI là đường cao ứng với đáy AB của hình tam giác ABK.

KN là đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác BCK.

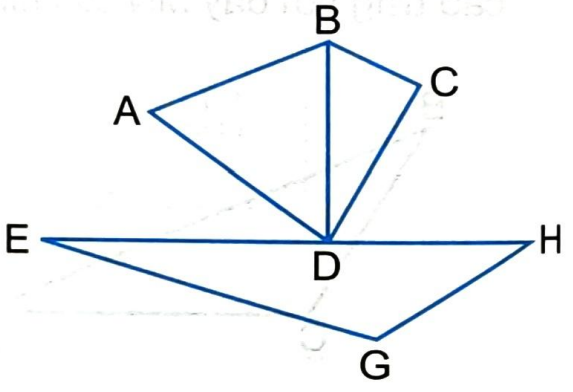


3 Vẽ hình (theo mẫu).



4 Cho hình vẽ bên.

a) Vẽ đường cao ứng với đáy AD của hình tam giác ABD và vẽ đường cao ứng với đáy GH của hình tam giác EGH.



b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong hình vẽ trên, hình tam giác nào là hình tam giác vuông?

A. Hình tam giác ABD

B. Hình tam giác BCD

C. Hình tam giác EGH

Tiết 3

1 Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 5 cm và chiều cao 4 cm là:

.....

Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 4 dm và chiều cao 6 dm là:

.....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

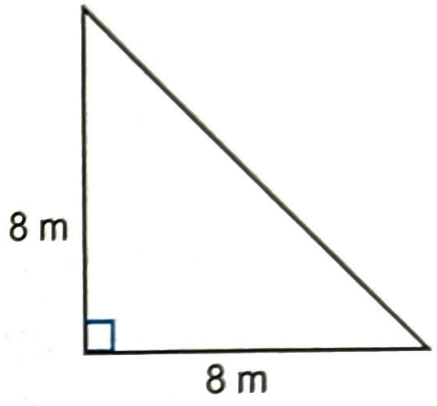
Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 7 cm và chiều cao 6 cm là:

A. 42 cm B. 21 cm^2

C. 21 cm D. 42 cm^2

3 Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Một tấm kính có dạng hình tam giác vuông như hình bên.

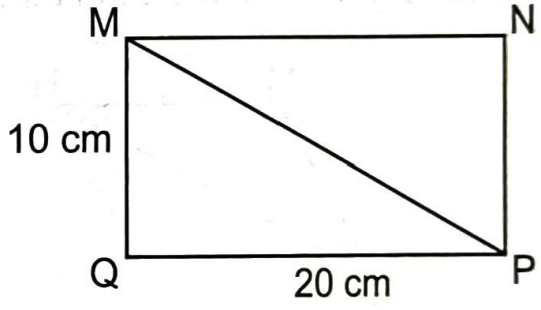


Diện tích của tấm kính là:

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hình chữ nhật MNPQ có chiều dài 20 cm và chiều rộng 10 cm.

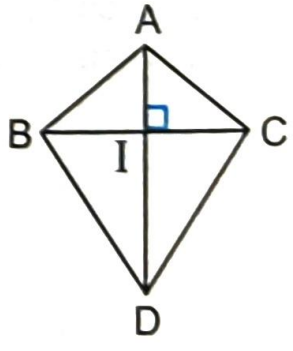


Diện tích hình tam giác MNP là:

A. 200 cm^2 B. 100 cm^2 C. 100 cm D. 200 cm

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một cánh diều có dạng hình tứ giác ABDC như hình bên. Hai đoạn thẳng AD và BC vuông góc với nhau tại I. Biết độ dài đoạn thẳng AD là 60 cm, độ dài đoạn thẳng BC là 40 cm và I là trung điểm của BC.



– Độ dài đoạn thẳng IB bằng độ dài đoạn thẳng IC và bằng ..... cm.

– Diện tích hình tam giác BAD là ..... cm^2.

– Diện tích hình tam giác CAD là ..... cm^2.

– Diện tích hình tứ giác ABDC là ..... cm^2.

Tiết 4

1 a) Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

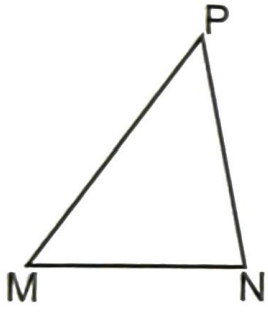
Độ dài đáy hình tam giác	9 cm	4 dm	3 m	15 cm
Chiều cao hình tam giác	6 cm	9 dm	6 m	8 cm
Diện tích hình tam giác	27 cm^2			

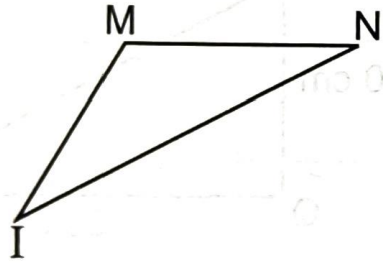
b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

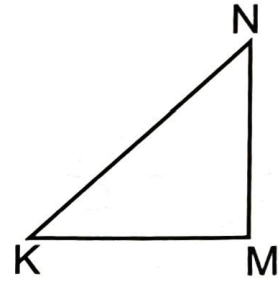
Diện tích của hình tam giác có độ dài đáy 30 cm và chiều cao 2 dm là:

A. 30 cm^2 B. 30 dm^2 C. 3 dm^2 D. 3 cm^2

2 Vẽ đường cao ứng với đáy MN của mỗi hình tam giác sau.

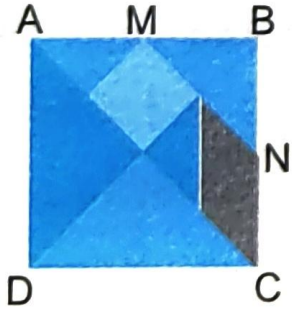




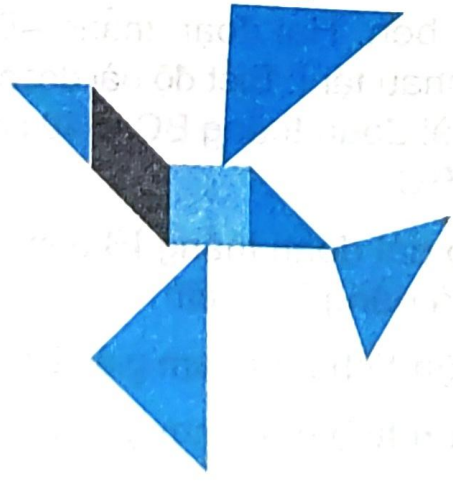


3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt tô màu một tờ giấy hình vuông cạnh 20 cm như hình 1 rồi cắt theo các vạch chia. Từ các mảnh giấy thu được, Rô-bốt ghép thành hình con chim như hình 2. Biết M là trung điểm của AB và N là trung điểm của BC.



Hình 1



Hình 2

– Đuôi con chim là hình tam giác .....

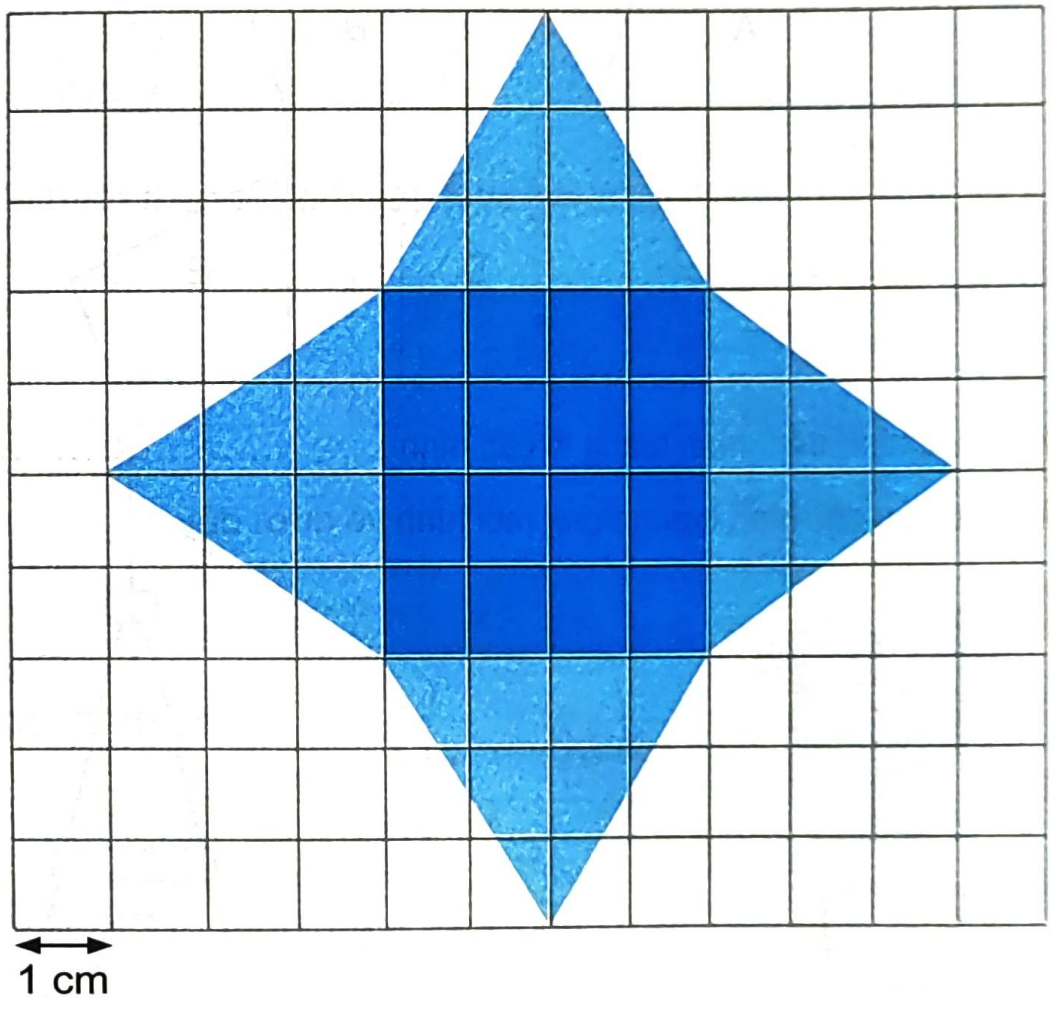
– Độ dài đoạn BM là .....

– Độ dài đoạn BN là .....

– Diện tích đuôi con chim là .....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình vẽ gồm 1 hình vuông và 4 hình tam giác như nhau (như hình dưới đây).



Diện tích mỗi hình tam giác là ..... cm^2.

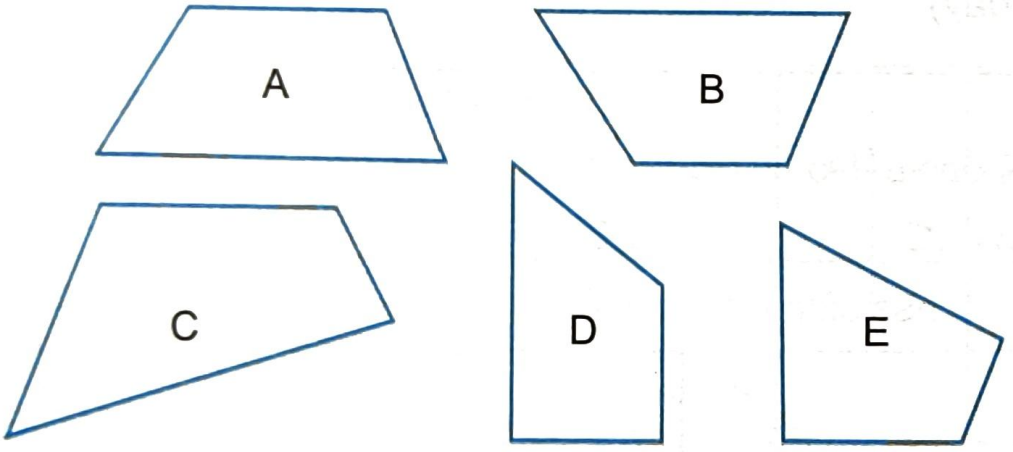
Diện tích hình vuông là ..... cm^2.

Diện tích hình trên là ..... cm^2.

BÀI 26 HÌNH THANG. DIỆN TÍCH HÌNH THANG

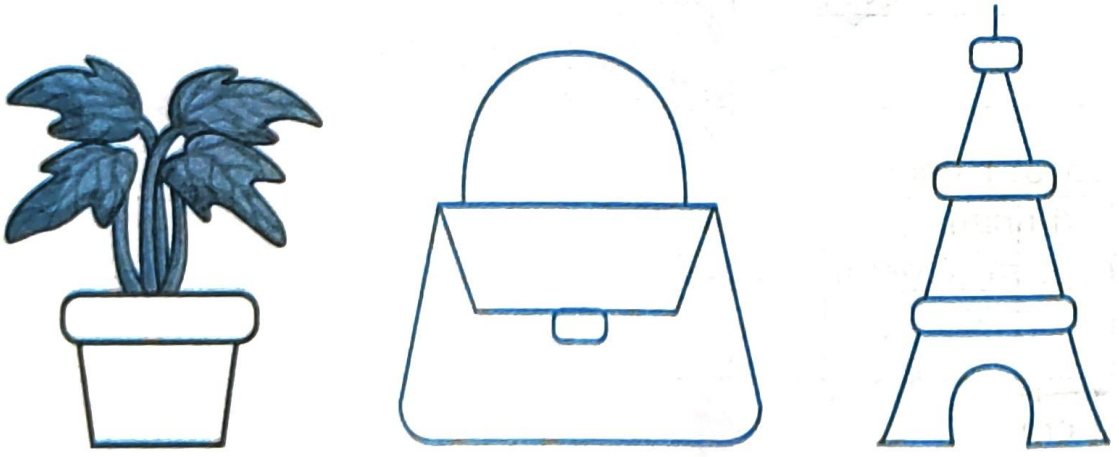
Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



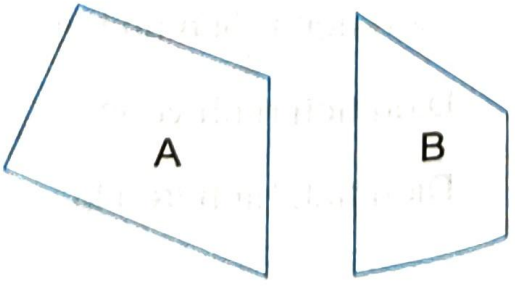
Trong các hình trên, hình thang là các hình .....

2 Tô màu vào các hình thang trong mỗi hình vẽ dưới đây.



3 Sử dụng ê ke để kiểm tra xem mỗi hình thang ở hình bên có phải là hình thang vuông hay không rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hình thang vuông là hình .....



4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

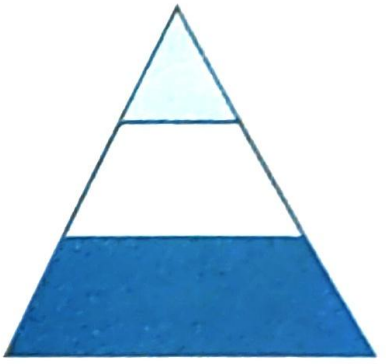
Trong hình bên có mấy hình thang?

A. 4

B. 1

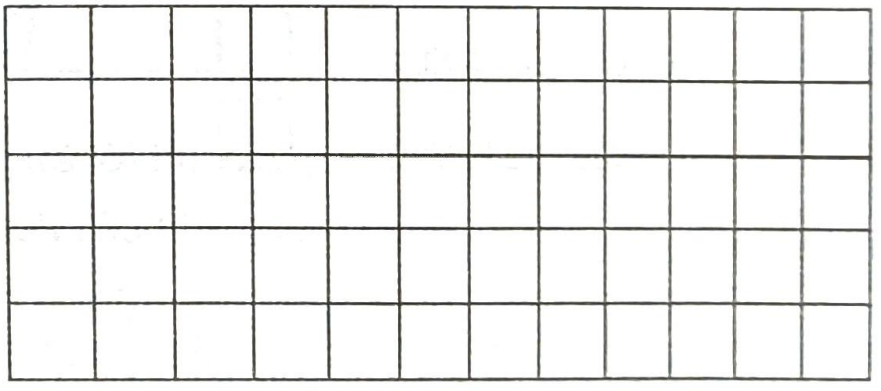
C. 2

D. 3

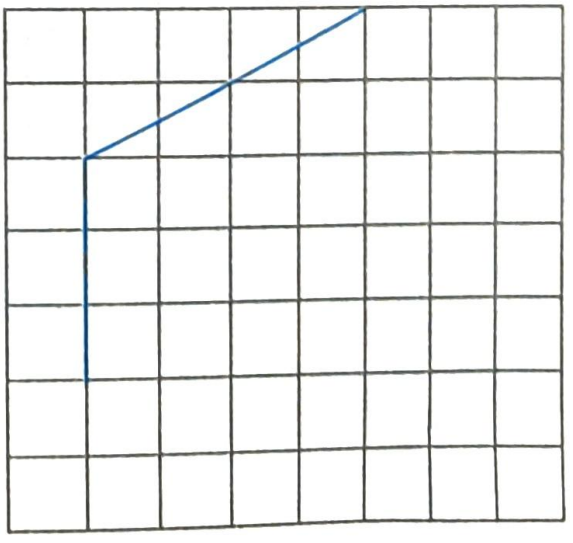


Tiết 2

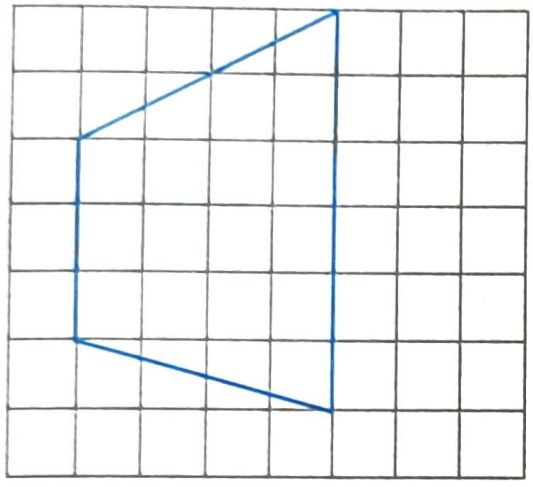
1 Vẽ hình thang IKMN với IK và NM là hai đáy.



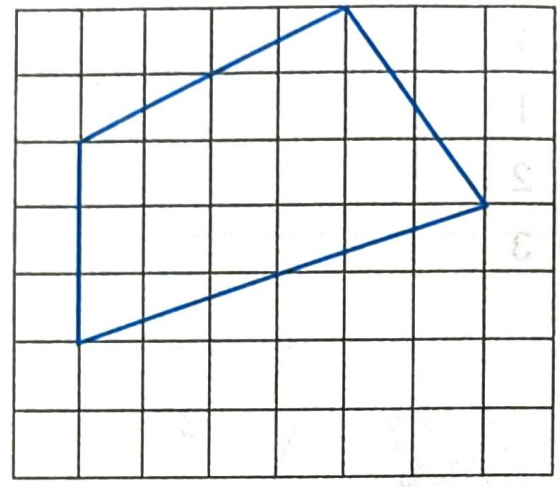
2 Cho hình vẽ:



Khi thực hiện yêu cầu vẽ thêm hai đoạn thẳng vào hình trên để được một hình thang, Mai và Việt đã làm như sau:



Mai



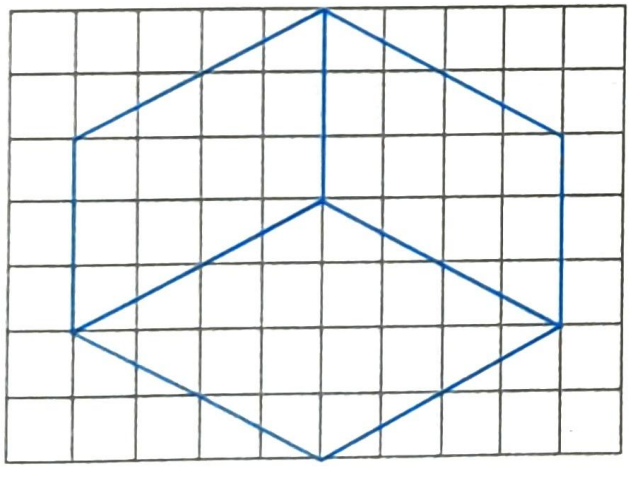
Việt

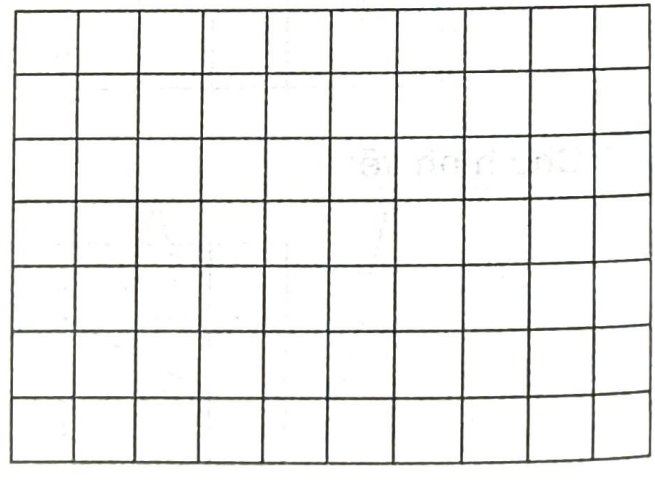
Đ, S ?

Bạn đã thực hiện đúng yêu cầu là Mai. ☐

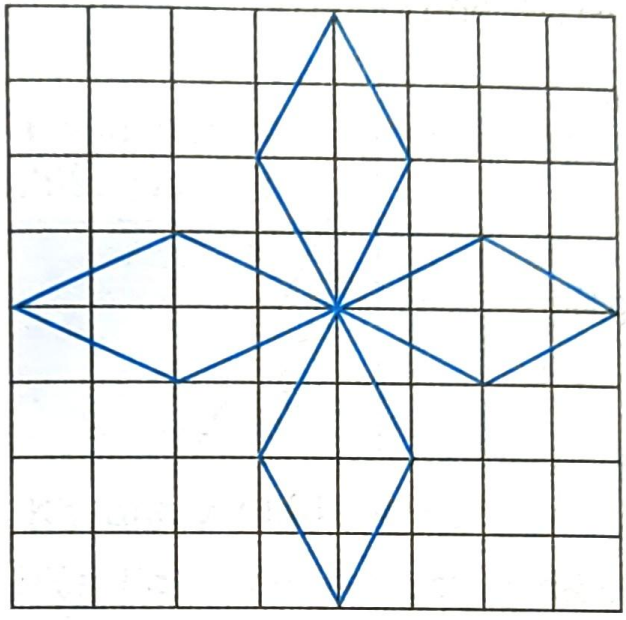
Bạn đã thực hiện đúng yêu cầu là Việt. ☐

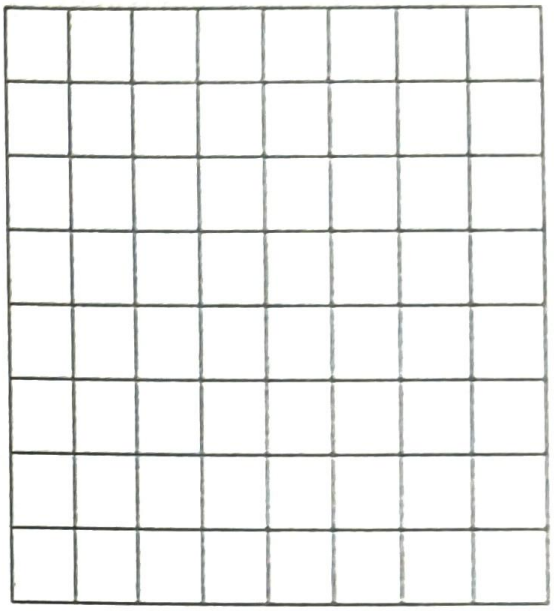
3 Vẽ hình (theo mẫu).





4 Vẽ hình (theo mẫu).





Tiết 3

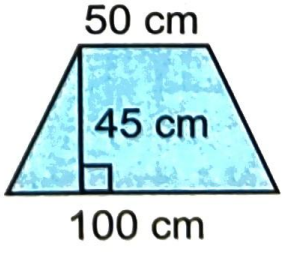
1 Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

a) Diện tích của hình thang có độ dài hai đáy là 5 cm và 7 cm, chiều cao 4 cm là: .....

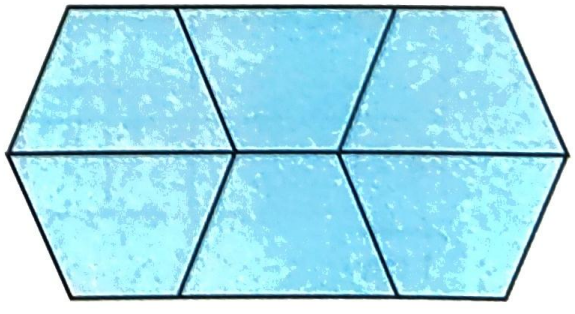
b) Diện tích của hình thang có độ dài hai đáy là 12 dm và 8 dm, chiều cao 5 dm là: .....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng 6 cái bàn giống nhau với mặt bàn hình thang có kích thước như hình 1 để ghép thành một bàn đa năng như hình 2.



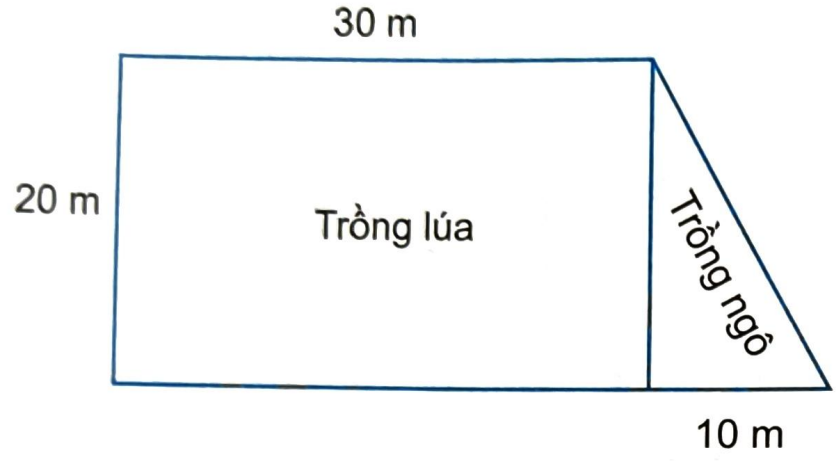
Hình 1



Hình 2

Diện tích mặt bàn đa năng là .....

3 Hình dưới đây cho biết phần trồng lúa và trồng ngô trên một thửa ruộng có dạng hình thang vuông. Tính diện tích thửa ruộng đó.



Bài giải

.....

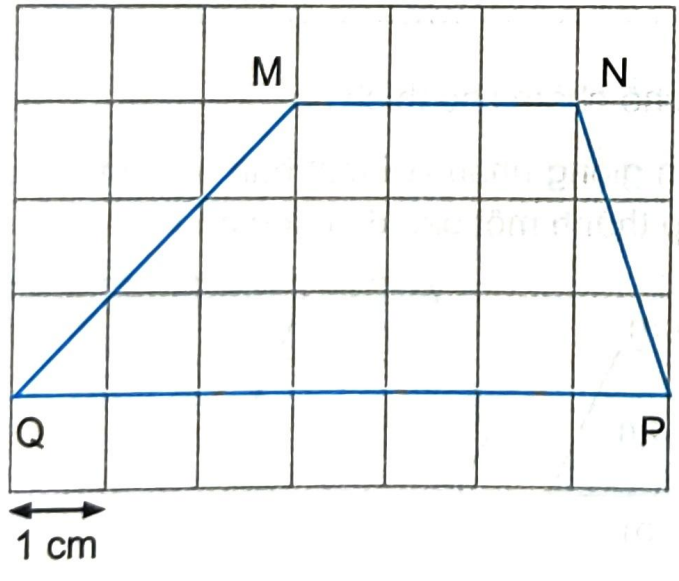
.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Diện tích hình thang MNPQ là:

A. 15 cm^2 B. 30 cm C. 15 cm D. 30 cm^2

Tiết 4

1 Hoàn thành bảng dưới đây, biết hình thang có độ dài hai đáy là m và n, chiều cao là h.

m	7 cm	11 cm	8 dm	10 m
n	5 cm	7 cm	4 dm	20 m
h	9 cm	10 cm	6 dm	4 m
Diện tích hình thang				

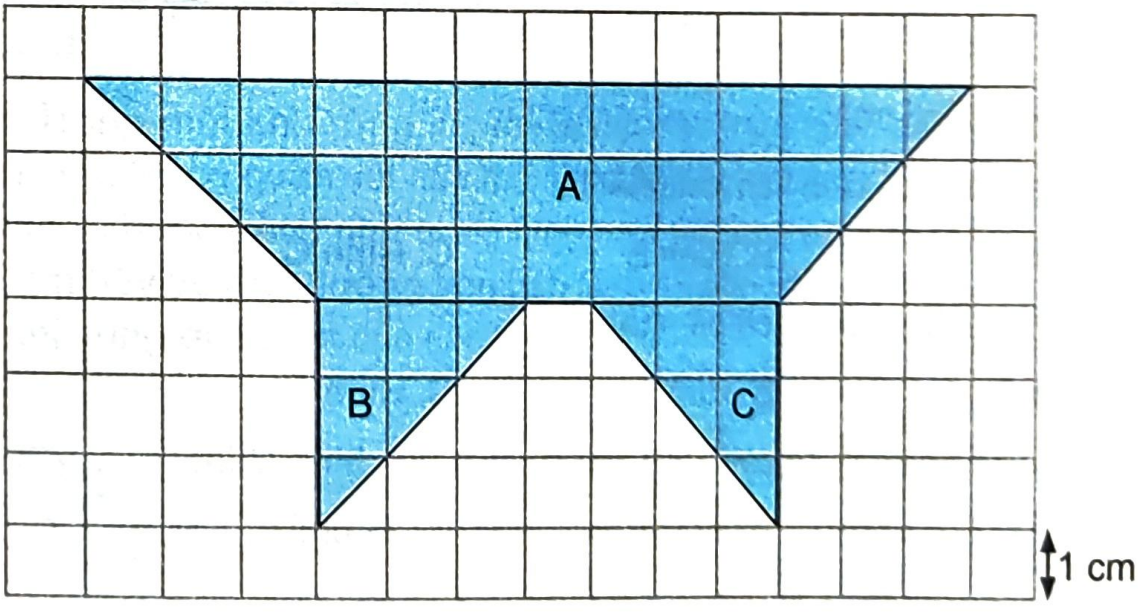
2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích hình thang có độ dài hai đáy là 32 cm và 28 cm, chiều cao 2 dm là:

A. 12 cm^2 B. 6 cm^2 C. 6 dm^2 D. 12 dm^2

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho hình vẽ cái chậu gồm 3 hình A, B và C (như hình dưới đây), biết rằng mỗi ô vuông có cạnh dài 1 cm.



– Diện tích hình A là .....

– Diện tích hình B là .....

– Diện tích hình C là .....

– Diện tích hình cái chậu là .....

4 Người ta trồng khoai trên một mảnh đất có dạng hình thang với độ dài hai đáy là 20 m và 32 m, chiều cao là 15 m. Trung bình mỗi mét vuông đất thu hoạch được 5 kg củ khoai. Hỏi trên mảnh đất đó người ta thu hoạch được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam củ khoai?

Bài giải

.....

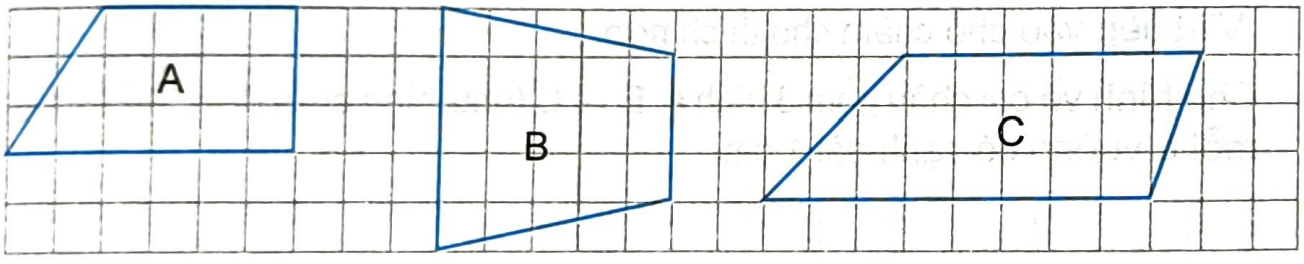
.....

.....

.....

.....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Trong các hình trên:

a) Hình thang có diện tích lớn nhất là:

A. Hình A B. Hình B C. Hình C

b) Hình thang có diện tích bé nhất là:

A. Hình A B. Hình B C. Hình C

c) Nếu mỗi ô vuông có cạnh là 1 cm thì diện tích hình B là:

A. 15 cm^2 B. 20 cm^2 C. 21 cm^2

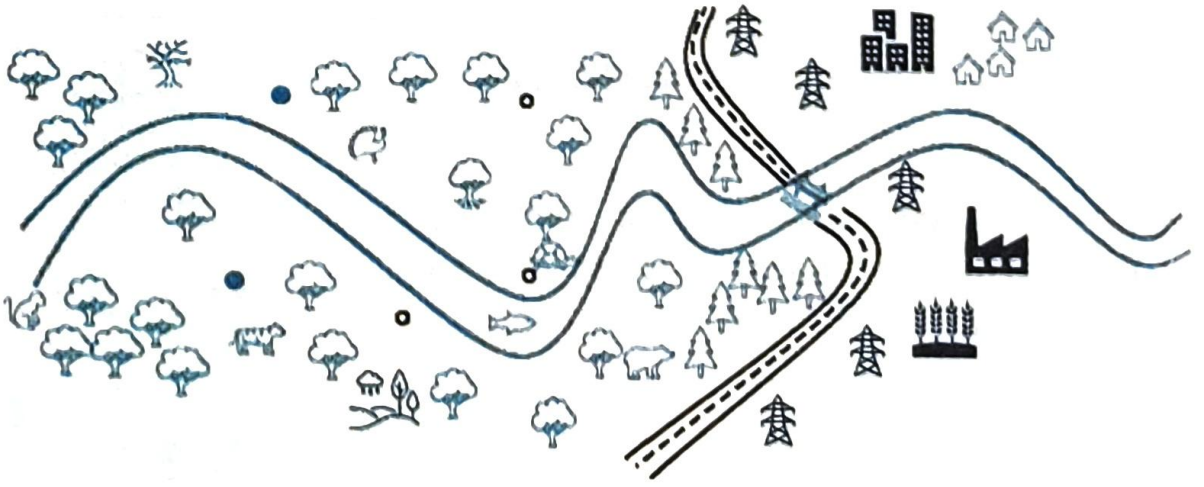
BÀI 27 ĐƯỜNG TRÒN. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN

Tiết 1

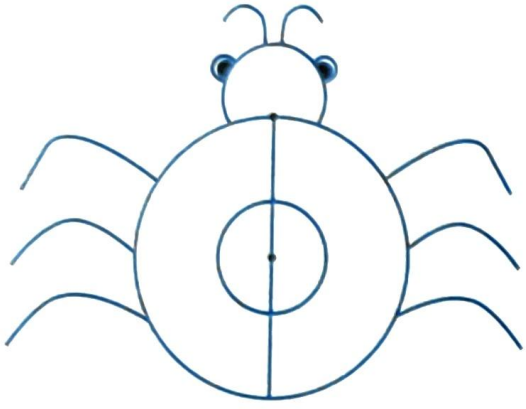
1 Vẽ đường tròn tâm H bán kính 25 mm.

H

2 Trong một khu rừng, người ta đặt các trạm quan sát để phòng cháy rừng. Vùng quan sát của mỗi trạm là một hình tròn có tâm là một chấm xanh hoặc trắng như trong hình. Với mỗi chấm xanh và trắng làm tâm, em hãy vẽ một đường tròn bán kính 15 mm và 1 cm tương ứng để biểu thị vùng quan sát của các trạm đó.



3 Em hãy vẽ: Đường tròn tâm O đường kính 12 mm; Đường tròn tâm O đường kính 30 mm; Đường tròn tâm I đường kính 12 mm. Rồi sau đó em vẽ thêm mắt, râu, chân cho bọ rùa để được hình bên trái. Cuối cùng em vẽ thêm các chấm trên cánh bọ rùa và tô màu cho đẹp nhé!



. I

. O

Tiết 2

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Đường kính hình tròn	6 cm	4 dm	20 mm	8 m
Chu vi hình tròn	18,84 cm			

2 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Bán kính hình tròn	5 m	4 cm	6 m	3 km
Chu vi hình tròn	31,4 m			

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

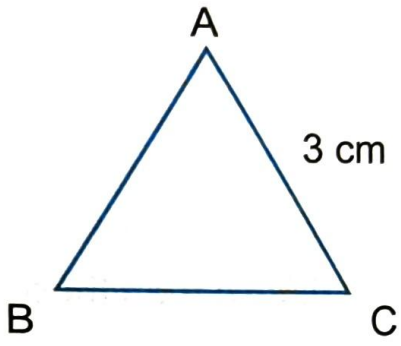
Cho hình bên.

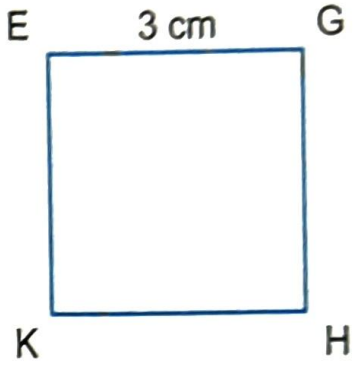
Bánh xe to có bán kính 5 dm, bánh xe nhỏ có bán kính 3 dm. Vậy chu vi bánh xe to lớn hơn chu vi bánh xe nhỏ ..... dm.

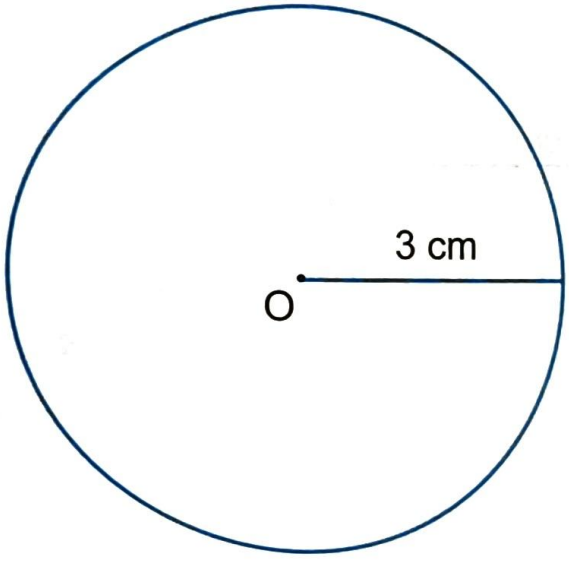


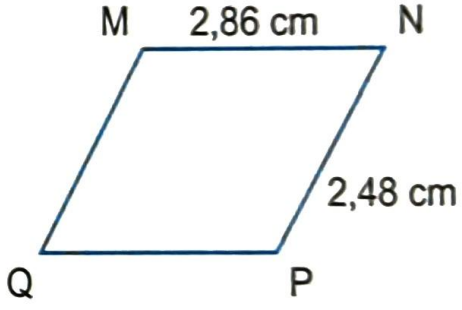
Tiết 3

1 Tô màu hình có chu vi lớn nhất.









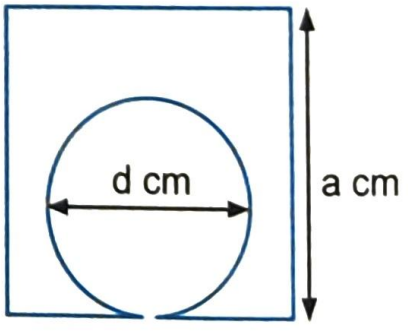
2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Tễu uốn dây thép thành một cái khung gồm một hình vuông có cạnh là a cm và một hình tròn đường kính là d cm. Hỏi chiều dài sợi dây thép đó là bao nhiêu xăng-ti-mét? Biết phần khe hở có kích thước không đáng kể.

A. $4 \times a + 3,14 \times d$

B. $4 \times a + 3,14 \times 2 \times d$

C. $a + d$



3 Một sợi chỉ quấn vòng quanh lõi gỗ hình tròn có bán kính 3 cm đúng 100 vòng. Hỏi sợi chỉ đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

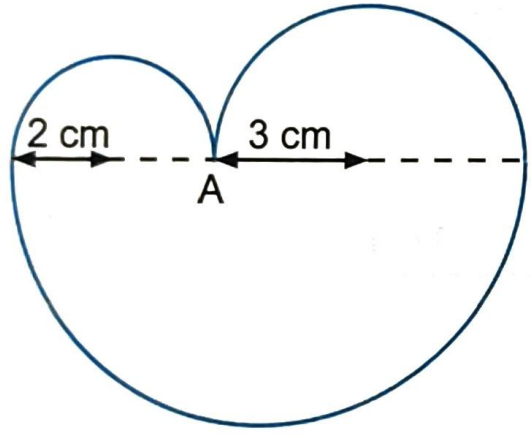
.....

.....

.....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt chuột chở miếng pho-mát đi một vòng từ điểm A men theo đường màu xanh. Rô-bốt chuột đã đi được ..... m.



Tiết 4

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Bán kính hình tròn	2 dm	4 cm	5 m	10 mm
Diện tích hình tròn	12,56 dm^2			

2 Sân khấu của rạp xiếc là một hình tròn có bán kính 14 m. Hỏi diện tích của sân khấu đó là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

3 Nắp thùng đựng gạo là một tấm gỗ hình tròn có bán kính 2 dm. Tính diện tích của chiếc nắp đó.

Bài giải

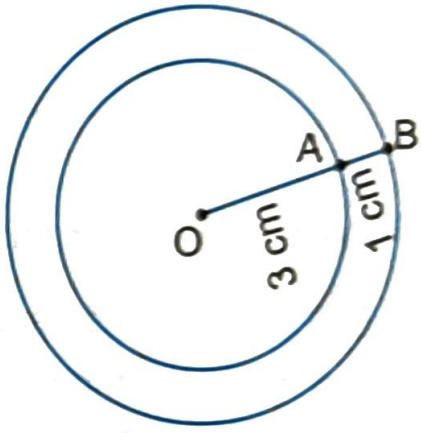
.....

.....

.....

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

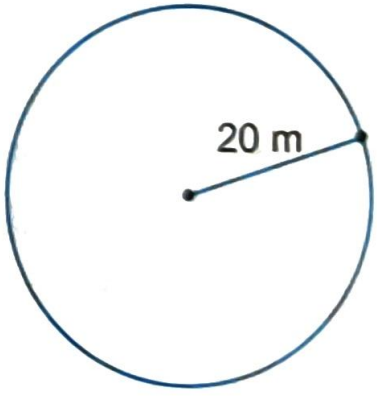
Diện tích của hình tròn tâm O có bán kính OB là ..... cm^2.



Tiết 5

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Chú rô-bốt nhặt rác trên bãi biển không thể hoạt động xa quá điểm sạc pin 20 m. Vậy diện tích phần bãi biển mà chú rô-bốt ấy có thể nhặt rác là ..... m^2.



2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mỗi vòi tưới nước quay thành hình tròn có thể tưới rau trong vòng các bán kính như sau: vòi 1, bán kính 5 m; vòi 2, bán kính 10 m; vòi 3, bán kính 15 m.

Hình tròn có chu vi lớn nhất được tạo ra từ vòi nào?

A. Vòi 1 B. Vòi 2 C. Vòi 3

3 Một bảng mạch bị đục 100 lỗ hình tròn, mỗi lỗ có bán kính 1 mm. Hỏi phần diện tích bị đục lỗ là bao nhiêu mi-li-mét vuông?

Bài giải

.....

.....

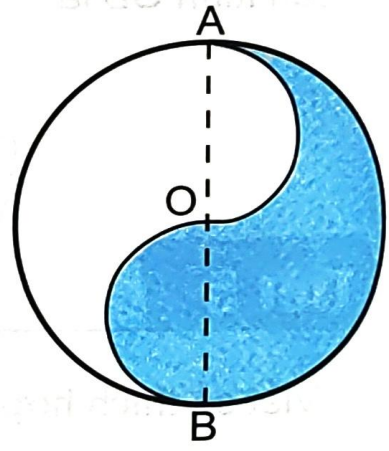
.....

.....

.....

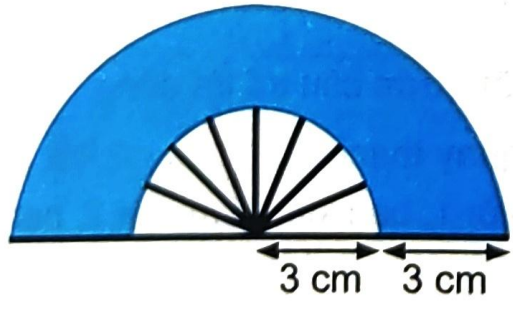
4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Một nhà thiết kế vẽ lại một biểu tượng trong hình tròn tâm O, đường kính AB = 8 cm (như hình bên). Vậy diện tích phần có sơn màu là ..... cm^2.



5 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Một chiếc quạt giấy xoè ra như hình bên dưới. Diện tích phần giấy dán ở một mặt là ..... cm^2.

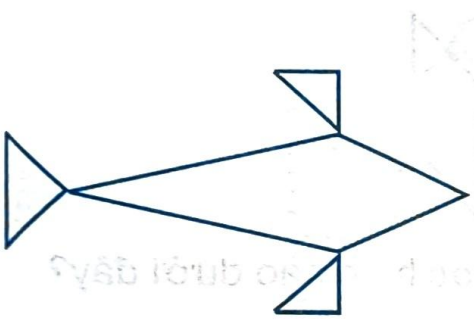


BÀI 28 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM ĐO, VẼ, LẮP GHÉP, TẠO HÌNH

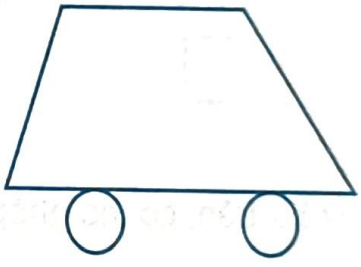
Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

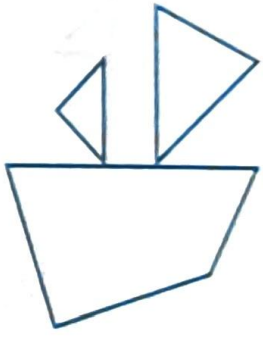
Việt cắt các miếng bìa rồi ghép thành các hình như dưới đây.



Hình 1



Hình 2



Hình 3

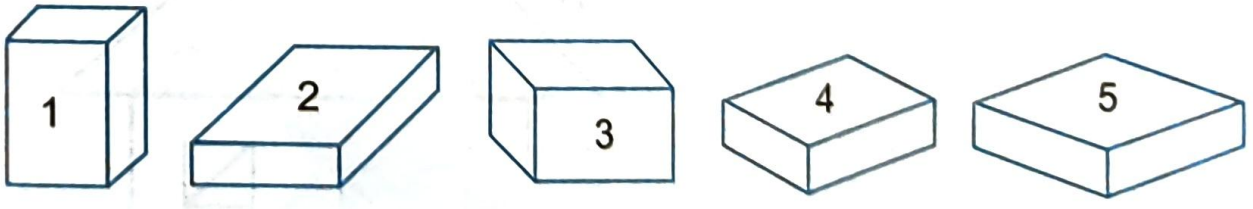
a) Việt đã sử dụng miếng bìa hình thang để ghép ở hình nào?

A. Hình 1
B. Hình 2
C. Hình 3
D. Hình 2 và hình 3

b) Việt đã sử dụng các miếng bìa hình tam giác để ghép ở hình nào?

A. Hình 1 và hình 2
B. Hình 2 và hình 3
C. Hình 1 và hình 3

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Trong các hình trên:

a) Hình thoi xuất hiện ở hình nào?

A. Hình 1
B. Hình 3
C. Hình 4
D. Hình 5

b) Hình chữ nhật không xuất hiện ở hình nào?

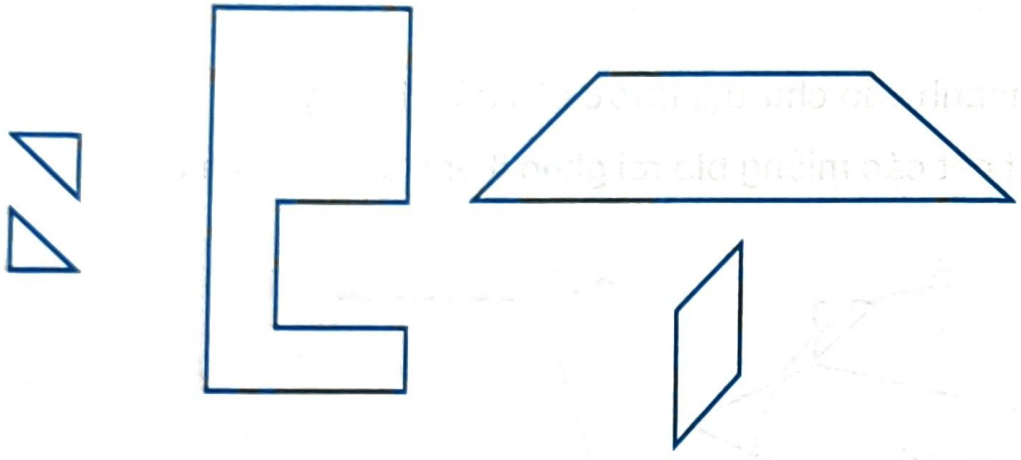
A. Hình 1 và hình 4 B. Hình 3 và hình 5

C. Hình 4 và hình 5 D. Hình 2 và hình 4

c) Hình nào dưới đây xuất hiện ở tất cả các hình 1, 2, 3, 4 và 5?

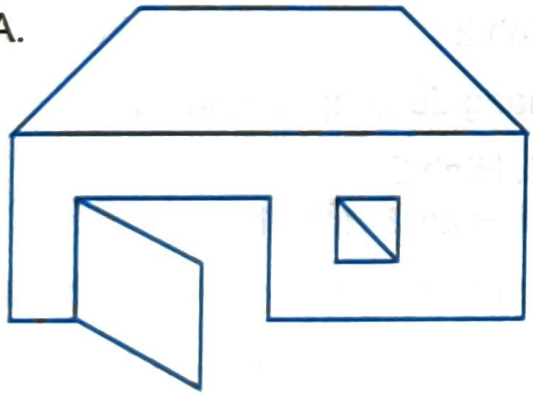
A. Hình chữ nhật B. Hình thoi C. Hình bình hành

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

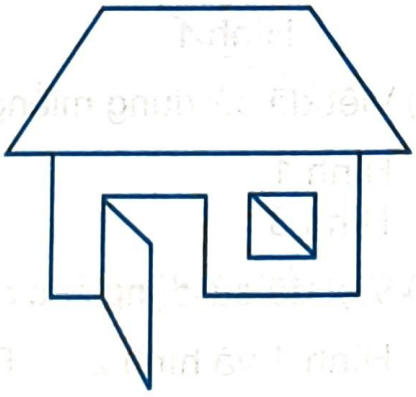


Với các miếng ghép như trên, có thể ghép được hình nào dưới đây?

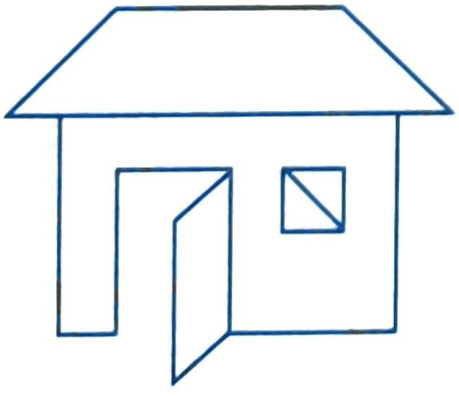
A.



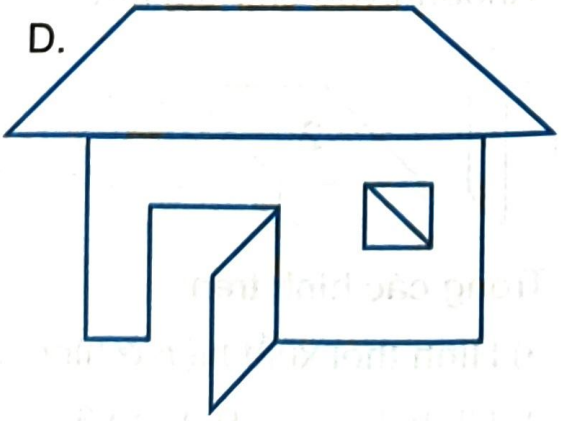
B.



C.



D.

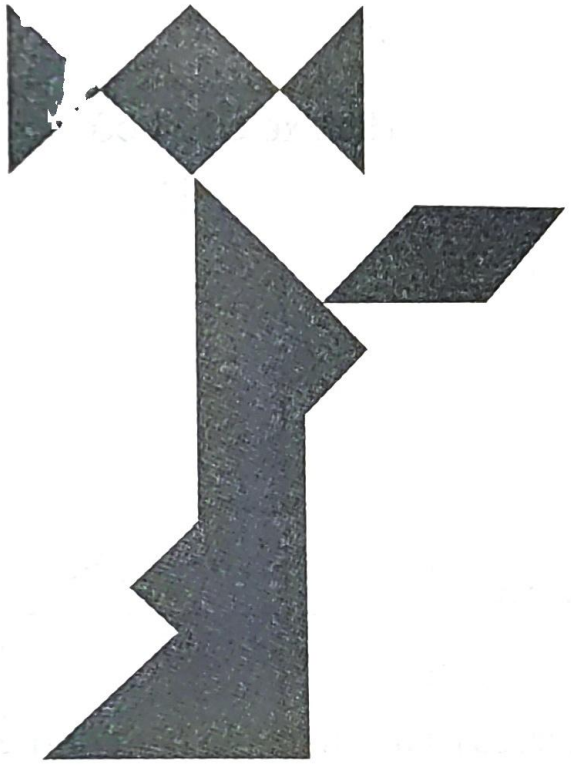


Tiết 2

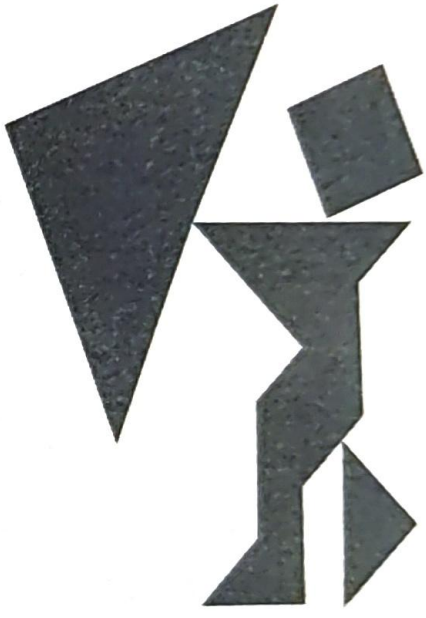
1 Trò chơi xếp hình có các miếng ghép như hình bên.



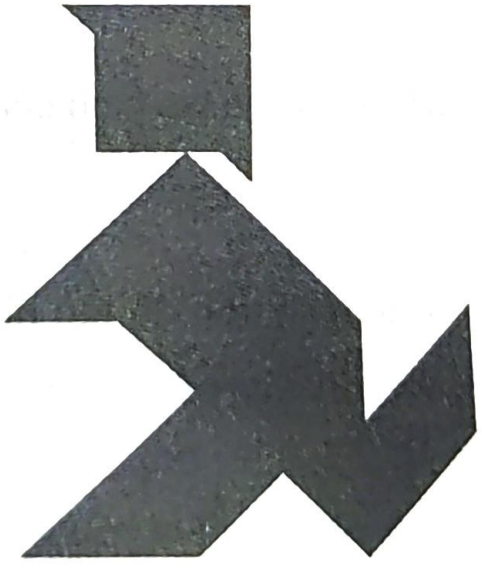
Từ 7 miếng ghép của bộ trò chơi xếp hình, em hãy xếp thành các hình 1, 2, 3 và 4. Vẽ vào hình để thể hiện cách xếp.



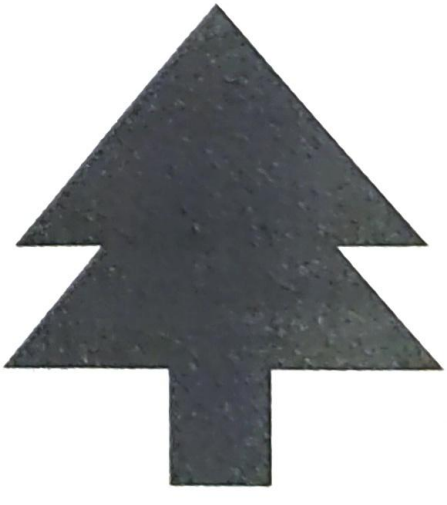
Hình 1



Hình 2

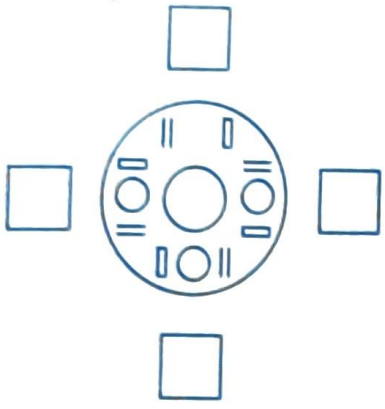


Hình 3

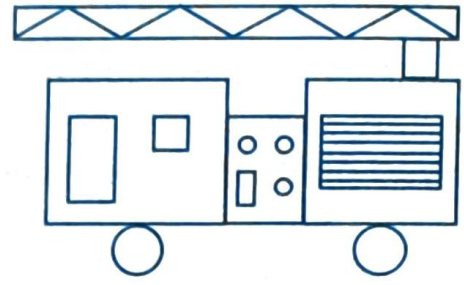


Hình 4

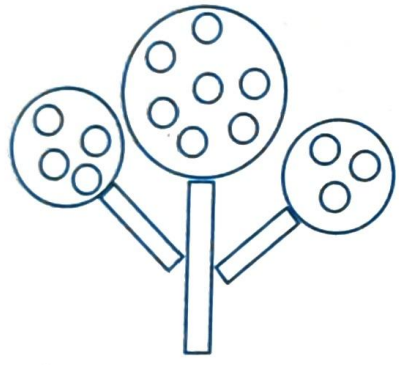
2 Việt và Mai tạo thành hình bàn ăn, hình cái cây và hình xe cứu hoả như dưới đây.



Hình bàn ăn



Hình xe cứu hoả



Hình cái cây

a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

• Hai bạn Việt và Mai đã sử dụng bao nhiêu hình tròn để tạo hình bàn ăn?

A. 4 B. 5

C. 6 D. 7

• Hai bạn Việt và Mai đã sử dụng bao nhiêu hình tròn để tạo hình cái cây?

A. 14 B. 15

C. 16 D. 17

• Hai bạn Việt và Mai đã sử dụng bao nhiêu hình tròn để tạo hình xe cứu hoả?

A. 4 B. 5

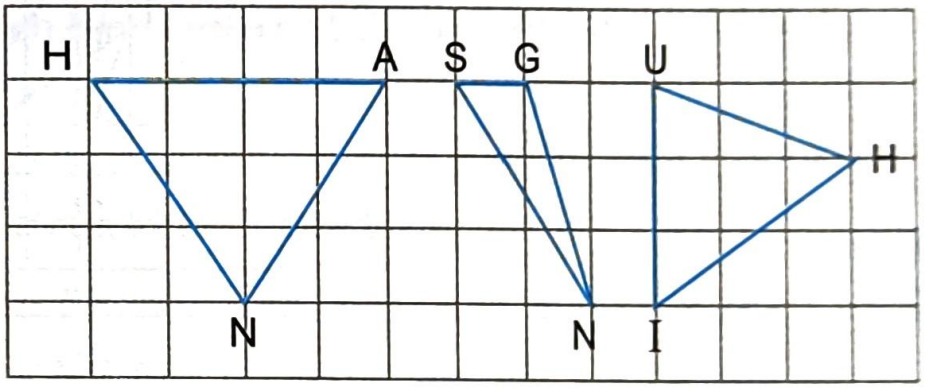
C. 6 D. 7

b) Tô màu trang trí một hình em thích nhất.

BÀI 29 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 a) Vẽ đường cao ứng với đáy HA, SG và UI của ba hình tam giác sau.

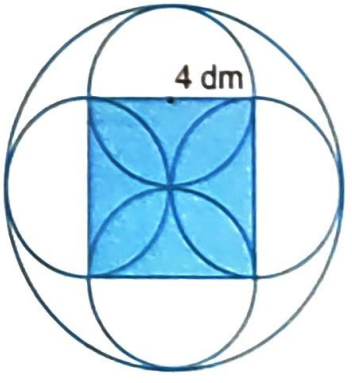


b) Biết cạnh mỗi ô vuông là 2 cm. Hãy hoàn thành bảng sau.

Hình tam giác	HAN	SGN	HUI
Diện tích (cm^2)			

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho hình bên, biết bán kính mỗi hình tròn nhỏ là 4 dm.



a) Vậy đường kính của hình tròn lớn là bao nhiêu?

A. 4 dm B. 8 dm C. 16 dm

b) Chu vi của hình tròn lớn là bao nhiêu?

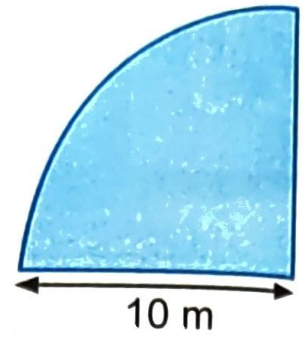
A. 25,12 dm B. 50,24 dm C. 100,48 dm

c) Chu vi hình tròn lớn gấp mấy lần chu vi hình tròn nhỏ?

A. 2 lần B. 4 lần C. 8 lần

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

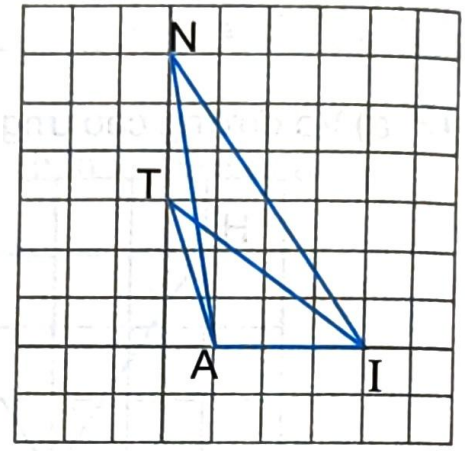
Một hàng rào bao quanh một mảnh đất có dạng một phần tư hình tròn (như hình vẽ). Chiều dài hàng rào đó là:



A. 15,7 m B. 35,7 m C. 62,8 m

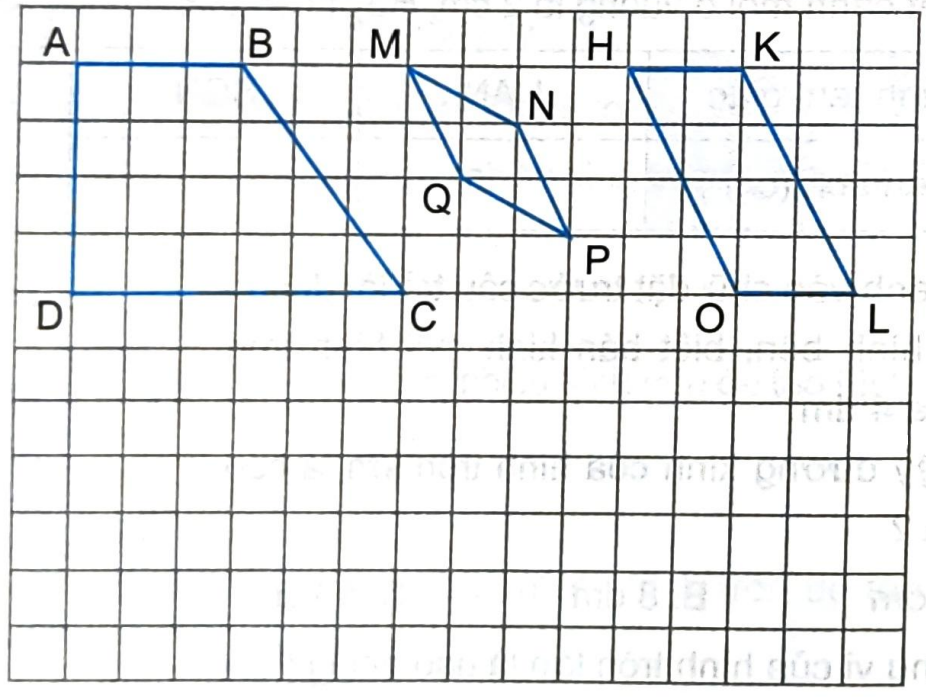
4 Đ, S ?

Diện tích hình tam giác TIA bằng một nửa diện tích hình tam giác NIA. ☐



Tiết 2

1 a) Vẽ lại các hình sau.



b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Biết rằng mỗi ô vuông có cạnh 2,5 cm. Diện tích hình thang ABCD ở câu a là ..... cm^2.

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Tính diện tích mảnh đất ABCDE có kích thước như hình dưới đây.

Bài giải

Độ dài đoạn thẳng AK là:

$8 + 12 + 4 = 24$ (m)

Diện tích hình thang ABCK là:

$\frac{(24+8)\times.....}{.....} = ...(m^2)$

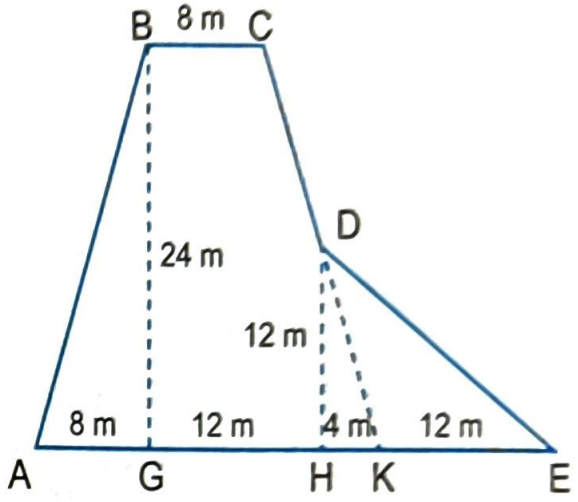
Diện tích hình tam giác DEK là:

$\frac{12\times.....}{.....} = ...(m^2)$

Diện tích mảnh đất ABCDE là:

..... + ... = ... (m^2)

Đáp số: ..... m^2.



3 Tính diện tích mảnh đất ABCD có dạng như hình dưới đây, biết: AB = 10 m; CG = 14 m; BE = 10 m; GD = 4 m.

Bài giải

.....

.....

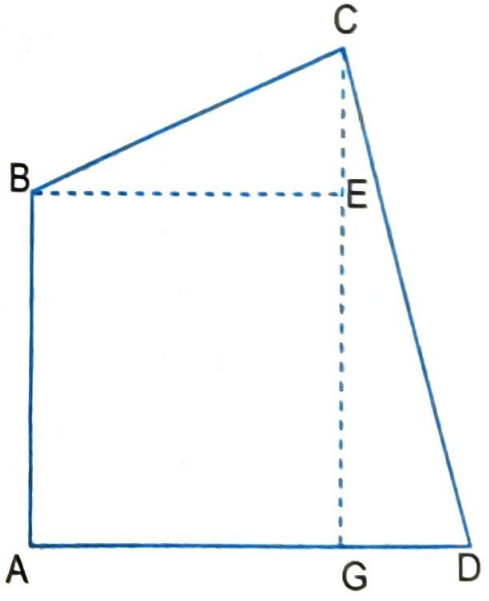
.....

.....

.....

.....

.....



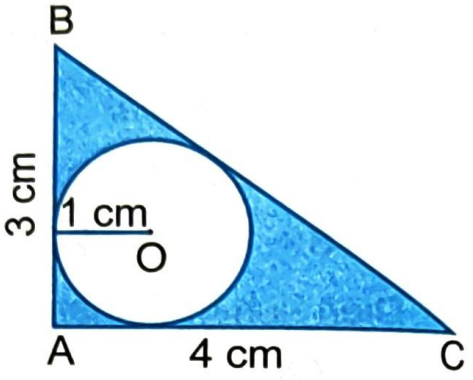
4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong hình bên có:

A. Diện tích phần màu xanh bằng diện tích hình tròn.

B. Diện tích phần màu xanh lớn hơn diện tích hình tròn.

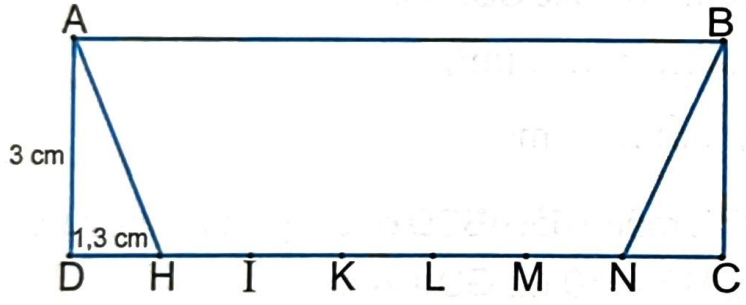
C. Diện tích phần màu xanh bé hơn diện tích hình tròn.



Tiết 3

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình chữ nhật ABCD như hình dưới đây có AD = 3 cm và DH = HI = IK = KL = LM = MN = NC = 1,3 cm.



a) Diện tích hình tam giác ADH là ..... cm^2.

b) Độ dài hai cạnh đáy của hình thang ABCH là ..... cm và ..... cm.

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho 3 hình:

Hình 1: Hình tròn có bán kính 6 cm;

Hình 2: Hình tam giác có chiều cao 8 cm và đáy 5 cm;

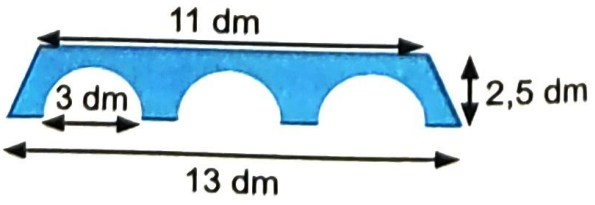
Hình 3: Hình thang có chiều cao 5 cm và hai đáy là 4 cm và 6 cm.

Bạn Hoàng dùng cùng một loại đất sét nặn 3 hình với bề dày như nhau như trên. Hình ..... nặng nhất, hình ..... nhẹ nhất.

3 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Một chi tiết gỗ có hình dạng và kích thước như hình bên.

Diện tích của chi tiết gỗ đó là ..... dm^2.



BÀI 30 ÔN TẬP SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau.

Số	Cách đọc
94,03	
	Không phẩy không trăm hai mươi bảy
280,6	
	Một phẩy bảy trăm sáu mươi tám

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 11 dm = ... m

b) 9 ml = ... *l*

c) 250 g = ... kg

d) 1 năm = ... thế kỉ

3 Hãy cho biết hàng của những chữ số được gạch chân (theo mẫu).

a) 17,8̲2 Hàng phần mười

b) 1,902̲ .....

c) 0,0̲15 .....

d) 278,78̲ .....

4 Trên bảng có ghi số thập phân 12,053. Rô-bốt nói rằng: "Số thập phân ghi trên bảng có phần nguyên là 12 và phần thập phân là 53.".

Hỏi Rô-bốt nói đúng hay sai? Vì sao?

.....

.....

.....

Tiết 2

1 >; <; = ?

a) 1,45 ☐ 2,11

b) 40,2 ☐ 4,02

c) 7,50 ☐ 7,5

d) 1 ☐ 0,999

2 Đ, S ?

a) 76 = 7,6 ☐

b) 32,17 < 32,71 ☐

c) 1,45 > 1,405 ☐

d) 2 < 1,999 ☐

3 Quan sát bảng số liệu về chiều cao một số bạn học sinh rồi viết tiếp vào chỗ chấm.

Học sinh	Đức	Lan	Việt	Nhi
Chiều cao (m)	1,45	1,42	1,3	1,08

a) Bạn có chiều cao hơn Lan là:

.....

b) Chiều cao của các bạn viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Trong các số 3,5; 3,3; 4,35; 4,53; số nào vừa lớn hơn 3,45 vừa bé hơn 3,54?

A. 3,5

B. 3,3

C. 4,35

D. 4,53

b) Khi biểu diễn trên trục số các số 3,2; 2,3; 1,23; 4,32; số thập phân nào nằm giữa số 2 và số 3?

A. 3,2

B. 2,3

C. 1,23

D. 4,32

Tiết 3

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 250 cm = ... m

45 cm = ... dm

7 dm = ... m

157 kg = ... tấn

b) 1 cm^2 = ... dm^2

192 cm^2 = ... dm^2

63 dm^2 = ... m^2

2 m^2 9 dm^2 = ... m^2

2 Hoàn thành bảng sau.

Số thập phân	8,61	1,425	7,075	9,489	0,999
Làm tròn đến hàng phần mười					
Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất					

3 Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Kỉ lục thế giới về thời gian nhanh nhất để giải một khối ru-bích 3 × 3 năm 2018 là 3,47 giây. Vào năm 2023, kỉ lục thế giới mới là 3,13 giây.

Hãy làm tròn các kỉ lục trên đến:

a) Hàng phần mười.

.....

b) Số tự nhiên gần nhất.

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số 4,699 khi làm tròn đến hàng phần trăm thì được kết quả là:

A. 4,6 B. 4,69 C. 4,70 D. 5

b) Rô-bốt đánh dấu vị trí một số trên trục số như hình dưới đây.



Hỏi đó có thể là số nào trong các số dưới đây?

A. 6,5 B. 6,6 C. 6,7 D. 6,8

BÀI 31 ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 3,7 + 18,9 b) 2,36 + 2,65 c) 16,8 + 1,68 d) 41,9 + 9

....

....

....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 19,75 + 8,31 + 0,25

= .....

= .....

= .....

b) 2,023 + 19,99 + 0,01

= .....

= .....

= .....

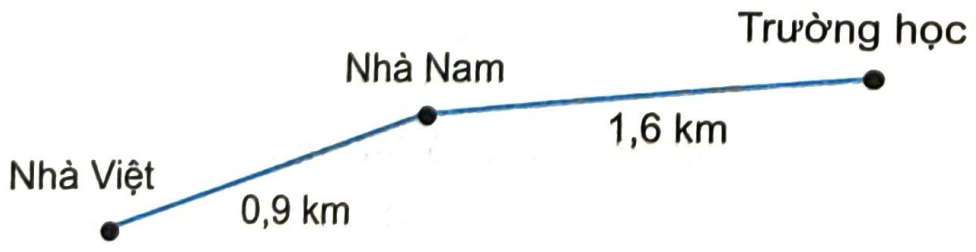
3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

9,5	0,5	8,001	4,75	0,125	9,875
1,999	8	2	5,25	6,4	3,6

Tổng các số trong bảng trên là bao nhiêu?

A. 55 B. 60 C. 65 D. 70

4 Quan sát sơ đồ dưới đây rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



a) Quãng đường từ nhà Nam đến trường học dài ..... km.

b) Quãng đường từ nhà Việt đến trường học dài ..... km.

4 Mai thực hiện phép cộng hai số thập phân như dưới đây.

Hãy nhận xét bài làm của Mai xem Mai làm đúng hay sai. Nếu sai thì sửa lại cho đúng.

$$\begin{array}{r} 5,7 \\ +\ 2,3\ 8 \\ \hline 2,9\ 5 \end{array}$$

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 23,2 – 8,6 b) 10,76 – 1,65 c) 16 – 9,38 d) 41,9 – 9,87

....

....

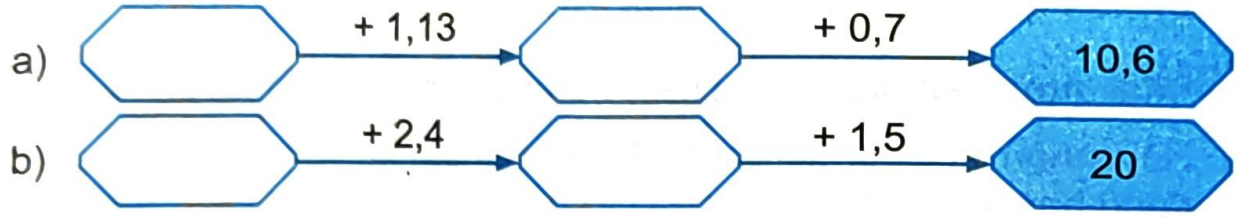
....

2 Viết số thích hợp vào ô trống.

a) 8,4 → (+ 2) → ☐ → (– 0,02) → ☐

b) 4,7 → (+ 5) → ☐ → (– 0,01) → ☐

3 Viết số thích hợp vào ô trống.



4 Bảng dưới đây cho biết cân nặng của một số bạn trong lớp.

Học sinh	Hoa	Bình	Hiếu	Hường
Cân nặng (kg)	35,8	40,25	37,92	32,89

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Trong số các bạn trên, bạn nặng nhất là .....

b) Tổng cân nặng của Bình và Hiếu là ..... kg.

c) Hoa nặng hơn Hường ..... kg.

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt xếp các tấm thẻ như hình dưới đây.



a) Đổi vị trí 2 tấm thẻ để được số thập phân lớn nhất. Số đó là .....

b) Hiệu giữa số thập phân mới nhận được với số thập phân ban đầu là:

.....

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

a) 2,4 × 7

.....

.....

.....

b) 4 × 8,9

.....

.....

.....

c) 1,7 × 6,9

.....

.....

.....

.....

.....

d) 0,18 × 3

.....

.....

.....

2 Cho biết 67 × 19 = 1 273. Không thực hiện tính, hãy viết ngay kết quả của các phép tính sau.

6,7 × 1,9 = ... 0,67 × 19 = ...

67 × 1,9 = ... 67 × 0,19 = ...

1,9 × 6,7 = ... 0,67 × 1,9 = ...

3 Rô-bốt đã chuẩn bị 4 giỏ quà giống nhau. Mỗi giỏ quà cân nặng 1,36 kg. Hỏi cân nặng của 4 giỏ quà đó là bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Mỗi xô nước chứa 7,2 *l* nước. Chú Ba đã dùng 1,5 xô nước để rửa xe. Hỏi chú Ba đã dùng bao nhiêu lít nước để rửa xe?

Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 4

1 Đặt tính rồi tính.

a) 7,02 : 3 b) 63 : 35 c) 7,93 : 1,3 d) 38 : 1,9

....

....

....

.....

2 Viết số thích hợp vào ô trống.

a) ☐ × 3 → ☐ : 1,5 → 3,4

b) ☐ × 0,16 → ☐ × 3,6 → 17,28

3 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

a)

Số bị chia	18,4	32	21,42	
Số chia	23	5		2,8
Thương	0,8		3,4	7,1

b)

Thừa số	2,5		0,43	11,2
Thừa số	4,5	5,8		2,8
Tích	11,25	7,54	4,214	

4 Mảnh vườn nhà Minh dạng hình chữ nhật có diện tích 31,2 m^2, chiều rộng 4,8 m. Hỏi chu vi mảnh vườn đó là bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

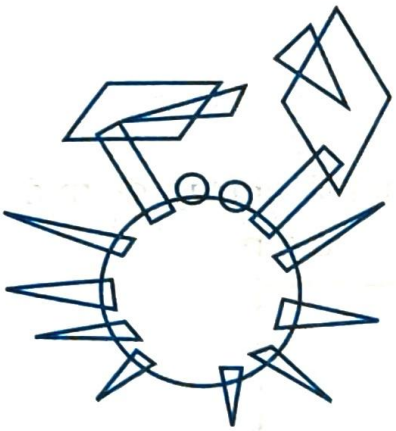
.....

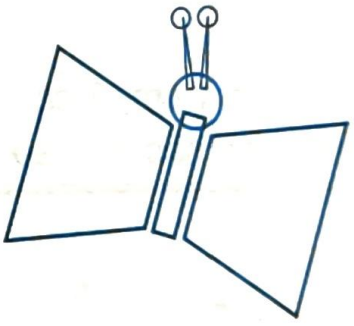
.....

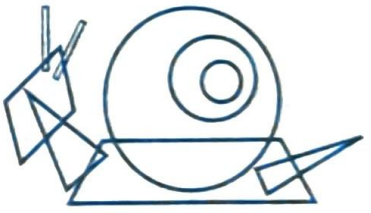
BÀI 32 ÔN TẬP MỘT SỐ HÌNH PHẲNG

Tiết 1

1 Rô-bốt phác hoạ một số con vật bằng các hình cơ bản như hình dưới đây.







Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Rô-bốt đã phác hoạ các con vật:

.....

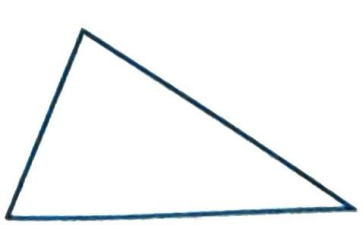
b) Kể tên các hình cơ bản được sử dụng trong mỗi hình phác hoạ.

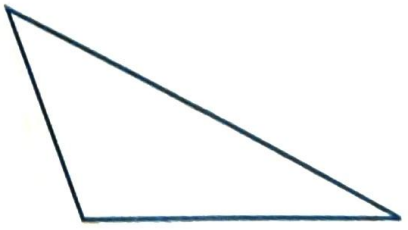
.....

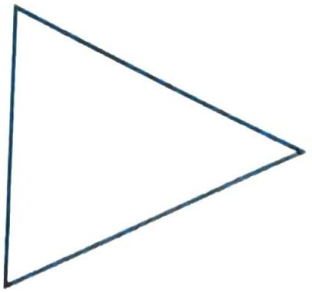
.....

.....

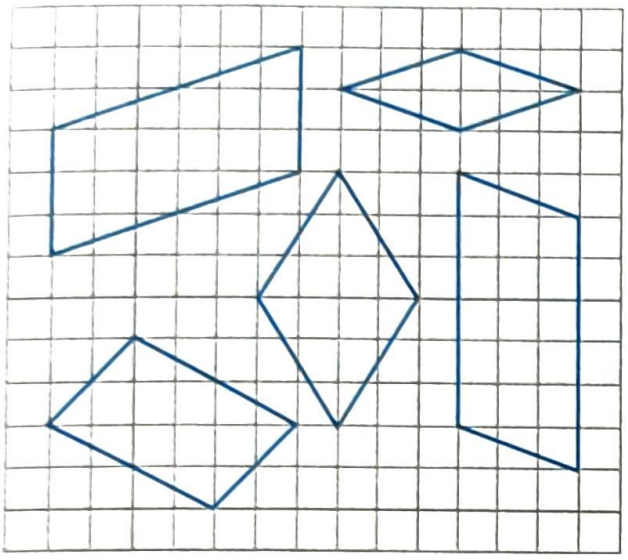
2 Hãy vẽ một đường cao trong mỗi hình tam giác dưới đây.

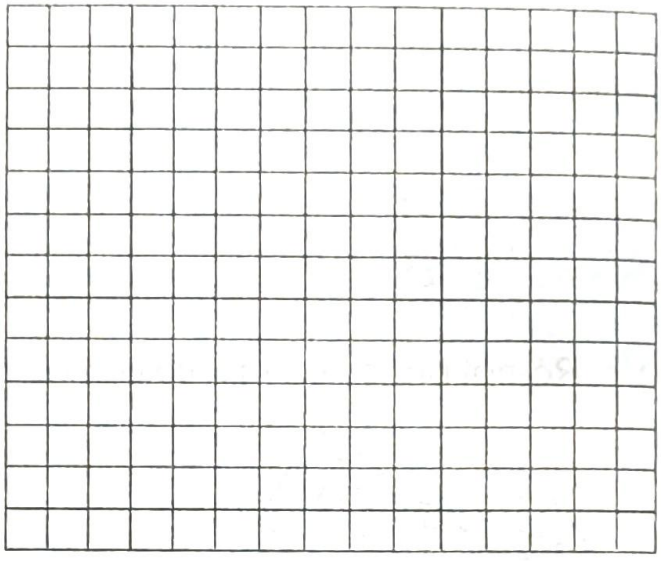




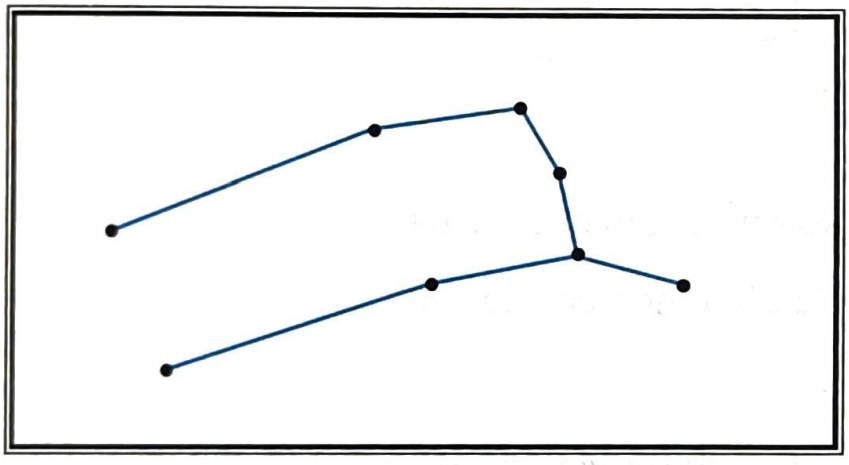


3 Vẽ hình (theo mẫu).



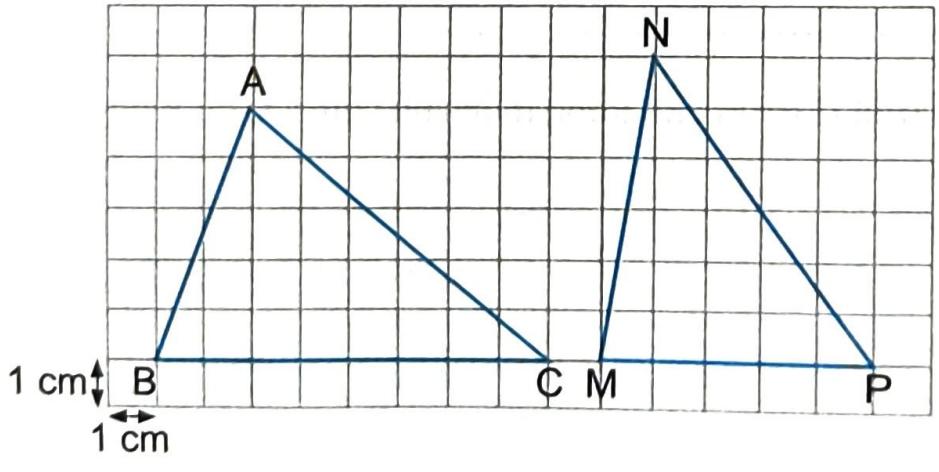


4 Vẽ các hình tròn có bán kính 1 cm, 2 cm với tâm là những điểm đã đánh dấu. Sau đó, trang trí màu sắc theo sở thích của em.



Tiết 2

1 Tính diện tích mỗi hình tam giác dưới đây.



Bài giải

.....

.....

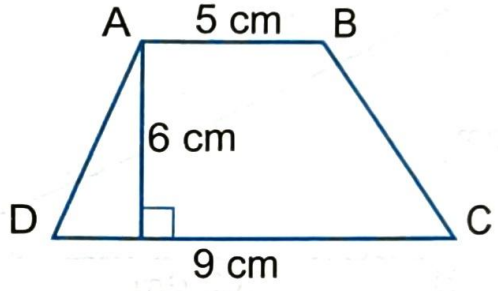
.....

.....

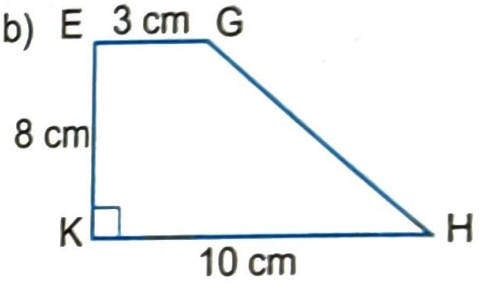
.....

2 Tính diện tích mỗi hình thang dưới đây.

a)



b)



Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài giải

.....

.....

.....

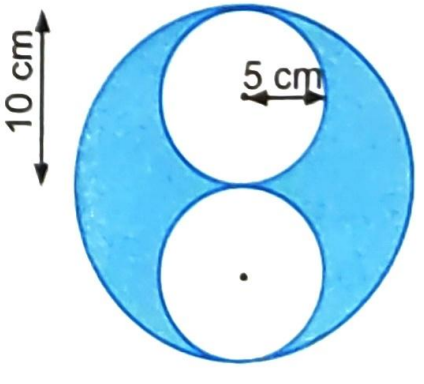
.....

3 Hoàn thành bảng sau.

Bán kính hình tròn	2 cm	10 cm	3 dm	1 m
Chu vi hình tròn				
Diện tích hình tròn				

4 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt vẽ 1 hình tròn lớn và 2 hình tròn nhỏ rồi tô màu như hình vẽ bên. Hình tròn lớn có bán kính 10 cm và mỗi hình tròn nhỏ có bán kính 5 cm. Diện tích phần tô màu là ..... cm^2.



BÀI 33 ÔN TẬP DIỆN TÍCH, CHU VI MỘT SỐ HÌNH PHẲNG

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

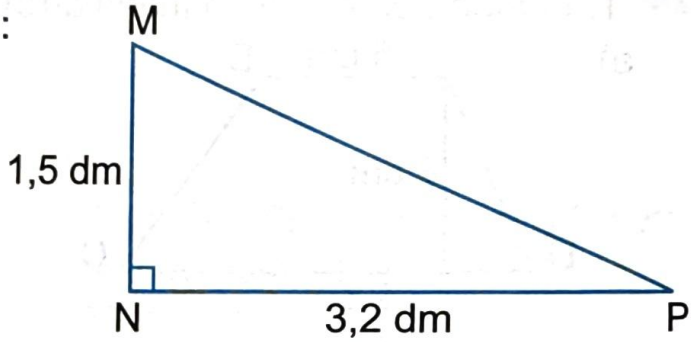
Diện tích hình tam giác MNP là:

A. 4,8 dm^2

B. 2,4 dm

C. 2,4 dm^2

D. 2,4 m^2

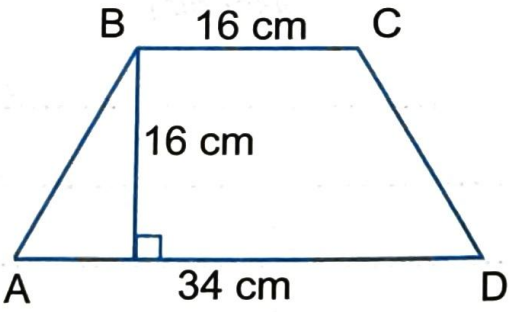


2 Đ, S ?

Diện tích hình thang ABCD là:

a) 800 cm^2 ☐

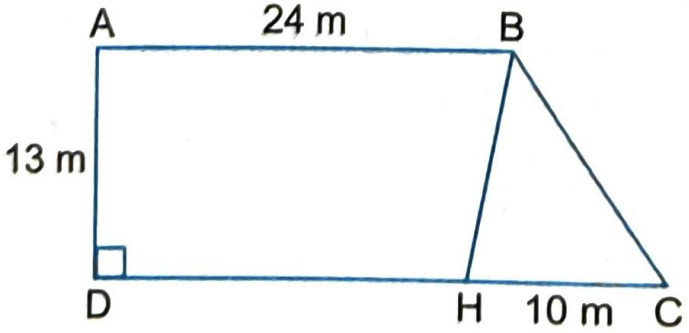
b) 400 cm^2 ☐



3 Mảnh đất của ông Năm dạng hình thang vuông có chiều cao 13 m, đáy bé 24 m và đáy lớn bằng $\frac{4}{3}$ đáy bé. Ông Năm đã dành phần đất hình tam giác BHC (như hình vẽ) để hiến đất mở rộng đường. Hỏi:

a) Ông Năm hiến bao nhiêu mét vuông đất để mở rộng đường?

b) Phần đất còn lại có diện tích bao nhiêu mét vuông?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

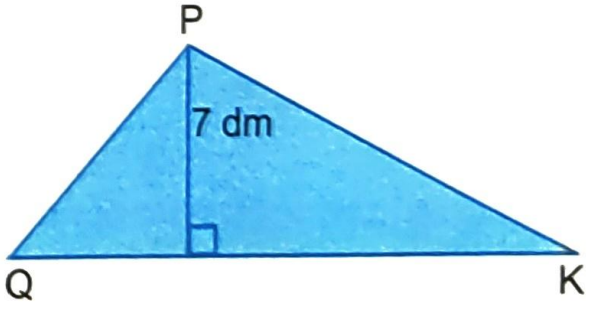
4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rô-bốt cắt được một mảnh bìa hình tam giác PQK có diện tích là 63 dm^2 và chiều cao là 7 dm (như hình vẽ).

Độ dài đáy QK của hình tam giác PQK là:

A. 9 dm B. 18 dm^2

C. 18 dm D. 81 dm



Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Ở sảnh của một khách sạn người ta trải tấm thảm dạng hình tròn có bán kính 2 m.

a) Chu vi của tấm thảm đó là:

A. 6,28 m B. 12,65 m C. 12,56 m D. 12,56 m^2

b) Diện tích của tấm thảm đó là:

A. 12,56 m B. 12,56 m^2 C. 12,65 m^2 D. 1,256 m^2

2. Bánh xe xích lô có đường kính là 70 cm. Hỏi xe xích lô đó sẽ đi được bao nhiêu mét nếu bánh xe lăn trên mặt đất được 1 000 vòng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nam đo được đường kính của một mặt bàn hình tròn là 1,2 m. Tính diện tích của mặt bàn đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

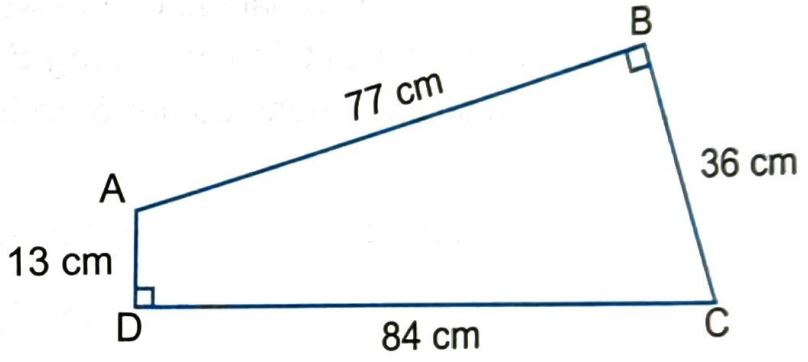
Vườn hoa của Trường Tiểu học Lê Lợi dạng hình chữ nhật có chiều dài 24 m, chiều rộng 16 m. Ở giữa vườn hoa là hồ nước hình tròn có bán kính 4 m, phần đất còn lại làm đường đi và trồng hoa.

a) Diện tích phần đất làm đường đi và trồng hoa là .....

b) Độ dài hàng rào xung quanh hồ nước là .....

Tiết 3

1 Tính diện tích mảnh bìa hình tứ giác ABCD có kích thước như hình dưới đây.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

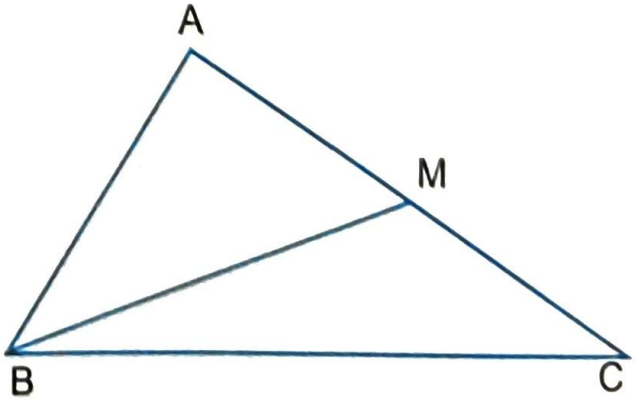
.....

.....

.....

2 Đ, S ?

Cho hình tam giác ABC và M là trung điểm của cạnh AC.



a) Diện tích hình tam giác BCM bé hơn diện tích hình tam giác BAM. ☐

b) Diện tích hình tam giác BCM bằng diện tích hình tam giác BAM. ☐

c) Diện tích hình tam giác BAC gấp 2 lần diện tích hình tam giác BAM. ☐

3 Một thửa ruộng dạng hình thang có độ dài hai đáy là 43 m và 37 m, chiều cao là 25 m. Người ta thu hoạch trên thửa ruộng đó, cứ 100 m^2 thu được 88 kg ngô. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu được bao nhiêu tấn ngô?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một bồn hoa có hình dạng và kích thước như hình vẽ dưới đây.

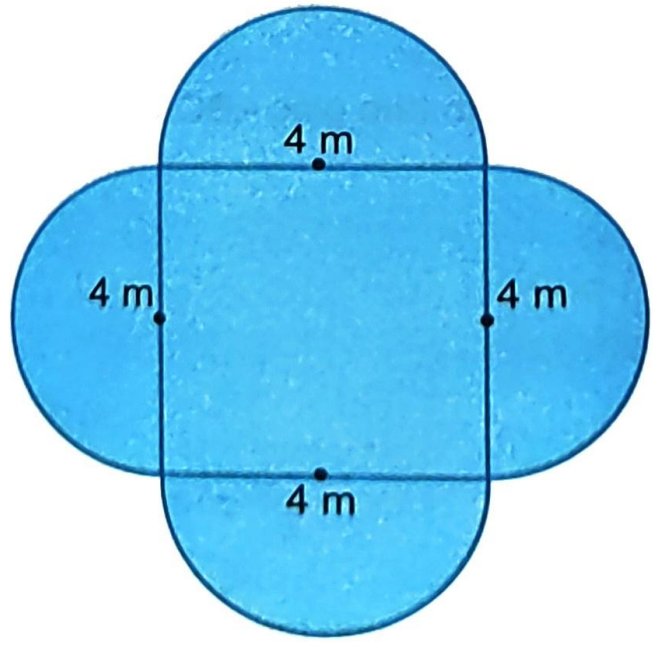
Diện tích của bồn hoa là:

A. 25,12 m^2

B. 41,12 m^2

C. 411,2 m^2

D. 40,12 m^2



BÀI 34 ÔN TẬP ĐO LƯỜNG

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 35 m 27 cm = ... cm

8,05 km = ... m

5,25 tạ = ... kg

14,6 m = ... dm

8 kg 640 g = ... g

4,59 tấn = ... kg

b) 6 km^2 45 ha = ... ha

900 ha = ... km^2

3,68 m^2 = ... dm^2

7,8 ha = ... m^2

7 dm^2 66 cm^2 = ... cm^2

80 000 m^2 = ... ha

2 Tính.

a) 7,53 km + 8,7 km = ...

9,4 kg – 3,67 kg = ...

b) 52,4 ha × 6 = ...

95,36 km^2 : 8 = ...

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho biết hồ Thiền Quang ở Hà Nội có diện tích khoảng 0,05 km^2.

Vậy diện tích của hồ Thiền Quang khoảng:

a) ..... ha

b) ..... m^2

4 Một khu vườn trồng rau sạch dạng hình chữ nhật có chiều dài 400 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Hỏi diện tích khu vườn đó là bao nhiêu mét vuông, bao nhiêu héc-ta?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 6 m 250 mm = ... m

670 m = ... km

439 g = ... kg

b) 7 m^2 46 dm^2 = ... m^2

60 mm^2 = ... cm^2

527 ha = ... km^2

863 cm = ... m

3 tấn 107 kg = ... tấn

5 420 kg = ... tấn

361 dm^2 = ... m^2

51 km^2 8 ha = ... km^2

73 ha = ... km^2

2 Một siêu thị nhập về 280 kg cam và số ki-lô-gam thanh long gấp 3 lần số ki-lô-gam cam. Hỏi siêu thị đó nhập về tất cả bao nhiêu tấn cam và thanh long?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{5}{12}$ giờ = ... phút b) $\frac{1}{6}$ phút = ... giây c) $\frac{7}{10}$ thế kỉ = ... năm

4 Một khu đô thị có diện tích 105 ha. Người ta sử dụng $\frac{3}{7}$ diện tích để xây nhà ở, đường đi và các công trình tiện ích; diện tích còn lại làm khuôn viên cây xanh và hồ điều hoà. Hỏi diện tích làm khuôn viên cây xanh và hồ điều hoà là bao nhiêu héc-ta, bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Tổng của 45 637 và 8 092 là:

A. 53 629 B. 43 729 C. 53 729 D. 126 557

b) Hiệu của 68 083 và 6 514 là:

A. 62 569 B. 61 569 C. 61 579 D. 51 569

c) Tích của 263 và 32 là:

A. 8 216 B. 8 316 C. 1 315 D. 8 416

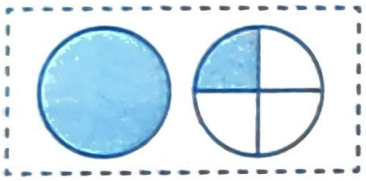
d) Thương của 62 514 và 69 là:

A. 906 B. 96 C. 609 D. 9 051

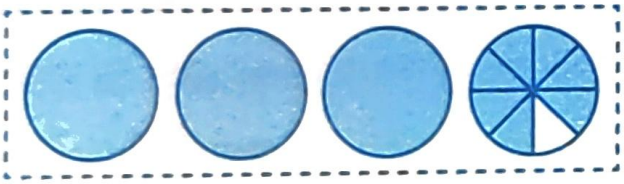
BÀI 35 ÔN TẬP CHUNG

Tiết 1

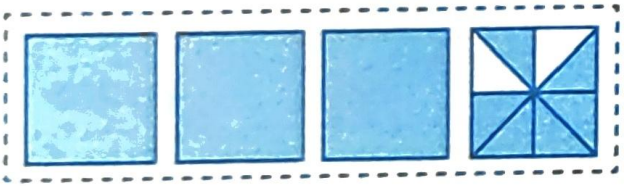
1 a) Viết hỗn số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).



$1\frac{1}{4}$



.....



.....

b) Chuyển các hỗn số: $4\frac{2}{5}$; $7\frac{3}{10}$; $5\frac{19}{100}$ thành phân số.

.....

.....

.....

c) Chuyển các phân số: $\frac{123}{50}$; $\frac{116}{200}$; $\frac{37}{125}$ thành số thập phân.

.....

.....

.....

2 Tính.

a) $\frac{6}{11} + \frac{3}{5} =$ ..... b) $\frac{3}{7} + \frac{4}{9} =$ .....

c) $\frac{8}{9} - \frac{4}{5} =$ ..... d) $\frac{15}{9} - \frac{3}{5} =$ .....

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{5}{17} + \frac{18}{11} + \frac{12}{17}$

= .....

= .....

= .....

b) $\frac{4}{7} \times \frac{14}{19} + \frac{4}{7} \times \frac{5}{19}$

= .....

= .....

= .....

4 Trong một đợt thu gom giấy vụn, lớp 5A đã thu gom được 54 kg giấy vụn, lớp 5B đã thu gom được số giấy vụn bằng $\frac{7}{9}$ số giấy vụn của lớp 5A, lớp 5C thu gom được nhiều hơn lớp 5B là 10 kg. Biết 1 kg giấy vụn làm được 12 cuốn vở tái chế. Hỏi số giấy vụn của cả ba lớp làm được bao nhiêu cuốn vở tái chế?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

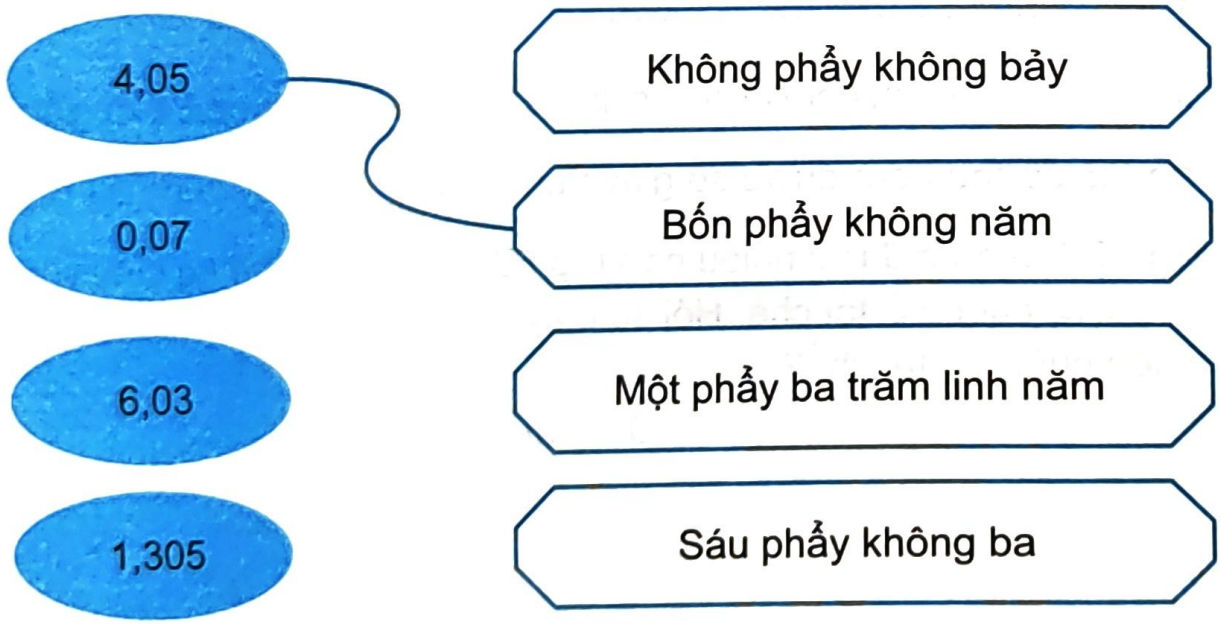
.....

Tiết 2

1 a) Hoàn thành bảng sau.

Số gồm	Viết là
Hai trăm bốn mươi ba đơn vị, ba phần mười, sáu phần trăm, ba phần nghìn	
Tám mươi hai đơn vị, bảy mươi phần trăm	
Bốn trăm linh năm đơn vị, ba trăm sáu mươi lăm phần nghìn	
Hai mươi mốt đơn vị, sáu phần trăm	

b) Nối (theo mẫu).



2 a) **>; <; = ?**

6,089 ☐ 6,1 7,453 ☐ 7,435 201,3 ☐ 201,30

b) Viết các số 7,1; 8,341; 7,089; 8,3409 theo thứ tự từ bé đến lớn là:

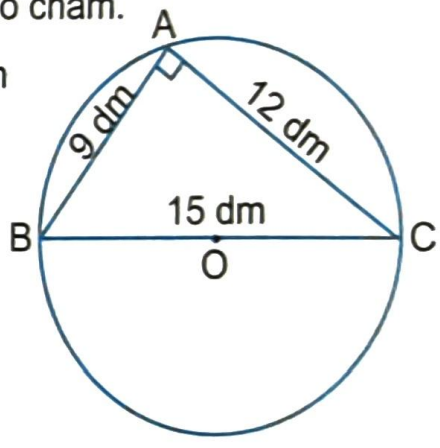
.....

3 Đặt tính rồi tính.

34,28 + 19,45	68,72 – 39,24	17,32 × 14	75,52 : 16
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
		.....	.....
		.....	

4 Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Cho hình tam giác vuông ABC và hình tròn tâm O với kích thước như hình vẽ bên.



a) Diện tích hình tam giác vuông ABC là ..... dm^2.

b) Diện tích hình tròn tâm O là ..... dm^2.

c) Chu vi hình tròn tâm O là ..... dm^2.

5 Có 8 kg đường chia đều vào 10 túi. Hỏi:

a) 6 túi đường như vậy có bao nhiêu ki-lô-gam đường?

b) Nếu 1 kg đường loại đó giá 18 000 đồng thì mua 5 túi đường như vậy hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số gồm: Bốn mươi hai đơn vị, ba phần mười, không phần trăm, bảy phần nghìn viết là:

A. 42,37 B. 42,037 C. 42,370 D. 42,307

b) Chữ số 2 trong số thập phân nào dưới đây ở hàng phần nghìn?

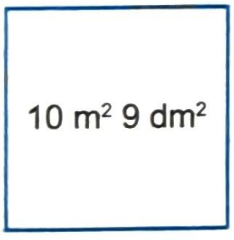
A. 38,025 B. 30,812 C. 23,081 D. 12,308

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

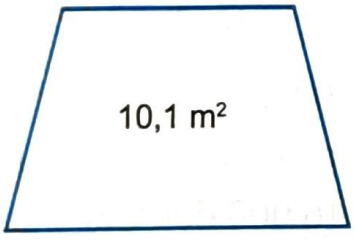
a) Số thích hợp với dấu "?" trong 2 015 ha = ? km^2 là:

A. 0,2015 B. 2,015 C. 20,15 D. 201,5

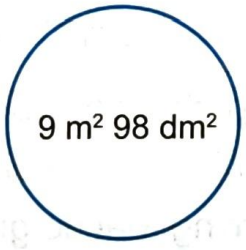
b) Diện tích các miếng bìa được ghi như hình vẽ dưới đây.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Hình có diện tích lớn nhất là:

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) $(32,1-18,3):0,6+26,15$

= .....

= .....

= .....

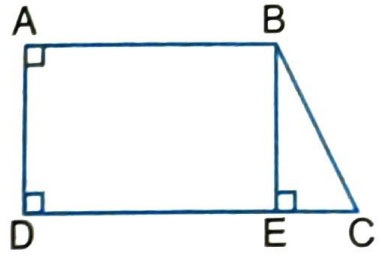
b) $17,6\times1,2+17,6\times3,2$

= .....

= .....

= .....

4 Cho hình thang vuông ABCD có đáy lớn hơn đáy bé 60 cm, có chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy và bằng 120 cm. Đoạn thẳng BE vuông góc với CD chia hình thang thành hình chữ nhật ABED và hình tam giác BCE. Tính:



a) Diện tích hình tam giác BCE.

b) Chu vi hình chữ nhật ABED.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

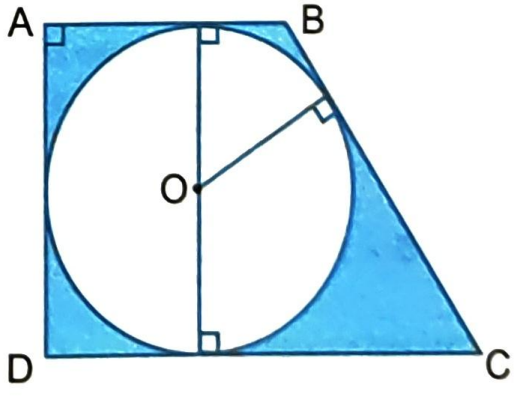
.....

.....

.....

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt đã vẽ hình thang ABCD và hình tròn tâm O (như hình vẽ dưới đây).



Biết AB = 14 cm, CD = 25 cm, AD = $\frac{4}{5}$ CD.

a) Chu vi hình tròn tâm O là .....

b) Diện tích phần đã tô màu là .....

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: BÙI THU TRANG – VŨ MINH HẢI
Biên tập tái bản: VŨ MINH HẢI
Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – PHẠM THỊ TÌNH
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 5 - TẬP MỘT

Mã số: G1BH5T001h26
In 71.700 bản (QĐ in số 01) khổ 17 x 24 cm.
Đơn vị in: Công ty Cổ phần in Scitech
Địa chỉ: D20/532H Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số ĐKXB: 92-2026/CXBIPH/44-20/GD
Số QĐXB: 202/QĐXB-GD ngày 02 tháng 03 năm 2026
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2026
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-39140-7
Tập hai: 978-604-0-39141-4